

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: CHĂN NUÔI - THÚ Y

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5620120

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số 394/QĐ-CDKT ngày 05 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum*

Quảng Ngãi, năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Chăn nuôi - Thú y. Tiếng Anh: Breeding - Veterinary.

Mã ngành, nghề: 5620120.

Trình độ đào tạo: Trung cấp.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

A. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/MÔ TẢ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

Ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y trình độ trung cấp là ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi; ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp sản phẩm có giá trị và an toàn cho xã hội, phục vụ tốt chiến lược phát triển chăn nuôi bền vững, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các nhiệm vụ chính của ngành, nghề gồm tham gia sản xuất thuốc thú y, chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất con giống; nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; truyền tinh nhân tạo; ấp trứng nhân tạo; chẩn đoán bệnh cho vật nuôi; phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi; kinh doanh thuốc thú y, thức ăn và sản phẩm chăn nuôi.

Người học sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y trình độ trung cấp có thể làm ở các cơ sở chăn nuôi, công ty sản xuất, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; các trại, công ty sản xuất con giống gia súc, gia cầm; các cơ sở, hợp tác xã, công ty, trang trại, hộ gia đình chăn nuôi; các trạm, trại, các trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; các cửa hàng dịch vụ thú y, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn...

B. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chung

Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp trình độ trung cấp, ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng; bảo đảm liên thông giữa các cấp trình độ; phù hợp với thực tiễn thiết bị, công nghệ tiên tiến và nhu cầu sử dụng lao động của thị trường.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Yêu cầu về kiến thức

1.1. Trình bày được các cách sử dụng dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, máy móc thiết bị phòng thí nghiệm, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác;

1.2. Trình bày được các đặc điểm sinh lý, sinh hóa, đặc điểm giải phẫu vật nuôi; các giống vật nuôi và các phương pháp lai giống; một số loại cây thức ăn gia súc, cách trồng và khai thác và nguồn gốc, vai trò dinh dưỡng của các loại thức ăn chăn nuôi;

1.3. Trình bày được tính chất, tác dụng và ứng dụng điều trị của các loại thuốc thú y, vắc xin và chế phẩm sinh học dùng trong thú y; quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

1.4. Trình bày được các ứng dụng về công nghệ thông tin, kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề phát sinh;

1.5. Mô tả được các phương pháp huấn luyện đực giống và khai thác tinh dịch, pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá chất lượng tinh dịch;

1.6. Trình bày được các bước công việc trong quy trình ấp trứng nhân tạo; phương pháp trợ sản cho gia súc đẻ và các biện pháp can thiệp khi gia súc đẻ khó;

1.7. Mô tả được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc các loại vật nuôi; các yếu tố ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi;

1.8. Trình bày được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi;

1.9. Mô tả được các phương pháp huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng; các bước công việc trong chẩn đoán lâm sàng, tiên lượng tình trạng bệnh cho vật nuôi; nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh thường gặp trên vật nuôi, phân tích được phác đồ điều trị bệnh hiệu quả;

1.10. Trình bày được quy trình tiêm phòng vắc xin, nhận biết được những phản ứng sau khi tiêm vắc xin và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời;

1.11. Trình bày được các bước lập kế hoạch và thực hiện kinh doanh thuốc thú y, thức ăn và sản phẩm chăn nuôi;

1.12. Trình bày được các kiến thức về Luật thú y, Luật chăn nuôi và các biện pháp chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, thú y; các biện pháp an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi thú y;

1.13. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2. Yêu cầu về kỹ năng

2.1. Ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y;

2.2. Sử dụng được các dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác;

2.3. Lựa chọn được các loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với đối tượng vật nuôi;

2.4. Trồng và khai thác được cây thức ăn gia súc; thực hiện các bước sơ chế, bảo quản sản phẩm chăn nuôi; các biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi;

2.5. Tham gia thực hiện quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

2.6. Huấn luyện được đực giống và khai thác tinh dịch đúng kỹ thuật; pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá được chất lượng tinh dịch;

2.7. Thực hiện vận hành máy ấp trứng nhân tạo đúng quy trình;

2.8. Lựa chọn được con giống đạt tiêu chuẩn và thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc các loại vật nuôi đúng quy trình;

2.9. Thực hiện trợ sản được cho gia súc và hỗ trợ xử lý được các trường hợp gia súc đẻ khó;

2.10. Thực hiện được việc huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng;

2.11. Thực hiện đúng các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi; quy trình tiêm phòng vắc xin; một số phương pháp chẩn đoán bệnh cho vật nuôi;

2.12. Lập được phác đồ điều trị và thực hiện điều trị được các bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, ký sinh trùng, truyền nhiễm cho vật nuôi;

2.13. Tổ chức và thực hiện được kinh doanh con giống, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm chăn nuôi bảo đảm đúng pháp luật của nhà nước;

2.14. Sử dụng được các biện pháp khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nền sản xuất nông nghiệp bền vững và phát triển;

2.15. Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

2.16. Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

3.1. Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

3.2. Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

3.3. Sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động trong quá trình thực hiện, bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi;

3.4. Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác;

3.5. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

3.6. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

C. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Công nhân sản xuất thuốc thú y;
- Chế biến thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất con giống;
- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi;
- Truyền tinh nhân tạo;
- Ấp trứng nhân tạo;
- Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi;
- Phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
- Kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi

D. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1590 giờ/55 tín chỉ.
2. Số lượng môn học, mô đun: 27.
3. Khối lượng học tập các môn học chung: 265 giờ/11 tín chỉ.
4. Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1325 giờ/44 tín chỉ).
5. Khối lượng lý thuyết: 354 giờ/26 tín chỉ; thực hành, thực tập: 1138 giờ/29 tín chỉ.

E. TỔNG HỢP CÁC NĂNG LỰC CỦA NGÀNH, NGHỀ

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị
2	NLCB-02	Vận dụng các kiến thức pháp luật
3	NLCB-03	Vận dụng các kiến thức giáo dục thể chất

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
4	NLCB-04	Vận dụng các kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh
5	NLCB-05	Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng, thống kê
6	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản bậc 1/6 khung năng lực
7	NLCB-07	Sử dụng dụng cụ thú y
8	NLCB-08	Sử dụng dụng cụ, thiết bị chăn nuôi
9	NLCB-09	Sử dụng các trang, thiết bị phòng dịch
10	NLCB-10	Thực hiện biện pháp an toàn lao động
11	NLCB-11	Sử dụng tài nguyên hợp lý
12	NLCB-12	Sử dụng quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi
13	NLCB-13	Vận dụng các kỹ năng mềm trong công việc chuyên môn và giao tiếp
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
14	NLCL-01	Chuẩn bị nguyên liệu và vận hành quy trình sản xuất thuốc thú y
15	NLCL-02	Bảo quản và bao gói sản phẩm thuốc thú y
16	NLCL-03	Xác định nhu cầu dinh dưỡng
17	NLCL-04	Xây dựng công thức phối trộn
18	NLCL-05	Chuẩn bị nguyên liệu và chế biến thức ăn chăn nuôi

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
19	NLCL-06	Đóng gói sản phẩm
20	NLCL-07	Quản lý thức ăn chăn nuôi
21	NLCL-08	Xác định giống vật nuôi
22	NLCL-09	Chọn phương pháp nhân giống
23	NLCL-10	Chọn lọc và ghép đôi nhân giống
24	NLCL-11	Chuẩn bị chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi
25	NLCL-12	Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển vật nuôi
26	NLCL-13	Theo dõi, điều chỉnh tiểu khí hậu chuồng nuôi
27	NLCL-14	Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi
28	NLCL-15	Chuẩn bị vật nuôi, phương tiện và dụng cụ lấy tinh
29	NLCL-16	Phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch
30	NLCL-17	Kiểm tra kết quả truyền tinh
31	NLCL-18	Chuẩn bị phòng ấp trứng, máy ấp trứng và trứng ấp
32	NLCL-19	Đưa trứng vào máy ấp, chuyển trứng sang máy nở
33	NLCL-20	Kiểm tra sinh học trứng ấp
34	NLCL-21	Chẩn đoán lâm sàng và qua mổ khám
35	NLCL-22	Tiên lượng tình trạng bệnh

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
36	NLCL-23	Vệ sinh thú y
37	NLCL-24	Thực hiện quy trình tiêm phòng
38	NLCL-25	Phát hiện dịch bệnh
39	NLCL-26	Khoanh vùng, cách ly vật bệnh
40	NLCL-27	Lập phác đồ điều trị
41	NLCL-28	Lập kế hoạch kinh doanh
42	NLCL-29	Chuẩn bị địa điểm kinh doanh
43	NLCL-30	Nhập hàng
44	NLCL-31	Bán hàng
45	NLCL-32	Kiểm kê bảo quản, hàng hóa
III	Năng lực nâng cao	
46	NLNC-01	Trồng cây nguyên liệu
47	NLNC-02	Khai thác sơ chế và bảo quản thức ăn
48	NLNC-03	Chọn giống vật nuôi
49	NLNC-04	Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn
50	NLNC-05	Tổng hợp, báo cáo kết quả chăn nuôi
51	NLNC-06	Huấn luyện gia súc đực
52	NLNC-07	Khai thác và pha chế tinh dịch
53	NLNC-08	Dẫn tinh cho vật nuôi
51	NLNC-09	Lấy mẫu bệnh phẩm

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
52	NLNC-10	Điều trị bệnh nội khoa, bệnh ngoại khoa, bệnh ngoại khoa, bệnh sản khoa, bệnh ký sinh trùng, bệnh truyền nhiễm
53	NLNC-11	Theo dõi, đánh giá kết quả phòng và điều trị
54	NLNC-12	Đăng ký kinh doanh

F. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT, TH, TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
I	Các môn học chung	11(8,3,0)	265	95	74	74	0	10(5,5)/12(8,4)
510120012	Giáo dục chính trị	2(2,0,0)	32	15	13	0	0	2(2,0)/2(2,0)
511710022	Pháp luật	1(1,0,0)	16	9	5	0	0	1(1,0)/1(1,0)
510410012	Giáo dục thể chất	1(0,1,0)	32	4	0	24	0	2(0,2)/2(0,2)
510420032	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2(1,1,0)	47	21	0	21	0	2(0,2)/3(2,1)
512720012	Tin học	2(1,1,0)	46	15	0	29	0	1(0,1)/1(0,1)
512830082	Tiếng Anh	3(3,0,0)	92	31	56	0	0	2(2,0)/3(3,0)
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	44(18,22,4)	1325	259	9	831	180	23(1,22)/23(1,22)
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8(4,4,0)	219	49	9	151	0	5(1,4)/5(1,4)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT, TH, TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
510211182	Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường	1(1,0,0)	15	4	9	0	0	1(1,0)/1(1,0)
511830063	Giải phẫu sinh lý vật nuôi	3(1,2,0)	88	15	0	69		2(0,2)/2(0,2)
511820723	Sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y *	2(1,1,0)	58	15	0	41		1(0,1)/1(0,1)
511827033	Chế biến thức ăn chăn nuôi	2(1,1,0)	58	15	0	41		1(0,1)/1(0,1)
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34(13,17,4)	1054	195	0	645	180	17(0,17)/17(0,17)
511820743	Nhân giống vật nuôi	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT, TH, TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
511830753	Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò*	3(1,2,0)	88	15	0	69	0	2(0,2)/2(0,2)
511830763	Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn*	3(1,2,0)	88	15	0	69	0	2(0,2)/2(0,2)
511830773	Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng*	3(1,2,0)	88	15	0	69	0	2(0,2)/2(0,2)
511830783	Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm*	3(1,2,0)	88	15	0	69	0	2(0,2)/2(0,2)
511820793	Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511820803	Phòng và điều trị bệnh nội khoa*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511820813	Phòng và điều trị bệnh sản khoa*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT, TH, TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
511820823	Phòng và điều trị bệnh ngoại khoa*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511820833	Phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511820843	Phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511820853	Thụ tinh nhân tạo*	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511820863	Vệ sinh thú y	2(1,1,0)	58	15	0	41	0	1(0,1)/1(0,1)
511840253	Thực tập tại cơ sở**	4(0,0,4)	180	0	0	0	180	
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao (học sinh lựa chọn 1 trong 3 môn học, mô đun)	2(1,1,0)	52	15	0	35	0	1(0,1)/1(0,1)
511820873	Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ*	2(1,1,0)	52	15	0	35	0	1(0,1)/1(0,1)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT, TH, TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
511820883	Nuôi dưỡng và chăm sóc ong*	2(1,1,0)	52	15	0	35	0	1(0,1)/1(0,1)
511820893	Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2(1,1,0)	52	15	0	35	0	1(0,1)/1(0,1)
Tổng cộng		55(26,25,4)	1590	354	83	905	180	33(6,27)/35(9,26)

Ghi chú: Môn học, mô đun có gắn dấu “*” là thực hành, thực tập tại cơ sở. Tổng khối lượng các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở là 784 giờ (tỷ lệ $784/1590 = 49,31\%$).

G. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CÁC MÔN HỌC CHUNG THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

II. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Kiến thức về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Tích hợp, lồng ghép vào chương trình công tác của BCH Đoàn Trường, BCH Hội Sinh viên Trường hàng năm)	12 giờ
2	Kiến thức cơ bản về bình đẳng giới (Tích hợp, lồng ghép vào chương trình công tác của BCH Đoàn Trường, BCH Hội Sinh viên Trường hàng năm hàng năm)	4 giờ
3	Kiến thức cơ bản về phòng, chống tệ nạn xã hội; HIV/AIDS; tác hại thuốc lá (Tích hợp, lồng ghép trong chương trình “Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên đầu khoá” hàng năm)	4 giờ
4	Kiến thức cơ bản về an toàn giao thông (Tích hợp, lồng ghép vào chương trình công tác của BCH Đoàn Trường, BCH Hội Sinh viên Trường hàng năm)	4 giờ
5	Các kỹ năng bổ trợ gồm: Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh; kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu	4 giờ

Số TT	Nội dung	Thời gian
	khoa học, công nghệ; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực (Tích hợp, lồng ghép vào chương trình công tác của BCH Đoàn Trường, BCH Hội Sinh viên Trường hàng năm)	

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC KIỂM TRA, THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun chủ động thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum); Quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo năng lực (ban hành theo Quyết định 963/QĐ-CĐKT ngày 25/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum).

- Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học theo năng lực phải được thể hiện trong kế hoạch bài giảng.

- Đề kiểm tra định kỳ được thể hiện trong kế hoạch bài giảng lý thuyết, thực hành, tích hợp (tuỳ tính chất bài kiểm tra). Nội dung bao gồm: Câu hỏi kiểm tra, đáp án chấm điểm và bảng tổng hợp thể hiện các mục tiêu của chương trình môn học, chương trình mô đun được kiểm tra, đánh giá qua bài kiểm tra.

2. Thi kết thúc môn học, mô đun

- Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chủ trì, tổ chức theo kế hoạch Khảo thí hàng năm; thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, môn học, mô đun (ban hành theo Quyết định số 287/QĐ-CĐKT ngày 08/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum); khoản 2 Điều 12 Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (ban hành theo

Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum).

- Đề thi, kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được nhà giáo giảng dạy xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành (ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-CĐKT ngày 12/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum) và phải thể hiện rõ nội dung đề thi, kiểm tra nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học/chương trình mô đun.

- Đối với các môn học, mô đun do tính chất, điều kiện triển khai thực hiện, cần tổ chức thi ngay sau giảng dạy; bộ môn chủ trì, phối hợp với khoa có tờ trình đề xuất thi sau khi hoàn thành việc giảng dạy, trình Hiệu trưởng phê duyệt; phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng triển khai thực hiện bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

- Đối với các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở, không tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; khoa, bộ môn, nhà giáo hướng dẫn triển khai thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Quy định thực hành và thực tập trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng Giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 945/QĐ-CĐKT ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum bao gồm: Thực tập tại cơ sở.

IV. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quyết định số 701/QĐ-CĐKT ngày 18/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và các điều kiện khác theo quy chế đào tạo để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt nghiệp nhà trường, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y.

V. CÁC CHÚ Ý KHÁC

1. Về địa điểm đào tạo: Được thực hiện tại Trường, đối với các nội dung lý thuyết, thực hành theo kế hoạch đào tạo. Đối với các mô đun chuyên môn ngành, nghề nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, qua đó giúp người học từng bước tiếp cận với thực tế sản xuất, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp¹.

2. Trong chương trình đào tạo các môn học, mô đun được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho học sinh có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau khi ra trường và tiếp cận hướng phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay.

3. Có thể tổ chức hình thức đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp (trực tuyến và trực tiếp) đối với các môn học, mô đun sau nếu người học có đủ điều kiện cần thiết cho học tập trực tuyến:

- Đào tạo trực tuyến đối với các môn học, mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn, Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò, Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng, Nuôi dưỡng chăm sóc dê, thỏ.

¹Mô đun tham gia thực hành, thực tập tại cơ sở: Thực tập tại cơ sở*; Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò*; Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn*; Phòng và điều trị bệnh nội khoa*; Phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm*, Thụ tinh nhân tạo*, Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng*, Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm*, Sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y*, Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ*, Nuôi dưỡng và chăm sóc ong*.

- Đào tạo kết hợp đối với các môn học, mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn, Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò, Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng, Phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm, Sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y.

Đầu mỗi học kỳ, khoa tổ chức khảo sát về điều kiện học tập trực tuyến của người học để lập kế hoạch đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp cho phù hợp.

H. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (tại Phụ lục kèm theo)

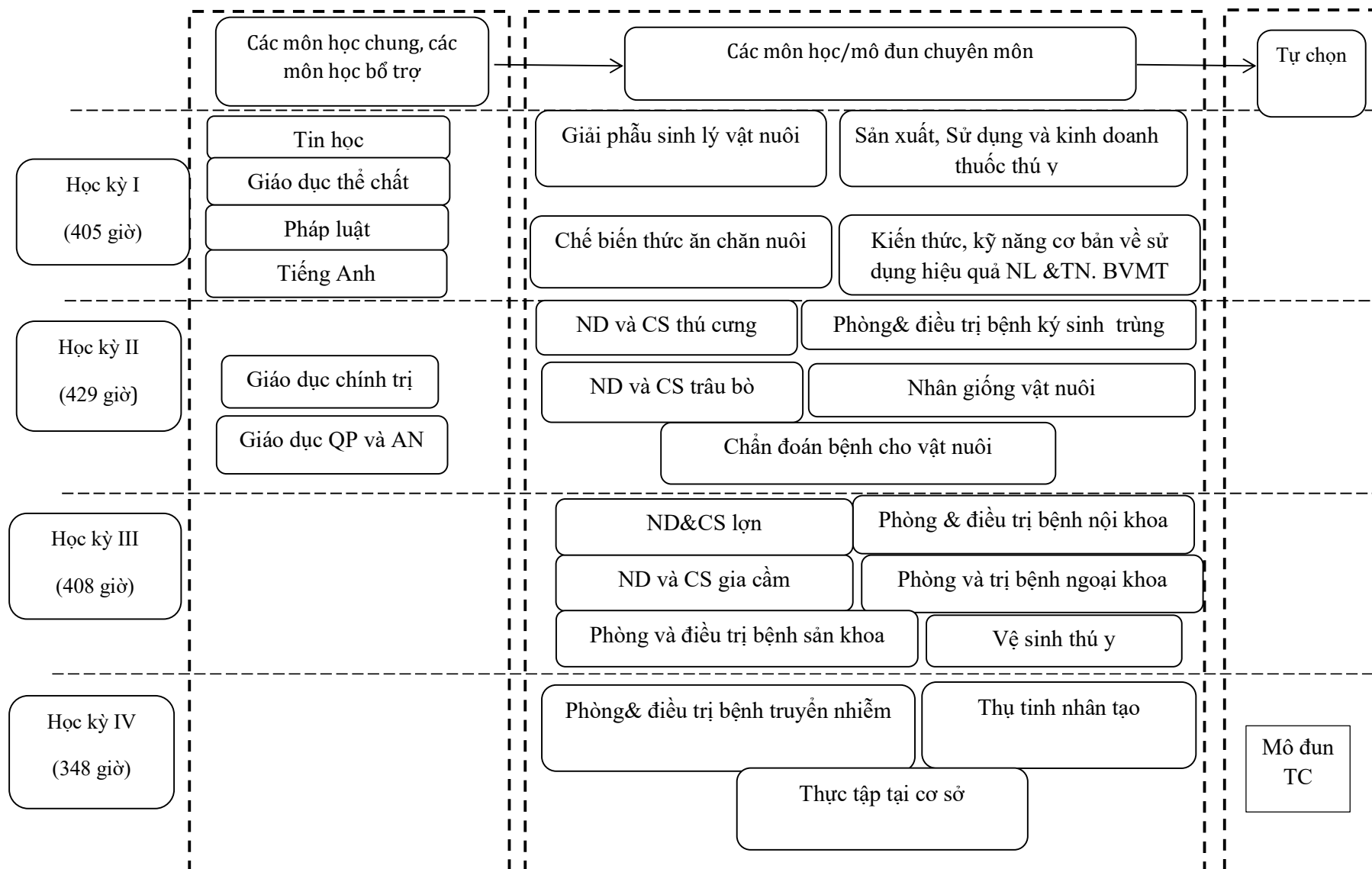
- 1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy**
- 2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**
- 3. Thư viện và học liệu**
- 4. Các điều kiện khác**

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp Mã ngành, nghề: 5620120



Phụ lục**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH****1. Nhà giáo****a) Nhà giáo cơ hữu**

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
1	Huỳnh Thị Thu Hương	ThS Thú Y	NVSPDN CĐ		1. Giải phẫu sinh lý vật nuôi. 2. Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn. 3. Phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm 4. Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm 5. Thực tập tại cơ sở
2	Võ Thị Bảo Nhân	ThS Thú y	NVSPDN CĐ		1. Giải phẫu sinh lý vật nuôi. 2. Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng 3. Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
					4. Phòng và trị bệnh nội khoa 5. Truyền tinh nhân tạo 6. Nuôi dưỡng và chăm sóc ong. 7. Vệ sinh thú y 8. Thực tập tại cơ sở
3	Võ Thị Thu Hà	ThS Thú y	NVSPDN CĐ		1. Sản xuất, Sử dụng và kinh doanh thuốc thú y 2. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ 3. Phòng và trị bệnh sản khoa 4. Phòng và trị ngoại khoa 5. Phòng và trị bệnh truyền nhiễm 6. Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
					7. Thực tập tại cơ sở
4	Phan Hồng Sơn	Kỹ sư Chăn nuôi – Thú y	NVSPDN CĐ		1. Chế biến thức ăn chăn nuôi 2. Nhân giống vật nuôi 3. Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò 4. Phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng 5. Thực tập tại cơ sở
5	Phạm Thị Tám	Kỹ sư Chăn nuôi – Thú y	Kỹ sư Chăn nuôi – Thú y		1. Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm. 2. Nhân giống vật nuôi. 3. Thực tập tại cơ sở
6	Phan Thị Thùy Na	ThS QLMT	NVSPDN CĐ		1. Vệ sinh thú y 2. Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
					3. Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm 4. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ 5. Phòng và trị bệnh truyền nhiễm.
7	Bùi thanh Sê	Kỹ sư Chăn nuôi – Thú y	NVSPDN CĐ	A2	1. Phòng và trị bệnh ký sinh trùng
8	Lê Thị Hoan	ThS HCM	NVSP GVĐH		Giáo dục chính trị
9	Hồ Trịnh Nhất Gia	Ths Luật	NVSP CĐ		Pháp luật
10	Nguyễn Thị Lan Phương	ThS Ngoại ngữ	NVSP GVĐH		Tiếng Anh
11	Trần Thị Ngọc Hà	ThS CNTT	NVSP GVĐH	Bậc 3 nghề CNTT	Tin học
12	Nguyễn Thị Châu	SPTT TD	NVSP GVĐH		Giáo dục thể chất
13	Trần Cao Điệp	CN Quân sự Chuyên ngành Hoả khí đi cùng			GDQP và AN

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
14	Nguyễn Thị Lê Anh	CN Tin học	NVSPDN		Tin học
15	Nguyễn Huỳnh Nhật Thương	Ths. Luật	NVSP CD		Pháp luật
16	Thạch Thị Hải Huyền	Ths. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	NVSP GV ĐH, CD		Tiếng Anh
17	Ngô Thị Phương Dung	ThS KH Máy tính	NVSP GV ĐH, CD	Bậc 3 nghề CNTT	Tin học
18	Lê Việt Anh	ThS CNTT	ĐHSPKT	Bậc 3 nghề CNTT	Tin học

b) Nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Dũng	Kỹ sư Chăn nuôi – Thú y	Quản lý giáo dục		Giải phẫu sinh lý động vật	

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghề vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy	Ghi chú

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

STT	NỘI DUNG	DIỆN TÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Trụ sở chính				
1	Phòng học lý thuyết Giảng đường B	1.530 m ²	Phòng	10	
2	Phòng học lý thuyết Giảng đường C	1.814 m ²	Phòng	16	
3	Phòng học Lab	87 m ²	Phòng	01	
4	Phòng học vi tính khu C	147 m ²	Phòng	03	
5	Phòng thư viện sách	156 m ²	Phòng	01	
6	Thư viện số	78 m ²	Phòng	01	
7	Nhà để xe	1.427 m ²	Nhà	05	
8	Sân vận động	4.200 m ²	Sân	01	
9	Sân bóng chuyền+ bóng rổ + cầu lông ngoài trời	3.102 m ²	Sân	03	
II	Khoa KT-NL và Khu thực nghiệm				
1	Phòng học lý thuyết	144 m ²	Phòng	03	

STT	NỘI DUNG	DIỆN TÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
2	Phòng thực hành Chăn nuôi – Thú y	30 m ²	Phòng	02	

b) Cơ sở thực hành, thực tập (*đơn vị tính là: Xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi..*)

b1. Phòng học kỹ thuật cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy in	Chiếc	01
4	Máy đo nhiệt độ cầm tay	Chiếc	03
5	Máy phun	Chiếc	01
6	Tủ sấy	Chiếc	01
7	Nhiệt kế	Chiếc	06
8	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiểu gia súc	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Kẹp có máu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kẹp không máu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kéo cong 2 đầu nhọn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kéo cong đầu nhọn, đầu tù</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kéo thẳng 2 đầu nhọn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kéo thẳng đầu nhọn, đầu tù</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Cán dao mổ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm cắt xương</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại gia súc	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Kẹp có máu	Chiếc	01
	Kẹp không máu	Chiếc	01
	Kéo cong 2 đầu nhọn	Chiếc	01
	Kéo cong đầu nhọn, đầu tù	Chiếc	01
	Kéo thẳng 2 đầu nhọn	Chiếc	01
	Kéo thẳng đầu nhọn, đầu tù	Chiếc	01
	Cán dao mổ	Chiếc	01
	Kìm cắt xương gia súc	Chiếc	01
	Kìm cắt xương gia súc	Chiếc	01
	Búa chặt xương tiểu gia súc	Chiếc	01
	Búa chặt xương đại gia súc	Chiếc	01
	Cưa phẫu thuật	Chiếc	01
10	Bàn giải phẫu đại gia súc	Chiếc	01
11	Bàn giải phẫu tiểu gia súc	Chiếc	03
12	Bộ đèn giải phẫu	Bộ	03
13	Bộ dụng cụ khám bệnh thú y	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Búa gõ $(80 \div 100)g$	Chiếc	01
	Búa gõ $(200 \div 400)g$	Chiếc	01
	Phiến gõ	Chiếc	01
	Ống nghe	Chiếc	01
14	Xe đẩy dụng cụ	Chiếc	03
15	Khay	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
16	Bộ panh	Bộ	03
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại cong</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
17	Hộp đựng bông	Chiếc	03
18	Bộ dụng cụ kiểm dịch	Bộ	01
19	Đĩa petri	Chiếc	18
20	Máy cất nước hai lần	Chiếc	01
21	Kính hiển vi	Chiếc	03
22	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	01
23	Tủ lạnh	Chiếc	01
24	Máy đóng bao	Chiếc	01
25	Bình phun	Chiếc	01
26	Giống cố định trâu (bò)	Chiếc	01
27	Dụng cụ bắt chó	Chiếc	01
28	Rọ mồm	Chiếc	01
29	Bộ Micropipet	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 10 - 100μl</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 20 - 200μl</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 100 - 1000μl</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
30	Cân đồng hồ	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 5 kg</i>	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Loại 10 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 60 kg</i>	Chiếc	01
31	Cân điện tử	Chiếc	03
32	Phễu lọc	Bộ	03
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại ø 25 mm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại ø 47 mm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại ø 90 mm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
33	Bình tam giác	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
34	Cốc đong	Bộ	03
35	Ổng đong	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 10 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 25 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
36	Chổi rửa dụng cụ thủy tinh	Chiếc	06
37	Giá xếp hàng	Chiếc	03
38	Xô	Chiếc	06

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
39	Máy nghiền	Chiếc	01
40	Máy trộn bột	Chiếc	01
41	Máy trộn dung dịch	Chiếc	01
42	Dụng cụ chứa mẫu	Bộ	03
43	Muỗng đong	Chiếc	03
44	Máy đóng chai tự động (*)	Chiếc	01
45	Máy hàn miệng	Chiếc	01
46	Tủ đựng thuốc	Chiếc	01
47	Nhiệt kế	Chiếc	03
48	Ăm kế	Chiếc	03
49	Bảo hộ lao động trong phòng thí nghiệm	Bộ	01
50	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01
51	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01
52	Bảo hộ lao động	Bộ	01
53	Bộ tranh ảnh hướng dẫn các phương pháp cố định động vật	Bộ	01
54	Atlas Bệnh động vật	Chiếc	03
55	Atlas Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	Chiếc	03
56	Bảng lật	Chiếc	03
57	Bảng di động	Chiếc	01

b2. Phòng thực hành dinh dưỡng, thức ăn

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
3	Máy in	Chiếc	01
4	Cân điện tử	Chiếc	03
5	Cân đồng hồ	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 5 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 10 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 60 kg</i>	Chiếc	01
6	Cân tạ	Chiếc	03
7	Máy băm rom	Chiếc	01
8	Máy cắt nước hai lần	Chiếc	01
9	Máy đóng bao	Chiếc	01
10	Máy ép viên thức ăn	Chiếc	01
11	Máy khâu miệng bao bằng tay	Chiếc	01
12	Máy lọc	Chiếc	01
13	Máy nghiền	Chiếc	01
14	Máy thái thức ăn xanh	Chiếc	01
15	Máy trộn bột	Chiếc	01
16	Tủ lạnh	Chiếc	01
17	Tủ sấy	Chiếc	01
18	Xe cải tiến	Chiếc	01
19	Xe Rùa	Chiếc	03
20	Xô	Chiếc	06
21	Giá xếp hàng	Chiếc	03
22	Thùng ủ thức ăn	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
23	Nhiệt kế	Chiếc	03
24	Âm kế	Chiếc	03
25	Cốc đong	Bộ	03
26	Bảng di động	Chiếc	01

b3. Phòng thực hành chọn và nhân giống

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy in	Chiếc	01
4	Âm đạo giả	Chiếc	01
5	Bình nitơ hóa lỏng	Chiếc	01
6	Bình phun	Chiếc	01
7	Bộ bấm số tai	Chiếc	01
8	Bộ bấm thẻ tai	Chiếc	01
9	Bộ dụng cụ truyền tinh cho động vật	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Tinh quản</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Súng bắn tinh</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Dụng cụ cắt cọng rạ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
10	Máy bơm	Bộ	01
11	Nhiệt kế	Chiếc	06
12	Buồng đếm Newbauer	Chiếc	03
13	Cân đồng hồ	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Loại 5 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 10 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 60 kg</i>	Chiếc	01
14	Cân tạ	Chiếc	03
15	Cốc đựng tinh giữ nhiệt	Chiếc	03
16	Cốc giải đông	Chiếc	03
17	Đèn cò	Chiếc	03
18	Gậy kích điện gia súc	Chiếc	03
19	Giá nhảy	Chiếc	03
20	Giống cổ định trâu (bò)	Chiếc	01
21	Kéo cắt tinh	Chiếc	03
22	Kính hiển vi	Chiếc	03
23	Kính hiển vi kết nối camera	Chiếc	01
24	Kính lúp	Chiếc	06
25	Ly đựng tinh	Chiếc	03
26	Máy cắt mỏ gà	Chiếc	01
27	Máy đo mật độ tinh trùng	Chiếc	01
28	Máy đo pH	Chiếc	01
29	Máy đóng gói tinh	Chiếc	01
30	Máy hàn miệng	Chiếc	01
31	Máy khử sùng	Chiếc	01
32	Máy pha tinh	Chiếc	01
33	Máy phun	Chiếc	01
34	Máy siêu âm	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
35	Tủ lạnh	Chiếc	01
36	Bộ thước đo gia súc	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Thước đo khối lượng đại gia súc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Thước dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Thước gậy</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Thước Compa</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Thước kẹp</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
37	Bình tia	Chiếc	06
38	Chổi rửa dụng cụ thủy tinh	Chiếc	06
39	Đũa thủy tinh	Chiếc	06
40	Cốc đong	Bộ	03
41	Ống đong	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 10 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 25 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
42	Cốc chia vạch	Bộ	03
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 1000ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
43	Đũa khuấy	Chiếc	01
	Bộ Micropipet	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
44	<i>Loại 10 - 100μl</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 20 - 200μl</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại 100 - 1000μl</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
45	Buret	Bộ	06
46	Sơ đồ các phương pháp nhân giống vật nuôi	Bộ	01
47	Bộ ảnh một số giống vật nuôi	Bộ	01
48	Atlas các giống vật nuôi	Bộ	01
49	Bộ hình ảnh cơ quan sinh dục đực, cái của gia súc	Bộ	01
50	Bảng di động	Chiếc	01

b4. Phòng thực hành thú y

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy in	Chiếc	01
4	Máy kiểm tra viêm vú	Bộ	01
5	Máy siêu âm	Chiếc	01
6	Máy đo nhiệt độ cầm tay	Chiếc	03
7	Máy X-Quang	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
8	Máy nội soi	Bộ	01
9	Máy khí dung	Bộ	01
10	Kính lúp	Chiếc	06
11	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu gia súc	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Kẹp có máu	Chiếc	01
	Kẹp không máu	Chiếc	01
	Kéo cong 2 đầu nhọn	Chiếc	01
	Kéo cong đầu nhọn, đầu tù	Chiếc	01
	Kéo thẳng 2 đầu nhọn	Chiếc	01
	Kéo thẳng đầu nhọn, đầu tù	Chiếc	01
	Cán dao mổ	Chiếc	01
	Kìm cắt xương	Chiếc	01
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại gia súc	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Kẹp có máu	Chiếc	01
	Kẹp không máu	Chiếc	01
	Kéo cong 2 đầu nhọn	Chiếc	01
	Kéo cong đầu nhọn, đầu tù	Chiếc	01
	Kéo thẳng 2 đầu nhọn	Chiếc	01
	Kéo thẳng đầu nhọn, đầu tù	Chiếc	01
	Cán dao mổ	Chiếc	01
	Kìm cắt xương gia súc	Chiếc	01
	Kìm cắt xương gia súc	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Búa chặt xương tiểu gia súc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Búa chặt xương đại gia súc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Cưa phẫu thuật</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
13	Bộ panh	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm:		
	<i>Loại thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Loại cong</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
14	Bộ xylanh tiêm gia súc, gia cầm	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm:		
	<i>Xylanh loại bán tự động</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Xylanh loại tự động</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Xylanh loại vỏ kim loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Xylanh loại vỏ kim loại 20ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
15	Dụng cụ chọc dò dạ cỏ (Trocac)	Chiếc	03
16	Bàn giải phẫu tiểu gia súc	Chiếc	03
17	Bộ đèn giải phẫu	Bộ	03
18	Khay	Chiếc	03
19	Hộp đựng bông	Chiếc	03
20	Hộp đựng kim	Chiếc	03
21	Cọc truyền dịch	Chiếc	03
22	Nhiệt kế	Chiếc	06
23	Bàn giải phẫu đại gia súc	Chiếc	01
24	Dụng cụ thông thực quản	Chiếc	03
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Bộ	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
26	Dụng cụ thông vú	Bộ	03
27	Dụng cụ thụt rửa tử cung	Chiếc	03
28	Bộ dụng cụ kiểm dịch	Bộ	01
29	Bộ dụng cụ khám bệnh thú y	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Búa gõ (80 ÷ 100)g	Chiếc	01
	Búa gõ (200 ÷ 400)g	Chiếc	01
	Phiến gõ	Chiếc	01
	Ống nghe	Chiếc	01
30	Mẫu con dấu	Bộ	01
31	Máy phun	Chiếc	01
32	Bình phun	Chiếc	01
33	Tủ thuốc thú y	Chiếc	01
34	Máy đo khí H ₂ S trong không khí	Bộ	01
35	Máy đo khí NH ₃ trong không khí	Bộ	01
36	Chai cao su	Chiếc	03
37	Đèn cồn	Chiếc	03
38	Gióng cố định trâu (bò)	Chiếc	01
39	Dụng cụ bắt chó	Chiếc	01
40	Rọ mõm	Chiếc	01
41	Hộp bảo quản vaccine	Chiếc	01
42	Xe đẩy dụng cụ	Chiếc	03
43	Bảng di động	Chiếc	01

b5. Khu thực hành chăn nuôi động vật

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy đo khoảng cách	Chiếc	03
4	La bàn	Chiếc	03
5	Máy định vị (GPS cầm tay)	Chiếc	03
6	Máy đo tốc độ gió	Chiếc	01
7	Máy đo độ dốc	Chiếc	03
8	Máy đo nhiệt độ cầm tay	Chiếc	03
9	Máy đo cường độ ánh sáng	Chiếc	03
10	Máy đo pH	Chiếc	01
11	Máy đo oxy cầm tay	Chiếc	03
12	Máy đo chất rắn lơ lửng	Bộ	01
13	Máy đo khí H ₂ S trong không khí	Bộ	01
14	Máy đo khí NH ₃ trong không khí	Bộ	01
15	Đèn hồng ngoại	Chiếc	03
16	Máy ấp trứng	Chiếc	01
17	Máy nở	Chiếc	01
18	Tủ xông sát trùng trứng	Chiếc	01
19	Máy cắt cỏ	Chiếc	01
20	Máy sửi	Chiếc	01
21	Máy đo BOD	Bộ	01
22	Máy đo COD	Bộ	01
23	Máy đo tổng số chất rắn hòa tan	Bộ	01
24	Máy làm đất	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
25	Máy bơm	Chiếc	01
26	Bộ điều khiển tiểu khí hậu chuồng nuôi	Chiếc	01
27	Hệ thống phun sương	Chiếc	01
28	Máy phun	Chiếc	01
29	Máy khử sùng	Chiếc	01
30	Máy vắt sữa bò	Chiếc	03
31	Máy sấy tóc	Chiếc	01
32	Máy tính cầm tay	Chiếc	03
33	Nhiệt kế	Chiếc	03
34	Ăm kế	Chiếc	03
35	Đĩa Secchi (đĩa đo độ trong)	Chiếc	03
36	Dụng cụ thu mẫu đáy	Bộ	03
37	Dụng cụ thu mẫu nước theo tầng	Bộ	03
38	Máng ăn	Chiếc	03
39	Núm uống	Chiếc	06
40	Quây úm gà	Bộ	01
41	Khay ăn tròn	Chiếc	04
42	Dụng cụ chứa mẫu	Bộ	03
43	Bộ dụng cụ làm đất	Bộ	18
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Cuốc	Chiếc	01
	Xẻng	Chiếc	01
	Bàn cào	Chiếc	01
	Dao phát	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Dao dũa</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Dao cắt</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Liềm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
44	Xe cải tiến	Chiếc	01
45	Xe Rùa	Chiếc	03
46	Xô	Chiếc	06
47	Cân đồng hồ	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Loại 5 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 10 kg</i>	Chiếc	01
	<i>Loại 60 kg</i>	Chiếc	01
48	Cân tạ	Chiếc	03
49	Chuồng nuôi	Chiếc	10
50	Máng uống	Chiếc	03
51	Bình phun	Chiếc	01
52	Xe đẩy dụng cụ	Chiếc	03
53	Bộ dao giết mổ gia súc, gia cầm	Bộ	06
54	Bộ dụng cụ cắt tỉa lông, móng	Bộ	03
55	Bộ kìm bấm nanh, cắt đuôi, cắt tai cho lợn con	Bộ	03
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Kìm bấm răng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm cắt đuôi</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm bấm thê tai</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Kìm bấm rìa tai</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
56	Bình đựng sữa bò	Chiếc	03
57	Quần, áo, váy	Bộ	10
58	Bộ đồ đựng thức ăn, nước uống	Bộ	10
59	Chậu tắm	Chiếc	10
60	Giường	Chiếc	10
61	Đồ chơi cho thú cưng	Bộ	10
62	Khay	Chiếc	3
63	Bình sữa	Chiếc	03
64	Chai cao su	Chiếc	03
65	Bộ tranh ảnh Mẫu dịch hại	Bộ	03
66	Bộ tranh ảnh mẫu thiên địch	Bộ	03
67	Mô hình chuồng nuôi gà khép kín	Chiếc	01
68	Mô hình chuồng nái mang thai	Chiếc	01
69	Mô hình chuồng nái nuôi con	Chiếc	01
70	Mô hình chuồng đẻ	Chiếc	01
71	Mô hình chuồng ép trâu bò	Chiếc	01
72	Mô hình chuồng lợn con sau cai sữa	Chiếc	01
73	Mô hình chuồng lợn đực giống	Chiếc	01
74	Dụng cụ bắt mèo	Chiếc	01
75	Khay trứng	Chiếc	18
76	Dụng cụ bắt chó	Chiếc	01
77	Rọ mồm	Chiếc	01
78	Đèn soi trứng	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
79	Xe đẩy trứng	Chiếc	01
80	Bàn soi trứng	Chiếc	01
81	Bàn chọn gà con	Chiếc	01
82	Bộ xylanh tiêm gia súc, gia cầm	Bộ	03
83	Máy cắt mỏ gà	Chiếc	01
84	Bảng di động	Chiếc	01

3. Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...).

3.1. Thư viện

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng đọc thư viện	Chỗ ngồi đọc	60	
2	Máy tính truy cập tài liệu tại thư viện	Máy	15	

3.2. Học liệu

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
1	Bệnh phở ở lợn	Phạm Sĩ Lăng	Nông Nghiệp	2000
2	Bệnh trâu bò ở Việt Nam và biện pháp phòng trị	Phạm Sĩ Lăng	Nông Nghiệp	2000
3	Bệnh Sinh sản gia súc	Nguyễn Hữu Ninh	Nông Nghiệp	2000
4	Bệnh Gumboro ở gà và biện pháp phòng trị	Lê Văn Năm	Nông Nghiệp	2004
5	Hướng dẫn nuôi gấu, trăn, cá sấu	Nguyễn Văn Tó	Lao Động	2005
6	Hướng dẫn nuôi và thả vịt	Chu Thị Thơm	Lao Động	2005
7	Bệnh cầu trùng gia súc gia cầm	Lê Văn Năm	Nông Nghiệp	2004

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
8	Kỹ thuật nuôi gà trứng thương phẩm & phòng chữa bệnh thường gặp	Lê Hồng Mận	Thanh Hóa	2005
9	Kỹ thuật nuôi gà thịt thương phẩm & phòng chữa bệnh thường gặp	Lê Hồng Mận	Thanh Hóa	2005
10	Bệnh marek mô hình khối u truyền nhiễm	Lê Văn Năm	Nông Nghiệp	2004
11	Kinh nghiệm nuôi lợn (thịt lợn, lợn nái, lợn con, lợn động đực)	Nguyễn Xuân Bình	Nông Nghiệp	2004
12	Bốn bệnh đỏ của lợn và biện pháp phòng trị	Phan Thanh Phụng	Nông Nghiệp	2004
13	Kỹ thuật nuôi lợn nái mắn đẻ sai non	Phạm Hữu Doanh	Nông Nghiệp	1999
14	Bệnh thường gặp ở chó mèo và cách phòng trị	Vương Đức Chất	Nông Nghiệp	2004
15	Hỏi đáp úm gà con, gộp vịt con	Phạm Quang Hùng	Nông Nghiệp	2004
16	Sổ tay nuôi gà	Nguyễn Đăng Ngô	Thanh Hóa	2005
17	66 bệnh gia cầm và viện pháp phòng trị	Nguyễn Xuân Bình	Nông Nghiệp	2000
18	Phòng và trị bệnh ở gia súc, gia cầm	Hà Dung	Thanh Hóa	2005
19	Một số bệnh quan trọng ở gà	Nguyễn Đức Lưu	CT Hanvet	2003
20	Hướng dẫn nuôi vịt siêu thịt	Chu Thị Thơm	CT Hanvet	2003
21	Kỹ thuật chăn nuôi vịt	Dương Xuân Tuyền	Nông Nghiệp	2000
22	Phòng và trị bệnh lợn nái, lợn con, lợn thịt	Nguyễn Xuân Bình	Nông Nghiệp	2000

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
23	Nuôi lợn gia đình	Trương Lăng	Nông Nghiệp	1999
24	Một số bệnh quan trọng ở lợn	Nguyễn Đức Lưu	Vật tư thú y	2004
25	Phòng và trị bệnh nái đẻ sản xuất lợn thịt siêu nạc xuất khẩu	Đoàn Thị Kim Dung	Nông Nghiệp	2004
26	Hướng dẫn nuôi lợn trong gia đình	Chu Thị Thơm	Lao Động	2005
27	100 câu hỏi đáp chăn nuôi bò sữa nông hộ	Đinh Văn Cải	Lao Động	1999
28	Một số bệnh nội khoa và ký sinh trùng thường gặp ở bò và bò sữa	Lê Văn Tạo	Lao Động	2005
29	Hướng dẫn nuôi trâu ngựa trong gia đình	Chu Thị Thơm	Lao Động	2005
30	Trâu bò ở gia đình	Tô Du	Nông Nghiệp	2001
31	Hướng dẫn nuôi gà trong gia đình	Chu Thị Thơm	Lao Động	2005
32	Kỹ thuật nuôi heo	Việt Chương	Đồng nai	1998
33	Xóa đói giảm nghèo bằng phương thức chăn nuôi kết hợp vịt, cá, lúa	Nguyễn Thiên	Nông Nghiệp	1999
34	43 bệnh gia cầm và biện pháp phòng trị	Nguyễn Xuân Bình	Nông Nghiệp	2000
35	Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi	Nguyễn thiện	Nông Nghiệp	1999
36	Chăn nuôi vịt trên cạn một kỹ thuật mới	Nguyễn thiện	LĐXH	2004
37	Nuôi vịt siêu thịt Cv.super M.	Lương Tất Thợ	Nông Nghiệp	2000
38	Một số bệnh mới do virút ở gia súc gia cầm nhập nội và biện pháp phòng trị	Trương Văn Dung	Nông Nghiệp	2002
39	Bệnh ở lợn nái và lợn con	Đào Trọng Đạt	Nông Nghiệp	2001

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
40	Những bệnh thường gặp ở gia súc gia cầm	Đặng Minh Nhật	Nông Nghiệp	2000
41	Bí quyết thành công trong chăn nuôi gà	Nguyễn Hữu Vũ	Nông Nghiệp	2001
42	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho gà	Nguyễn Xuân Bình	Đồng nai	1999
43	Thức ăn nuôi gà nhanh lớn	Nguyễn Đặng Ngô	Thanh Hóa	2005
44	Bệnh mới phát sinh ở lợn	Nguyễn Xuân Bình	Nông Nghiệp	2004
45	Hướng dẫn chăn nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Nguyễn Khắc Thị	VHDT	2005
46	Thiến và phẫu thuật chữa bệnh cho gia súc gia cầm	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp	2001
47	81 câu hỏi đáp về bệnh cúm gà	Bùi Quý Huy	Nông Nghiệp	2004
48	Nuôi dê sữa và thịt dê	Nguyễn Thiện	Nông Nghiệp	1999
49	Hướng dẫn chăn nuôi và phòng trị bệnh trâu bò	Dương Nghĩa Quốc	Nông Nghiệp	2000
50	Kỹ thuật nuôi bò lấy thịt	Nguyễn Văn Thưởng	Nông Nghiệp	1999
51	Hướng dẫn nuôi vịt đạt năng suất cao	Lương Tất Nhợ	Nông Nghiệp	2000
52	Kỹ thuật bò thịt	Chu Thị Thơm	Lao Động	2005
53	100 câu hỏi về bệnh trong chăn nuôi gia súc gia cầm	Trần Minh châu	Nông Nghiệp	1999
54	Kỹ thuật mới nuôi bò thịt năng suất cao	Tô Du	LĐXH	2005
55	Kỹ thuật nuôi bò lấy thịt	Nguyễn Văn Thưởng	Nông Nghiệp	2004

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
56	Những bệnh truyền nhiễm thường gặp ở bò và bò sữa cách điều trị	Lê Văn Tạo	LĐXH	2004
57	80 câu hỏi, trả lời về kỹ thuật nuôi gà công nghiệp	Võ Bá Thọ	Nông Nghiệp	1999
58	Kỹ thuật phòng chống bệnh lở mồm long móng về bệnh nhiệt thán ở gia súc	Văn Đăng Kỳ	Nông Nghiệp	2001
59	Ấp trứng gia cầm bằng phương pháp thủ công và công nghiệp	Bùi Đức Lũng	Nông Nghiệp	2002
60	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn năng suất cao	Lê Hoàng Minh	Hà Nội	2002
61	Kỹ thuật nuôi lợn thịt lớn nhanh nhiều nạc	Phạm Hữu Doanh	Nông Nghiệp	1999
62	66 câu hỏi và đáp cho nông dân nuôi vịt CV-Super m (Siêu thịt)	Nguyễn Văn Bắc	Nông Nghiệp	1999
63	Bệnh phổ ở lợn và biện pháp phòng trị Tập: 1	Phạm Sĩ Lăng	Nông Nghiệp	2000
64	Bệnh đại và phòng đại cho người và chó	Phạm Ngọc Quê	Nông Nghiệp	2002
65	Kỹ thuật chăn nuôi dê sữa - dê thịt	Đinh Văn Bình	LĐXH	2004
66	Bệnh thường gặp ở bò sữa Việt Nam và kỹ thuật phòng trị Tập: 1	Phạm Sỹ Lăng	Nông Nghiệp	2000
67	Bệnh thường gặp ở bò sữa Việt Nam và kỹ thuật phòng trị Tập: 2	Phạm Sỹ Lăng	Nông Nghiệp	2000
68	Bệnh ký sinh trùng của vật nuôi và thú hoang lây sang người Tập: 1	Nguyễn Phước Tương	Nông Nghiệp	2002
69	Bệnh ký sinh trùng của vật nuôi và thú hoang lây sang người Tập: 2	Nguyễn Phước Tương	Nông Nghiệp	2002

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
70	Nuôi thỏ và chế biến sản phẩm ở gia đình	Đinh Văn Bình	Nông Nghiệp	2000
71	Nuôi gà ở gia đình	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	1999
72	Cách nuôi 10 heo nái ở gia đình	Lê Quang Phiệt	Nông Nghiệp	1999
73	Cầm nang nuôi dạy chó	Hoàng Văn Cang	Thanh Hóa	1999
74	Thụ tinh nhân tạo gia súc gia cầm	Nguyễn Tấn Anh	LĐXH	2003
75	Kỹ thuật nuôi bò sữa, bò thịt ở gia đình	Nguyễn Văn Thường	Nông Nghiệp	2000
76	Cai sữa sớm lợn non	Trương Lăng	Nông Nghiệp	2001
77	Một số bệnh quan trọng ở lợn	Nguyễn Đức Lưu	VTTY	2004
78	81 câu hỏi về chăn nuôi gà công nghiệp	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2003
79	Pháp lệnh giống vật nuôi	Thường vụ quốc hội	CTQG	2004
80	Kỹ thuật nuôi một số loài vật làm thức ăn cho ấu trùng thủy sản	Trương Sĩ Kỳ	Nông Nghiệp	2000
81	Nuôi tằm ở gia đình	Phạm Văn Vượng	Nông Nghiệp	1999
82	Kỹ thuật nuôi cá trê vàng lai	Bạch Thị Quỳnh Mai	Nông Nghiệp	2001
83	Kỹ thuật gây nuôi một số loài đặc sản	Phạm Trang	Nông Nghiệp	2000
84	Kỹ thuật nuôi cá ngừ ở biển Việt Nam	Trương Sĩ Kỳ	Nông Nghiệp	2000
85	Kỹ thuật nuôi cua biển	Hoàng Đức Đạt	Nông Nghiệp	2000

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
86	Sinh học & kỹ thuật sản xuất giống bào ngư vành tai	Lê Đức Minh	Nông Nghiệp	2000
87	Kỹ thuật nuôi cá sấu	Trần Văn Vỹ	Nông Nghiệp	1999
88	Kỹ thuật nuôi cá trôi ấn độ	Trần Văn Vỹ	Nông Nghiệp	2001
89	Kỹ thuật nuôi một số loài cá xuất khẩu	Phạm Văn Khánh	Nông Nghiệp	2001
90	Kỹ thuật nuôi tôm đại trà xuất khẩu	Đái Duy Ban	Nông Nghiệp	2002
91	Kỹ thuật nuôi tôm sú	Phạm Văn Tình	Nông Nghiệp	2001
92	Kỹ thuật nuôi cá trê, lươn, giun đất	Ngô Trọng Lư	Nông Nghiệp	2002
93	Kỹ thuật nuôi ba ba ếch đồng cá trê lai	Nguyễn Duy Khoát	Nông Nghiệp	1999
94	Kỹ thuật nuôi lươn, ếch, cá	Chu Thị Thơm	Lao Động	2005
95	Kỹ thuật nuôi lươn, ếch, ba ba, cá lóc	Ngô Trọng Lư	Nông Nghiệp	2001
96	Kỹ thuật nuôi cá tra & ba ba trong bể	Phạm Văn Khánh	Nông Nghiệp	2007
97	Kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nông Nghiệp	2002
98	Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh	Phạm Văn Tình	Nông Nghiệp	2002
99	Kỹ thuật sản xuất giống tôm sú chất lượng cao	Phạm Văn Tình	Nông Nghiệp	2002
100	Cơ sở sinh học & kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo tôm sú	Nguyễn Văn Chung	Nông Nghiệp	2000
101	Kỹ thuật vận chuyển cá sống	Phạm Văn Trang	Nông Nghiệp	2000

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
102	Hướng dẫn nuôi cá ruộng, cá lồng và cs trong ao	Chu Thị Thom	Nông Nghiệp	2005
103	Hỏi đáp về nuôi tôm sú	Nguyễn Trọng Nho	Nông Nghiệp	2002
104	Hướng dẫn giảng dạy nghề nuôi cá (Cho thanh niên, học sinh, sinh viên sau cai nghiện)	Phòng chống ma túy	Hà Nội	2009
105	Nuôi thủy sản có triển vọng	Lê Thị Quỳnh Ba	Nông Nghiệp	1997
106	Kỹ thuật nuôi ong nội	Ngô Đắc Thắng	Nông Nghiệp	1999
107	Sổ tay hướng dẫn nuôi cá nước ngọt	Nguyễn Duy khoát	Nông Nghiệp	1999
108	Sổ tay nuôi ong cho mọi nhà	Trần Đức Hà	Nông Nghiệp	1999
109	Ốc bươu vàng biện pháp phòng trừ	Cục bảo vệ thực vật	Nông Nghiệp	2000
110	Làm giàu bằng nuôi hải sản Tập 2	Nguyễn Kim Độ	Nông Nghiệp	1999
111	Làm giàu bằng nuôi hải sản Tập 3	Nguyễn Kim Độ	Nông Nghiệp	1999
112	Cầm nang chăn nuôi gia súc - gia cầm Tập 1	Chăn nuôi Việt Nam	Nông Nghiệp	2004
113	Cầm nang chăn nuôi gia súc - gia cầm Tập 2	Chăn nuôi Việt Nam	Nông Nghiệp	2004
114	Cầm nang chăn nuôi gia súc - gia cầm Tập 3	Chăn nuôi Việt Nam	Nông Nghiệp	2004
115	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm sữa	Lê Thị Liên Thanh	KH&KT	2002
116	Bảo quản chế biến nông sản chăn nuôi và cá	Trung tâm nghiên cứu	LĐXH	2005

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
117	Kỹ thuật nuôi gà công nghiệp, gà lông màu thả vườn và phòng trị một số bệnh	Lê Hồng Mận	LĐXH	2004
118	Kỹ thuật nuôi dê thịt phòng chữa bệnh	Lê Văn Thông	LĐXH	2004
119	Kỹ thuật nuôi ong nội địa cho người bắt đầu nuôi ong	Phùng Hữu Chính	LĐXH	2004
120	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Nguyễn Hữu Thọ	LĐXH	2004
121	Chuột gây hại và phòng trừ bằng phương pháp dân gian	Lê Vũ Khôi	Nông Nghiệp	2000
122	Chuột hại lúa ở Việt Nam và phòng trừ tổng hợp	Nguyễn Quý Hùng	Nông Nghiệp	1999
123	Thức ăn và nuôi dưỡng	Bùi Đức Lũng	Nông Nghiệp	1995
124	Bệnh thường gặp ở lợn và kỹ thuật phòng trị Quyển: 1	Phạm Sỹ Lặng	Nông Nghiệp	1995
125	Nghệ thuật nuôi và huấn luyện nhông nói	Nguyễn Việt Tiến	Mỹ Thuật	1999
126	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	Phan Hạnh	VHTT	1999
127	Bệnh ở dê phương pháp phòng trị	Tổng cục dạy nghề	Dạy nghề	
128	Kỹ thuật chăn nuôi gà	Tổng cục dạy nghề	Dạy nghề	
129	Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò	Tổng cục dạy nghề	Dạy nghề	
130	Kỹ thuật chăn nuôi dê	Tổng cục dạy nghề	Tổng cục dạy nghề	
131	Bệnh ở lợn phương pháp phòng trị	Tổng cục dạy nghề	Tổng cục dạy nghề	
132	Bệnh ở trâu bò phương pháp phòng trị	Tổng cục dạy nghề	Tổng cục dạy nghề	

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
133	Nuôi bò sữa - bò thịt năng suất cao	Nguyễn Văn Thường	Nghệ An	2003
134	Thức ăn và nuôi dưỡng gia cầm	Bùi Đức Lũng	Nông Nghiệp	2000
135	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho thú ở nông hộ	Đinh Văn Bình	LĐXH	2005
136	Giáo trình chăn nuôi lợn (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)	Vũ Đình Tôn	Hà Nội	2005
137	Giáo trình chăn nuôi trâu bò (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)	Vũ Đình Tôn	Hà Nội	2005
138	Vi sinh vật bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Nguyễn Bá Hiên	Giáo dục	2009
139	Giáo trình giải phẫu sinh lý vật nuôi (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)	Nguyễn Đình Nhung	Hà Nội	2005
140	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	Văn Lệ Hằng	Giáo dục	2010
141	Bệnh ký sinh trùng truyền lây giữa người và động vật	Nguyễn Văn Đề	Giáo dục	2009
142	Giáo trình vệ sinh vật nuôi	Đỗ Ngọc Hòe	Hà Nội	2006
143	Giáo trình dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)	Tôn Thất Tôn	Hà Nội	2006
144	Giáo trình chọn giống và nhân giống vật nuôi (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)	Nguyễn Hải Quân	Hà Nội	2007
145	Giáo trình giống vật nuôi	Văn Lệ Hằng	Giáo dục	2007
146	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng ở vật nuôi	Phạm Sỹ Lăng	Giáo dục	2009

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
147	Giáo trình vi sinh ký sinh trùng	Nguyễn Thanh Hà	Giáo dục	2005
148	Sản xuất giống vật nuôi thủy sản	Phạm Tân Tiến	Giáo dục	2009
149	Phòng & trị một số bệnh thường gặp ở gia súc, gia cầm	Nguyễn Văn Thanh	LĐXH	2004
150	Nghề nuôi gia cầm	Trịnh Quang Khuê	Giáo dục	2003
151	Cải tiến kỹ thuật nuôi tôm tại Việt Nam	Vũ Thế Trụ	Nông Nghiệp	2002
152	Thiết lập và điều hành trại sản xuất tôm giống tại Việt Nam	Vũ Thế Trụ	Nông Nghiệp	2001
153	Sâu bệnh hại cây trồng cách chữa trị T4	Trần Văn Hòa	Trẻ	2000
154	Môi trường và những vấn đề cần quan tâm	Nhiều tác giả	Thanh Hóa	2004
155	Thực hành chuẩn đoán bệnh học truyền nhiễm trên heo	Đỗ Tiến Duy	Nông Nghiệp	2019
156	Tìm hiểu nghệ thuật nuôi chim họa mi của người xưa	Việt Chương	Thanh Niên	2000
157	Từ điển tranh vẽ các con vật	Lê Quang Long	Giáo dục	2002
158	Bí quyết chọn và nuôi gà nòi	Hồ Ngọc	Đà Nẵng	2002
159	Vaccin & thuốc thú y	Đặng Minh Nhật	Nông Nghiệp	1999
160	Thuốc điều trị và vacxin sử dụng trong thú y	Phạm sĩ Lăng	Nông Nghiệp	2000
161	Phòng trị một số thường gặp trong thú y bằng thuốc nam	Lê Thị Tài	Nông Nghiệp	2004
162	Thực hành điều trị thú y (Phòng và trị một số bệnh thường gặp ở vật nuôi)	Phạm sĩ Lăng	Nông Nghiệp	1999

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà XB	Năm
163	Thuốc thú y và cách sử dụng	Nguyễn Hữu Vũ	Vật tư thú y	2003
164	Sử dụng và biệt dược thú y Tập: 1	Nguyễn Phước Tương	Nông Nghiệp	2000
165	Sử dụng và biệt dược thú y Tập: 2	Nguyễn Phước Tương	Nông Nghiệp	2000
166	Sử dụng và biệt dược thú y Tập: 3	Nguyễn Phước Tương	Nông Nghiệp	2000
167	Chuẩn đoán bệnh và bệnh nội khoa thú y	Phạm Ngọc Thạch	Giáo dục	2008
168	Ngoại khoa thú y	Vũ Như Quán	Giáo dục	2008
169	Giáo trình dược lý thú y	Bùi Thị Nho	Hà Nội	2005
170	Giáo trình dược lý học thú y	Phạm Khắc Hiếu	Giáo dục	2009

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường (Basic knowledge and skills on efficient use of energy and resources, environmental protection).

Mã môn học: 510211182

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 4 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 9 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Bố trí dạy ở học kỳ I của khóa học để học sinh nâng cao ý thức sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả và bảo vệ môi trường ngay từ đầu khóa học.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc dùng chung cho tất cả các ngành, nghề trình độ trung cấp tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại.
2. Trình bày được các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, năng lượng cũng như các biện pháp quản lý chất thải và chất độc hại.
3. Phân biệt, nhận diện được các dạng khác nhau về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại theo cách phân loại phổ biến.
4. Giải thích được các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng, ảnh hưởng của chất thải và chất độc hại đến môi trường.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường vào thực tế.

2. Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

3. Áp dụng nguyên tắc 3R trong việc thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên.

2. Phê phán những hành động trong việc thu gom rác thải và sử dụng chất độc hại gây nguy hại cho môi trường; lãng phí năng lượng và tài nguyên trong học tập, sinh hoạt.

3. Tuyên truyền và lan tỏa về ý thức bảo vệ môi trường.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng 1. Khái niệm, phân loại năng lượng 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại năng lượng 2. Vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người 3. Ảnh hưởng của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đến môi trường	5	2	3	0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng 4.1. Định nghĩa 4.2. Giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng					
2	Chương 2: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả tài nguyên 1. Khái niệm, phân loại tài nguyên 1.1. Khái niệm tài nguyên 1.2. Phân loại tài nguyên 2. Các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên 2.1. Sử dụng tài nguyên nước 2.2. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên rừng và sinh vật 2.3. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất 2.4. Sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư trong sản xuất	4	1	3	0	
3	Chương 3: Bảo vệ môi trường 1. Khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường 1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Phân loại môi trường 1.3. Vai trò của môi trường 2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường 2.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp	4	1	3	0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.2. Hoạt động nông nghiệp 2.3. Hoạt động sinh hoạt của con người 2.4. Biến đổi khí hậu 3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường 3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người 3.2. Gây ô nhiễm nguồn nước 3.3. Gây ô nhiễm đất 3.4. Gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái 3.5. Gây ảnh hưởng đến kinh tế 4. Các biện pháp bảo vệ môi trường 4.1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường 4.2. Có những chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả 4.3. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật 4.4. Trồng cây xanh 4.5. Hạn chế sử dụng rác thải nhựa 4.6. Tiết kiệm năng lượng: 4.7. Nâng cao ý thức cộng đồng: 5. Nguyên tắc 3R 5.1. Tiết giảm (Reduce): 5.2. Tái sử dụng (Reuse): 5.3. Tái chế (Recycle):					

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	6. Áp dụng nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi					
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	15	4	9	0	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN VỀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG (1, 2)

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm và phân loại năng lượng, vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người; mô tả được các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn năng lượng.

2. Phân biệt các dạng năng lượng phổ biến; rèn luyện ý thức sử dụng tiết kiệm các loại năng lượng trong học tập và cuộc sống.

3. Tự giác, chủ động sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Phê phán những hành động lãng phí năng lượng trong học tập, sinh hoạt; có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ năng lượng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, phân loại năng lượng

1.1. Khái niệm

1.2. Phân loại năng lượng

2. Vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người

3. Ảnh hưởng của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đến môi trường

4. Các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng

4.1. Định nghĩa

4.2. Giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng

4.2.1. Giải pháp chung

4.2.2. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng tại Quảng Ngãi

CHƯƠNG 2: KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN

VỀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN⁽¹⁾

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm tài nguyên, các dạng tài nguyên; các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.
2. Phân biệt được các dạng tài nguyên, sử dụng một cách tiết kiệm các loại tài nguyên trong học tập.
3. Tự giác, chủ động trong việc sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên. Phê phán những hành động gây lãng phí tài nguyên trong cuộc sống, sinh hoạt và học tập. Tuyên truyền và lan tỏa nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, phân loại tài nguyên

1.1. Khái niệm tài nguyên

1.2. Phân loại tài nguyên

2. Các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên

2.1. Sử dụng tài nguyên nước

2.2. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên rừng và sinh vật

2.3. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

2.4. Sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư trong sản xuất

CHƯƠNG 3: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (1, 3)

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường; mô tả được các biện pháp bảo vệ môi trường; áp dụng được nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hình thành kỹ năng áp dụng các biện pháp để bảo vệ môi trường; tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương; rèn luyện ý thức, kỹ năng tuyên truyền và giáo dục về bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương.

3. Tự giác, chủ động, tuyên truyền và lan tỏa về ý thức bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương; phê phán những hành động trong việc thu gom rác thải và sử dụng chất độc hại gây nguy hại cho môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường

1.1. Khái niệm môi trường

1.2. Phân loại môi trường

1.3. Vai trò của môi trường

2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường

2.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp

2.2. Hoạt động nông nghiệp

2.3. Hoạt động sinh hoạt của con người

2.4. Biến đổi khí hậu

3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường

3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người

3.2. Gây ô nhiễm nguồn nước

3.3. Gây ô nhiễm đất

3.4. Gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái

3.5. Gây ảnh hưởng đến kinh tế

4. Các biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

4.2. Có những chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả

4.3. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật

4.4. Trồng cây xanh

4.5. Hạn chế sử dụng rác thải nhựa

4.6. Tiết kiệm năng lượng

4.7. Nâng cao ý thức cộng đồng

5. Nguyên tắc 3R

5.1. Tiết giảm (Reduce)

5.2. Tái sử dụng (Reuse)

5.3. Tái chế (Recycle)

6. Áp dụng nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc

Tivi, máy vi tính.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

+ Giáo trình mô đun Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Đồng Nai: Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi 2021.

+ Bài giảng Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, Ao, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Yêu cầu về kiến thức

- Học sinh phải đạt được các mục tiêu theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.
- Trình bày thảo luận theo chủ đề đã bốc thăm.

2. Yêu cầu về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.
- Sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; tuyên truyền, giáo dục về các nội dung này.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.
- Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

1.1. Kiểm tra thường xuyên:

- 01 bài. Hình thức: Đánh giá học sinh thông qua Kiểm tra vấn đáp trong giờ học, Kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm) với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, Kiểm tra một số nội dung Thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập hoặc Kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên.

1.2. Kiểm tra định kỳ

- Số bài kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thời gian kiểm tra: 45 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan
- Thời gian thi: 60 phút
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy và lịch thi kết thúc học phần của từng học kỳ, chậm nhất trước 1 tháng từ khi bắt đầu kỳ thi.
- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường được sử dụng dùng chung cho tất cả các ngành, nghề trình độ trung cấp tại Trường Cao đẳng Kon Tum

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và Thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của học sinh...).

- Nhà giáo hướng dẫn học sinh nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức Thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm Kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Học sinh nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến

môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, Thực hành, bài Kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Trình bày các nguyên nhân, hậu quả của việc sử dụng lãng phí tài nguyên, năng lượng và ô nhiễm môi trường.

- Các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường

IV. Tài liệu tham khảo (1-4)

1. Giáo trình mô đun Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Đồng Nai: Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi 2021.

2. PGS.TS Trần Văn Bình, TS. Nguyễn Hoàng Lan. Quản lý sử dụng năng lượng. Hà Nội: NXB Bách Khoa; 2023.

3. TS. Nguyễn Văn Khai, TS. Bùi Thị Thanh Hương. Giáo trình Bảo vệ môi trường. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia; 2015.

4. Nguyễn Thị Huế. Giáo trình: Bảo vệ môi trường. Lâm Đồng: Cao đẳng nghề Đà Lạt; 2017.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Giải phẫu sinh lý vật nuôi (Animal anatomy and Physiology).

Mã mô đun: 511830063

Thời gian thực hiện mô đun: 88 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 69 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun Giải phẫu sinh lý vật nuôi là mô đun chuyên môn, trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung.

II. Tính chất

Giải phẫu sinh lý học là khoa học tự nhiên nghiên cứu hình thể cấu tạo và cấu trúc các cơ quan trong cơ thể động vật và hoạt động sinh lý vì vậy phải sử dụng các phương pháp trực quan, thực hành để giúp sinh viên (SV) hiểu sâu hơn các kiến thức trong lĩnh vực chăn nuôi thú y. Giúp SV giải thích được các hiện tượng sinh lý bình thường của cơ thể vật nuôi trên cơ sở tìm hiểu các kiến thức về sinh lý học.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các đặc điểm về hình thể ngoài, hình thể trong, cấu trúc của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

2. Trình bày được chức năng của từng cơ quan trong cơ thể động vật và các hoạt động điều hòa chức năng của các cơ quan đó.

3. Mô tả mối liên quan giữa đặc điểm hình thể ngoài, hình thể trong và chức năng của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

4. Giải thích được một số hiện tượng sinh lý thông thường ở cơ thể vật nuôi.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Mô tả chi tiết cấu tạo giải phẫu đại thể của các hệ cơ quan chính trong cơ thể vật nuôi (ví dụ: hệ xương khớp, hệ cơ, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh sản, hệ thần kinh)

2. Nhận diện chính xác các cơ quan và cấu trúc giải phẫu trên tiêu bản, mô hình hoặc mẫu vật thực tế của vật nuôi.

3. Quan sát được cơ bản về chức năng sinh lý thông qua các thí nghiệm đơn giản hoặc thực hành trên mẫu vật.

4. Đo lường được các chỉ số sinh lý cơ bản của vật nuôi sống (nhiệt độ, nhịp tim, nhịp thở) một cách chính xác.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có kiến thức, kỹ năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cơ thể vật nuôi, ảnh hưởng đến năng suất của vật nuôi và chủ động đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao năng suất vật nuôi.

2. Có ý thức tự học, tự nghiên cứu để vươn lên trong học tập.

3. Có ý thức bảo vệ động vật, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Khả năng làm việc độc lập.

5. Khả năng phối hợp và làm việc nhóm.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN**NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Giải phẫu sinh lý hệ vận động	12	2		10	
	1. Bộ xương		1		5	
	1.1. Xương cột sống					
	1.2. Xương chi trước					
	1.3. Xương chi sau					
	1.4. Xương sườn					
	2. Hệ cơ		1		5	
	2.1. Cơ vân					
	2.2. Cơ trơn					
	2.3. Cơ tim					
2	Bài 2: Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa	16	4		12	
	1. Giải phẫu hệ tiêu hóa		1		4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Hoạt động sinh lý hệ tiêu hóa		2		6	
	2.1. Tiêu hóa ở miệng					
	2.2. Tiêu hóa ở dạ dày					
	2.3. Tiêu hóa ở ruột					
	3. Điều hòa hoạt động tiêu hóa		1		2	
3	Bài 3: Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn	17	2		14	1
	1. Giải phẫu hệ tuần hoàn		0.5		4	
	2. Máu và bạch huyết		1		6	
	2.1. Khái niệm					
	2.2. Chức năng sinh lý máu					
	2.3. Tính chất lý hóa của máu					
	2.4. Thành phần của máu					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.5. Nhóm máu					
	3. Sinh lý tuần hoàn máu và bạch huyết		0.5		4	
4	Bài 4: Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp	10	2		8	
	1. Giải phẫu hệ hô hấp		0.5		3	
	2. Hoạt động sinh lý hệ hô hấp		1		3	
	2.1. Trao đổi khí ở phổi					
	2.2. Trao đổi khí ở mô bào					
	3. Điều hòa hoạt động hô hấp		0.5		2	
5	Bài 5: Giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu và sinh dục	16	3		13	
	1. Giải phẫu hệ tiết niệu		0.5		3	
	2. Sinh lý hệ tiết niệu		1.0		3	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.1. Chức năng quản cầu					
	2.2. Chức năng ống thận					
	2.3. Chức năng thận và tuổi					
	2.4. Hoạt động đi tiểu					
	2.5. Điều hòa hoạt động hệ tiết niệu					
	3. Giải phẫu hệ sinh dục		0.5		3	
	3.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục đực					
	3.2. Giải phẫu cơ quan sinh dục cái					
	4. Sinh lý sinh dục		1.0		4	
	4.1. Sinh lý sinh dục đực					
	4.2. Sinh lý sinh dục cái					
6	Bài 6: Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh	15	2		12	1

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Tổng quan về hệ thần kinh		1		2	
	2. Mô thần kinh				2	
	3. Sự phát triển và cấu trúc của hệ thần kinh				2	
	4. Dẫn truyền xung động thần kinh		1		2	
	5. Phản xạ				2	
	6. Hoạt động của não bộ				2	
7	Thi kết thúc mô đun	2				2
Cộng:		88	15		69	2(0,2)/2(0,2)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ VẬN ĐỘNG

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được giải phẫu sinh lý của hệ xương và hệ cơ
2. Nhận dạng được các xương , cơ cấu tạo nên cơ thể
3. Ý thức được tầm quan trọng của hệ xương và cơ đối với cơ thể sống

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bộ xương (1)

1.1. Xương cột sống

1.2. Xương chi trước

1.3. Xương chi sau

1.4. Xương sườn

2. Hệ cơ (1)

2.1. Cơ vân

2.2. Cơ trơn

2.3. Cơ tim

BÀI 2: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TIÊU HÓA

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hình thái, cấu tạo và hoạt động sinh lý của hệ tiêu hóa ở vật nuôi.
2. Nhận dạng và phân tích được các hoạt động sinh lý bình thường của hệ tiêu hóa ở vật nuôi.
3. Có ý thức vận dụng kiến thức hệ tiêu hóa trong chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi phù hợp.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giải phẫu hệ tiêu hóa

2. Hoạt động sinh lý hệ tiêu hóa (2, 3)

2.1. Tiêu hóa ở miệng

2.2. Tiêu hóa ở dạ dày

2.3. Tiêu hóa ở ruột

2.3.1. *Tiêu hóa ở ruột non*

2.3.2. *Tiêu hóa ở ruột già*

3. Điều hòa hoạt động tiêu hóa

BÀI 3: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TUẦN HOÀN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hình thái cấu tạo của các cơ quan thuộc hệ tuần hoàn.
2. Nhận dạng được hoạt động sinh lý của hệ tuần hoàn, giải thích được một số hiện tượng sinh lý cũng như bệnh lý ở vật nuôi.
3. Ý thức được tầm quan trọng của hệ tuần hoàn đối với các hoạt động của vật nuôi.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giải phẫu hệ tuần hoàn

2. Máu và bạch huyết (2, 3)

2.1. Khái niệm

2.2. Chức năng sinh lý máu

2.3. Tính chất lý hóa của máu

2.4. Thành phần của máu

2.5. Nhóm máu

3. Sinh lý tuần hoàn máu và bạch huyết

BÀI 4: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ HÔ HẤP

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hình thái, cấu tạo và hoạt động sinh lý của hệ hô hấp ở vật nuôi.

2. Nhận dạng và mô tả được các hiện tượng sinh lý liên quan đến hô hấp của vật nuôi.

3. Có ý thức về tầm quan trọng của hệ hô hấp đối với sự sống và sức khỏe của vật nuôi.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giải phẫu hệ hô hấp

2. Hoạt động sinh lý hệ hô hấp (1, 2)

2.1. Trao đổi khí ở phổi

2.2. Trao đổi khí ở mô bào

3. Điều hòa hoạt động hô hấp

BÀI 5: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TIẾT NIỆU VÀ SINH DỤC

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hình thái, cấu tạo và hoạt động sinh lý của hệ tiết niệu và sinh dục ở vật nuôi.

2. Nhận dạng và mô tả được các hiện tượng sinh lý liên quan đến hệ tiết niệu và sinh dục của vật nuôi.

3. Có ý thức về tầm quan trọng của hệ tiết niệu và sinh dục đối với sự sống, sinh trưởng và sinh sản của vật nuôi.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giải phẫu hệ tiết niệu

2. Sinh lý hệ tiết niệu (1, 2)

2.1. Chức năng quản cầu

2.2. Chức năng ống thận

2.3. Chức năng thận và tuổi

2.4. Hoạt động đi tiểu

2.5. Điều hòa hoạt động hệ tiết niệu

3. Giải phẫu hệ sinh dục

3.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục đực

3.2. Giải phẫu cơ quan sinh dục cái

4. Sinh lý sinh dục (1, 2)

4.1. Sinh lý sinh dục đực

4.2. Sinh lý sinh dục cái

BÀI 6: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ THẦN KINH

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cấu tạo mô thần kinh, cơ chế dẫn truyền xung động, các phản xạ và hoạt động của não bộ ở vật nuôi.
2. Thực hiện được thí nghiệm về dẫn truyền xung động thần kinh.
3. Có ý thức về tầm quan trọng của hệ thần kinh đối với các hoạt động sống của vật nuôi

II. NỘI DUNG BÀI

1. Tổng quan về hệ thần kinh
2. Mô thần kinh
3. Sự phát triển và cấu trúc của hệ thần kinh
4. Dẫn truyền xung động thần kinh
5. Phản xạ (1, 2)
6. Hoạt động của não bộ

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.

- Dụng cụ thí dụ.

- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun như: Gia súc, nhiệt kế, ống nghe, dụng cụ cố định gia súc, dụng cụ lấy mẫu và bảo quản mẫu...

- Trang thiết bị bảo hộ lao động

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Mô tả chi tiết cấu tạo giải phẫu đại thể của các hệ cơ quan chính trong cơ thể vật nuôi (ví dụ: Hệ xương khớp, hệ cơ, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh sản, hệ thần kinh và hệ nội tiết).

- Giải thích chức năng: Giải thích rõ ràng chức năng sinh lý của từng cơ quan và sự phối hợp hoạt động giữa các hệ cơ quan để duy trì sự sống và sản xuất của vật nuôi.

- Phân biệt đặc điểm: Phân biệt được những điểm tương đồng và khác biệt về giải phẫu, sinh lý giữa các loài vật nuôi chủ yếu (ví dụ: Gia súc, gia cầm) và các giai đoạn phát triển khác nhau của chúng.

- Trình bày cơ chế: Trình bày được các cơ chế sinh lý cơ bản điều hòa các quá trình sống quan trọng như tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết, sinh sản và đáp ứng miễn dịch.

- Nêu được các chỉ số sinh lý bình thường của vật nuôi khỏe mạnh (ví dụ: Nhiệt độ, nhịp tim, nhịp thở, công thức máu).

2. Kỹ năng

- Nhận dạng được các cơ quan của cơ thể.

- Nhận dạng được hoạt động sinh lý của các hệ vận động, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, tiết niệu, sinh dục và thần kinh.

- Tiến hành đo lường các chỉ số sinh lý cơ bản của vật nuôi sống (nhiệt độ, nhịp tim, nhịp thở) một cách chính xác.

- Thực hiện được một số thí nghiệm đơn giản về hoạt động tiêu hóa

- Thực hiện được một dẫn truyền xung động thần kinh

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức được tầm quan trọng của các cơ quan đối với hoạt động sống của vật nuôi.

- Khả năng làm việc độc lập.

- Khả năng phối hợp và làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên,

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 2

Hình thức kiểm tra: Thực hành.

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày, đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Điều kiện dự thi: Học sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học và hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10).

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.

- Thời gian thi: 2 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi của Trường hằng năm.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Giải phẫu sinh lý vật nuôi là mô đun cơ sở trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Giải phẫu sinh lý hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, tiết niệu, sinh dục và thần kinh.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Toàn Thắng. Giáo trình sinh lý học vật nuôi Hà Nội: NXB Hà Nội; 2006.

2. Trần Thị Dân; Dương Nguyên Khang. Sinh lý vật nuôi Tp. Hồ Chí Minh: NXB Nông Nghiệp; 2006.

3. Võ Thị Loan; Nguyễn Thị Mai; Phạm Chúc Trinh Bạch . Giáo trình giải phẫu sinh lý lợn Hà Nội: Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; 2005.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y (Producing, using and trading veterinary drugs).

Mã mô đun: 511820723

Thời gian thực hiện mô đun: 58 (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Là mô đun cơ sở, nằm trong nhóm các mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện phân bổ theo chương trình đào tạo và được học cùng các mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun Sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y bao gồm các kiến thức, kỹ năng cơ bản về sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được dược động học của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi.
2. Mô tả được nguồn gốc, tính chất, ứng dụng điều trị của các nhóm thuốc thường dùng trong thú y.
3. Trình bày được các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc thú y được pháp luật quy định.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Sử dụng các thuốc vào việc chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho động vật;

2. Khảo sát cơ sở sản xuất thuốc thú y, tham gia kinh doanh thuốc thú y.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Sử dụng thuốc thú y một cách an toàn, bảo đảm hiệu quả kinh tế.

2. Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi thực hiện công việc.

3. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm.

4. An toàn lao động, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường.

5. Thực hiện theo đúng pháp luật của Nhà nước quy định.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Sản xuất thuốc thú y	8	3		5	
	1. Một số Khái niệm liên quan đến thuốc		2		4	
	1.1. Thuốc hay dược phẩm					
	1.2. Dạng thuốc (dạng bào chế hoàn chỉnh)					
	1.3. Thuốc biệt dược					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.4. Thuốc gốc					
	1.5. Phân loại					
	2. Quy trình sản xuất thuốc thú y		1		1	
	2.1. Các bước thực hiện					
	2.2. Sản xuất thuốc					
2	Bài 2: Sử dụng thuốc thú y	42	10		32	
	1. Dược lý học đại cương		2		8	
	1.1. Khái niệm về thuốc					
	1.2. Dược động học của thuốc					
	1.3. Đường đưa thuốc vào cơ thể					
	2. Sử dụng thuốc kháng sinh		4		8	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3. Sử dụng thuốc trị kí sinh trùng		1		4	
	4. Sử dụng thuốc sát trùng		1		4	
	5. Sử dụng thuốc tác dụng lên các cơ quan		1		4	
	6. Sử dụng dịch truyền và Vitamin		1		4	
3	Bài 3: Kinh doanh thuốc thú y	7	2		4	1
	1. Điều kiện buôn bán thuốc thú y		1		1.0	
	2. Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y				1.0	
	3. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y				1	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y		0.5		0.5	
	5. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y		0.5		0.5	
4	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được số lượng, chủng loại nguyên liệu, công thức phối trộn và quy trình bao gói thuốc thú y đúng yêu cầu kỹ thuật.

2. Xác định chính xác nguyên liệu, tính chất dược lý, định lượng thành phần theo công thức và đánh giá chất lượng bao gói, bảo quản sản phẩm.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong quá trình sản xuất, bao gói và bảo quản thuốc thú y.

II. NỘI DUNG BÀI (1-3)

1. Một số Khái niệm liên quan đến thuốc

1.1. Thuốc hay dược phẩm

1.2. Dạng thuốc (dạng bào chế hoàn chỉnh)

1.3. Thuốc biệt dược

1.4. Thuốc gốc

1.5. Phân loại

2. Quy trình sản xuất thuốc thú y

2.1. Các bước thực hiện

2.1.1. Chuẩn bị nguyên liệu

2.1.2. Phối trộn nguyên liệu

2.1.3. Quy trình sản xuất thuốc thú y

2.1.4. Kiểm tra chất lượng sản phẩm

2.1.5. Đóng gói và nhãn mác

2.1.6. Bảo quản sản phẩm

2.2. Sản xuất thuốc

2.2.1. Sản xuất dung dịch thuốc

2.2.2. Sản xuất thuốc tiêm

2.2.3. Sản xuất thuốc bột

BÀI 2: SỬ DỤNG THUỐC THÚ Y

(Thời gian: 42 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, dược động học, các đường đưa thuốc và đặc điểm, ứng dụng điều trị của các nhóm thuốc thường dùng trong thú y.

2. Sử dụng đúng thuốc thú y trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng thuốc thú y.

II. NỘI DUNG BÀI (1-3)

1. Dược lý học đại cương

1.1. Khái niệm về thuốc

1.2. Dược động học của thuốc

1.3. Đường đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi

2. Sử dụng thuốc kháng sinh

3. Sử dụng thuốc trị kí sinh trùng

4. Sử dụng thuốc sát trùng

5. Sử dụng thuốc tác dụng lên các cơ quan

6. Sử dụng dịch truyền và Vitamin

BÀI 3: KINH DOANH THUỐC THÚ Y

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được điều kiện kinh doanh, nhập khẩu thuốc thú y; thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

2. Áp dụng đúng luật thú y trong việc lập hồ sơ kinh doanh thuốc thú y;

3. Rèn luyện tính nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI (4, 5)

1. Điều kiện buôn bán thuốc thú y

2. Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

3. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

4. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

5. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

1. Phòng học lý thuyết: Bảo đảm ánh sáng, độ thông thoáng và đầy đủ bàn ghế

2. Phòng thực hành: Phòng thực hành khoa đầy đủ dụng cụ, thuốc thú y, cơ sở chăn nuôi gia súc, cơ sở kinh doanh thuốc thú y.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, kế hoạch bài giảng, đề cương chương trình, tài liệu phát tay, phiếu học tập dành cho HSSV, giấy A0, giấy A4, bút chì, bút màu, keo dán và một số vật tư thực hành.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Nguyên liệu thuốc thú y, máy móc, ống đông, Xi lanh, kim tiêm, thuốc thú y, vắc xin phòng bệnh,...vật nuôi (Trâu, bò, chó, mèo).

- Trang thiết bị bảo hộ lao động, áo blouse

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày kiến thức cơ bản về sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y;
- Phân loại các nhóm thuốc thú y và nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;
- Sử dụng đúng thuốc vào việc chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
- Nhận biết các loại thuốc cấm và thuốc hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật;
- Giải thích các quy định pháp luật về sản xuất, lưu hành, bảo quản và sử dụng thuốc thú y.

2. Kỹ năng

- Lựa chọn và sử dụng đúng loại thuốc phù hợp với từng loại bệnh và đối tượng vật nuôi;
- Thực hiện các thao tác kỹ thuật như pha thuốc, tiêm, trộn thuốc vào thức ăn/nước uống một cách chính xác và an toàn;
- Ghi chép và theo dõi hồ sơ điều trị, nhật ký sử dụng thuốc đúng quy định;
- Tư vấn, hướng dẫn người chăn nuôi sử dụng thuốc thú y đúng cách và hiệu quả;
- Tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc thú y bảo đảm đúng quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Sử dụng thuốc thú y một cách an toàn, bảo đảm hiệu quả kinh tế.
- Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi thực hiện công việc.
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm.
- An toàn lao động, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện theo đúng pháp luật của Nhà nước quy định.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Hình thức kiểm tra mô đun: Thực hành.

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

- Mô đun sản xuất, sử dụng và kinh doanh thuốc thú y là mô đun bắt buộc thuộc MH/MĐ cốt lõi trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy;

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Nhà giáo có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.
- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.
- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do nhà giáo hướng dẫn giao.
- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

IV. Tài liệu tham khảo (1-5)

1. Bùi Thị Tho, Nghiêm Thị Anh Đào. Giáo trình dược lý thú y: NXB Hà Nội; (2005).
2. Phạm Khắc Hiếu. Giáo trình dược lý học thú y: NXB Giáo dục Việt Nam; (2009).
3. Nguyễn Phước Tương, Trần Diễm Uyên Sử dụng thuốc và biệt dược thú y: NXB Nông nghiệp; (2000).
4. Luật Thú y, số 79/2015/QH13
5. Thông tư 13/2022/TT-BNNPTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về quản lý thuốc thú y.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chế biến thức ăn chăn nuôi (Animal feed processing).

Mã mô đun: 511827033

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Chế biến thức ăn chăn nuôi là một trong các mô đun cơ sở, được giảng dạy ở học kỳ I, song song với các mô đun: Thành phần, tính chất, công dụng của thuốc thú y, giải phẫu sinh lý vật nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi, pháp luật chuyên môn của ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp.

II. Tính chất

Mô đun Chế biến thức ăn chăn nuôi trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về vai trò, thành phần của các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi, nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với các đối tượng gia súc, gia cầm, tính toán và phối hợp được khẩu phần ăn bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng gia súc, gia cầm, chế biến được một số loại thức ăn cho gia súc.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được vai trò của các chất dinh dưỡng: nước, Protein, Lipit, Glucid, Vitamin và khoáng trong thức ăn.
2. Trình bày được nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với các đối tượng gia súc, gia cầm.

3. Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có trong thức ăn chăn nuôi và cách phối hợp khẩu phần cho vật nuôi.

4. Trình bày được các bước chế biến một số loại thức ăn cho gia súc.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Phân tích được các loại thức ăn trong chăn nuôi.

2. Xác định được nhu cầu dinh dưỡng của từng đối tượng gia súc, gia cầm.

3. Tính toán và phối trộn được khẩu phần ăn bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng gia súc, gia cầm.

4. Chế biến được một số loại thức ăn cho gia súc.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc, bảo đảm điều kiện làm việc độc lập cũng như phối hợp làm việc trong nhóm.

2. Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm cho các công việc đã thực hiện.

4. Tự đánh giá kết quả, chất lượng công việc sau khi hoàn thành.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Giới thiệu môn học 1. Dinh dưỡng và kỹ thuật thức ăn gia súc là gì? 2. Những thành tựu lớn của khoa học dinh dưỡng và kỹ thuật thức ăn 3. Những yêu cầu của môn học.	1	1			
2	Bài 2: Dinh dưỡng nước	6	1		5	
	1. Vai trò dinh dưỡng của nước		1		1	
	2. Nhu cầu nước của vật nuôi				4	
	2.1. Liên quan giữa nhu cầu nước và lượng chất khô thu nhận					
	2.2. Liên quan giữa nhu cầu nước với sức sản xuất					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
3	Bài 3: Dinh dưỡng Protein và Axit amin	8	3		5	
	1. Protein.		1.5		2	
	1.1. Định nghĩa					
	1.2. Đặc tính của Protein					
	1.3. Phân loại Protein					
	1.4. Sự trao đổi Protein ở động vật					
	1.5. Các phương pháp đánh giá chất lượng Protein					
	1.6. Các biện pháp nâng cao chất lượng Protein					
	2. Axit amin		1.5		3	
	2.1. Định nghĩa					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.2. Phân loại					
	2.3. Xác định nhu cầu A.amin ở động vật					
	2.4. Đặc điểm nhu cầu A.amin ở động vật					
	2.5. Ý nghĩa của cân bằng A.amin trong khẩu phần					
4	Bài 4: Dinh dưỡng Vitamin	6	2		4	
	1. Lược sử quá trình nghiên cứu về Vitamin		1		2	
	2. Định nghĩa và danh pháp Vitamin					
	2.1. Định nghĩa					
	2.2. Danh pháp quốc tế và phân loại Vitamin					
	3. VTM tan trong nước và VTM tan trong dầu mỡ		1		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3.1. Vitamin tan trong nước					
	3.2. Vitamin ta trong dầu mỡ					
5	Bài 5: Dinh dưỡng khoáng	6	1		5	
	1. Canxi và Photpho		1		2	
	1.1. Sự chuyển hóa Ca và P trong cơ thể					
	1.2. Những biểu hiện thiếu Ca, P					
	1.3. Nguồn cung cấp Ca,P					
	2. Kali, Natri và Clo				1	
	3. Magie				1	
	4. Nguyên tố vi lượng				1	
	4.1. Vai trò					
	4.2. Sắt (Fe)					
	4.3. Đồng (Cu)					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4.4. Coban (Co)					
	4.5. Kẽm (Zn)					
	4.6. Mangan					
	4.7. Iod					
6	Bài 6: Dinh dưỡng năng lượng	6	1		5	
	1. Carbohydrate		1		3	
	1.1. Phân loại					
	1.2. Tính chất hóa học của Carbohydrate					
	1.3. Sự tiêu hóa và hấp thu Carbohydrate					
	2. Lipid				2	
	2.1. Phân loại					
	2.2. Vai trò và đặc điểm dinh dưỡng					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
7	Bài 7: Phân loại thức ăn và đặc điểm các loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi	8	3		5	
	1. Phân loại thức ăn theo nguồn gốc (IRMA - 1983)		1.5		2	
	1.1. Thức ăn thô khô.					
	1.2. Thức ăn xanh					
	1.3. Thức ăn ủ xanh					
	1.4. Thức ăn giàu năng lượng					
	1.5. Thức ăn bổ sung Protein					
	1.6. Thức ăn bổ sung khoáng					
	1.7. Thức ăn bổ sung Vitamin					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.8. Các loại thức ăn bổ sung khác					
	2. Các loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi		1.5		3	
	2.1. thức ăn xanh					
	2.2. Thức ăn rế củ và quả					
	2.3. Thức ăn hạt ngũ cốc và sản phẩm phụ					
	2.4. Thức ăn hạt họ đậu và khô dầu					
	2.5. Sản phẩm phụ của các ngành chế biến					
8	Bài 8: Chế biến và dự trữ thức ăn	6	1		5	
	1. Các phương pháp chế biến thức ăn		1		2	
	1.1. Cắt ngắn					
	1.2. Đường hóa					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.3. Nấu, hấp chín					
	1.4. Nghiền nhỏ					
	1.5. Xử lý kiềm					
	1.6. Thức ăn hỗn hợp					
	2. Dự trữ thức ăn: Ủ xanh				3	
	2.1. Lợi ích					
	2.2. Nguyên lý ủ xanh					
	2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ủ					
9	Bài 9: Đồng cỏ chăn nuôi	10	2		7	1
	1. Một số cây cỏ hòa thảo		1		3	
	1.1. Cỏ voi (Elephant grass)					
	1.2. Cỏ gà (Bermuda grass)					
	1.3. Cỏ Guine (Panicum maximum) (Cỏ sả)					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Một số cây bộ đậu		1		4	
	2.1. Cỏ Stylo					
	2.2. Cây keo dậu					
10	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: GIỚI THIỆU MÔN HỌC (3)

(Thời gian: 01 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được dinh dưỡng và kỹ thuật thức ăn.
2. Trình bày được những thành tựu lớn của khoa học dinh dưỡng và kỹ thuật thức ăn
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Dinh dưỡng và kỹ thuật thức ăn gia súc là gì?
2. Những thành tựu lớn của khoa học dinh dưỡng và kỹ thuật thức ăn
3. Những yêu cầu của môn học

BÀI 2: DINH DƯỠNG NƯỚC (3,4)

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU.

1. Trình bày được tầm quan trọng của nước đối với đời sống động vật.
2. Tính nhu cầu của nước đối với vật nuôi.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Vai trò dinh dưỡng của nước

2. Nhu cầu nước của vật nuôi

2.1. Liên quan giữa nhu cầu nước và lượng chất khô thu nhận

2.2. Liên quan giữa nhu cầu nước với sức sản xuất

2.3. Liên quan giữa nhu cầu nước với nhiệt độ môi trường

BÀI 3: DINH DƯỠNG PROTEIN VÀ AXIT AMIN (3,4)

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU.

1. Trình bày được vai trò, chức năng Protein và Axit amin trong cơ thể gia súc gia cầm.
2. Trình bày được nhu cầu và nguồn cung cấp Protein và Axit amin.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Protein.

1.1. Định nghĩa

1.2. Đặc tính của Protein

1.3. Phân loại Protein

1.4. Sự trao đổi Protein ở động vật**1.5. Các phương pháp đánh giá chất lượng Protein****1.6. Các biện pháp nâng cao chất lượng Protein****2. Axit amin****2.1. Định nghĩa****2.2. Phân loại****2.3. Xác định nhu cầu A.amin ở động vật****2.4. Đặc điểm nhu cầu A.amin ở động vật****2.5. Ý nghĩa của cân bằng A.amin trong khẩu phần****BÀI 4: DINH DƯỠNG VITAMIN (3,4)****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU.**

1. Trình bày được khái niệm Vitamin, các loại Vitamin cần thiết trong đời sống động vật.

2. Xác định được nhu cầu Vitamin trên từng đối tượng vật nuôi và giai đoạn phát triển của chúng.

3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:**1. Lược sử quá trình nghiên cứu về Vitamin****2. Định nghĩa và danh pháp Vitamin****2.1. Định nghĩa****2.2. Danh pháp quốc tế và phân loại Vitamin****3. VTM tan trong nước và VTM tan trong dầu mỡ****3.1. Vitamin tan trong nước**

3.2. Vitamin ta trong dầu mỡ

BÀI 5: DINH DƯỠNG KHOÁNG (3,4)

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU.

1. Trình bày được các loại chất khoáng cần thiết trong đời sống động vật.
2. Xác định được nhu cầu khoáng trên từng đối tượng vật nuôi và giai đoạn phát triển của chúng.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Canxi và Photpho

1.1. Sự chuyển hóa Ca và P trong cơ thể

1.2. Những biểu hiện thiếu Ca, P

1.3. Nguồn cung cấp Ca, P

2. Kali, Natri và Clo

3. Magie

4. Nguyên tố vi lượng

4.1. Vai trò

4.2. Sắt (Fe)

4.3. Đồng (Cu)

4.4. Coban (Co)

4.5. Kẽm (Zn)

4.6. Mangan

4.7. Iod

BÀI 6: DINH DƯỠNG NĂNG LƯỢNG (3,4)

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU.

1. Trình bày được vai trò, chức năng dinh dưỡng năng lượng trong cơ thể gia súc gia cầm.
2. Trình bày được nhu cầu và nguồn cung cấp năng lượng.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Carbohydrate

1.1. Phân loại

1.2. Tính chất hóa học của Carbohydrate

1.3. Sự tiêu hóa và hấp thu Carbohydrate

2. Lipid

2.1. Phân loại

2.2. Vai trò và đặc điểm dinh dưỡng

BÀI 7: PHÂN LOẠI THỨC ĂN VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC LOẠI THỨC ĂN THƯỜNG DÙNG TRONG CHĂN NUÔI (3,4,5)

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được kiến thức về các loại thức ăn.
2. Phân loại được các loại thức ăn trong chăn nuôi.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Phân loại thức ăn theo nguồn gốc (IRMA - 1983)

1.1. Thức ăn thô khô.

1.2. Thức ăn xanh

1.3. Thức ăn ủ xanh

1.4. Thức ăn giàu năng lượng

1.5. Thức ăn bổ sung Protein

1.6. Thức ăn bổ sung khoáng

1.7. Thức ăn bổ sung Vitamin

1.8. Các loại thức ăn bổ sung khác

2. Các loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi

2.1. thức ăn xanh

2.2. Thức ăn rễ củ và quả

2.3. Thức ăn hạt ngũ cốc và sản phẩm phụ

2.4. Thức ăn hạt họ đậu và khô dầu

2.5. Sản phẩm phụ của các ngành chế biến

BÀI 8: CHẾ BIẾN VÀ DỰ TRỮ THỨC ĂN (1,2,5)

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Thực hiện được các khâu kỹ thuật chế biến các loại thức ăn.
2. Thực hiện bảo quản, dự trữ thức ăn đúng kỹ thuật.
3. Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp kỹ thuật, chính xác, cẩn thận trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Các phương pháp chế biến thức ăn

1.1. Cắt ngắn

1.2. Đường hóa

1.3. Nấu, hấp chín

1.4. Nghiền nhỏ

1.5. Xử lý kiềm

1.6. Thức ăn hỗn hợp

2. Dự trữ thức ăn: Ủ xanh

2.1. Lợi ích

2.2. Nguyên lý ủ xanh

2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ủ

BÀI 9: ĐỒNG CỎ CHĂN NUÔI (3,4)

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU.

1. Trình bày được đặc điểm sinh học của các loại cây cỏ được trồng làm thức ăn chăn nuôi.
2. Thực hiện được quy trình trồng, khai thác và sử dụng các loại cây cỏ.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Một số cây cỏ hòa thảo

1.1. Cỏ voi (*Elephant grass*)

1.1.1. Kỹ thuật gieo trồng

1.1.2. Sử dụng

1.2. Cỏ gà (*Bermuda grass*)

1.2.1. Kỹ thuật gieo trồng

1.2.2. Sử dụng

1.3. *Cỏ Guine* (*Panicum maximum*) (*Cỏ sả*)

1.3.1. *Kỹ thuật gieo trồng*

1.3.2. *Sử dụng*

2. Một số cây bộ đậu

2.1. *Cỏ Stylo*

2.1.1. *Kỹ thuật gieo trồng*

2.1.2. *Sử dụng*

2.2. *Cây keo dậu*

2.2.1. *Kỹ thuật gieo trồng*

2.2.2. *Sử dụng*

D. Điều kiện thực hiện mô đun:

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng.

- Bảng viết, bàn ghế giáo viên.
- Bàn ghế người học.

II. Trang thiết bị, máy móc:

Máy chiếu, máy tính.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, đề cương, tài liệu tham khảo.
- Dụng cụ: Thước đo, cân đồng hồ.
- Nguyên vật liệu: Thức ăn các loại, khoáng, vitamin, các mẫu vật cây cỏ.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về thức ăn trong chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Quá trình trao đổi các chất độc trong thức ăn.
- Đặc điểm sinh học của các loại thức ăn, nguyên tắc lập công thức và chế biến thức ăn công nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng thức ăn trong chăn nuôi.
- Tầm quan trọng của quá trình chế biến sử dụng thức ăn.
- Kỹ thuật trồng cỏ làm thức ăn.

2. Kỹ năng

- Thực hiện được quy trình trồng, khai thác và sử dụng các loại cây cỏ.
- Thực hiện được các khâu kỹ thuật chế biến các loại thức ăn.
- Phân loại được các loại thức ăn trong chăn nuôi
- Thực hiện được quy tắc lập khẩu phần, tính toán được các loại thức ăn, các chất khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Chấp hành nội quy học tập môn học, ý thức chấp hành, tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn, bảo hộ lao động

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 01

Hình thức kiểm tra: Tự luận, thực hành.

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành, vấn đáp
- Thời gian thi: 01 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường
- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra đánh giá qua kỹ năng thực hành bài tập cá nhân hoặc theo nhóm.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng chương trình mô đun:

Mô đun này thuộc chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo làm mẫu sau đó hướng dẫn người học thực hành, giáo viên kiểm tra đánh giá và sửa lỗi cho người học.
- Nhà giáo sử dụng phương pháp thuyết trình, diễn giải, làm mẫu.

2. Đối với người học

- Người học cần có bài giảng để tham khảo trước; giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm bảo đảm chất lượng giảng dạy; đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.
- Người học làm trung tâm và được hỗ trợ bởi các phương tiện dạy học như laptop, projector.

- Tuân thủ theo sự hướng dẫn của giáo viên và quy trình.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đặc điểm các loại thức ăn sử dụng trong chăn nuôi.
- Vai trò của protein, chất khoáng và vitamin.
- Độc tố trong thức ăn.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng của thức ăn.
- Kỹ thuật trồng các loại cây cỏ làm thức ăn

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Bả và CTV (1997). Nghiên cứu sử dụng urea để xử lý rơm lúa làm thức ăn cho trâu bò. Tuyển tập công trình nghiên cứu KHKT & KTNN, kỷ niệm 30 năm thành lập trường đại học Nông Lâm Huế. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà nội; Tr. 157-160.

2. Lê Minh Hoàng (2000). Chế biến thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm. Nhà xuất bản văn hóa dân tộc, Hà nội.

3. Vũ Duy Giảng (2001). Giáo trình dinh dưỡng và thức ăn gia súc. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà nội

4. Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng (2002). Thức ăn và dinh dưỡng động vật. Nhà xuất bản Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh..

5. Vũ Duy Giảng (2003). Những xu hướng mới sử dụng thức ăn bổ sung trong chăn nuôi. Tạp chí Thức ăn chăn nuôi. Đặc san khoa học kỹ thuật thức ăn chăn nuôi. Số 1 -2003. Hà nội.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nhân giống vật nuôi (Levestock breeding)

Mã mô đun: 511820743

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

- Học phần nhằm giúp người học nắm được được lịch sử chọn lọc và nhân giống vật nuôi, phân biệt được đặc điểm các giống vật nuôi và đánh giá khả năng sản xuất của chúng. Từ đó, người học áp dụng hiệu quả các phương pháp chọn lọc và nhân giống vật nuôi trong công tác giống.

- Người học độc lập đánh giá năng suất, sản phẩm vật nuôi; chọn lọc được giống vật nuôi có giá trị giống cao và xây dựng phương án nhân giống phù hợp nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao cũng như bảo tồn được các giống vật nuôi có giá trị.

II. Tính chất

Là mô đun cơ sở được bố trí học trước các mô đun chuyên môn.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các kiến thức về lịch sử lịch sử chọn lọc và nhân giống vật nuôi để giải thích được quá trình thuần hóa và thích nghi của vật nuôi, phân biệt được đặc điểm các giống vật ở nước ta.

2. Áp dụng được các phương pháp chọn lọc và nhân giống trong công tác giống, xây dựng phương pháp chọn lọc và nhân giống tối ưu cho từng cơ sở giống. Xây dựng phương pháp quản lý giống vật nuôi hiệu quả.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Phân tích, đánh giá khả năng sản xuất của vật nuôi, quan hệ di truyền giữa các cá thể.
2. Đề xuất phương pháp chọn lọc hiệu quả để chọn và giữ lại các cá thể có giá trị giống cao.
3. Áp dụng và đề xuất phương pháp nhân giống thích hợp và xây dựng các biện pháp quản lý giống vật nuôi.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Bộc lộ khả năng tiếp nhận và đánh giá thông tin trong thực tiễn chăn nuôi.
2. Có hiểu biết và biểu lộ khả năng làm việc độc lập trong đánh giá năng suất sản phẩm, chọn và nhân giống vật nuôi.
3. Hình thành, biểu lộ và duy trì thái độ tiếp tục phát triển chuyên môn; tìm tòi, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm về giống và công tác giống vật nuôi	10	2		8	
	1. Khái niệm về giống và phân loại giống vật nuôi		0.5		1	
	1.1. Khái niệm về vật nuôi					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.2. Khái niệm về giống, dòng vật nuôi					
	1.3. Phân loại giống vật nuôi					
	2. Giới thiệu một số giống vật nuôi phổ biến ở nước ta		0.5		4	
	2.1. Các giống vật nuôi địa phương					
	2.2. Các giống vật nuôi chủ yếu nhập từ nước ngoài					
	3. Khái niệm và ý nghĩa của công tác giống trong chăn nuôi		0.5		2	
	3.1. Khái niệm về công tác giống vật nuôi					
	3.2. Ý nghĩa của công tác giống trong chăn nuôi					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Cơ sở sinh học của công tác giống		0.5		1	
2	Bài 2: Chọn giống vật nuôi	10	2		8	
	1. Khái niệm về tính trạng		0.5			
	2. Những tính trạng cơ bản của vật nuôi		1.5		8	
	2.1. Tính trạng về ngoại hình					
	2.2. Tính trạng về sinh trưởng					
	2.3. Các tính trạng năng suất và chất lượng sản phẩm					
3	Bài 3: Nhân giống vật nuôi	12	4		8	
	1. Nhân giống thuần chủng		2		4	
	1.1. Khái niệm					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.2. Vai trò tác dụng của nhân giống thuần chủng					
	1.3. Hệ phở					
	1.4. Hệ số cận huyết					
	1.5. Nhân giống thuần chủng theo dòng					
	2. Lai giống		2		4	
	2.1. Khái niệm					
	2.2. Vai trò tác dụng của lai giống					
	2.3. Ưu thế lai					
	2.4. Các phương pháp lai giống					
4	Bài 4: Hệ thống tổ chức công tác giống vật nuôi	13	4		8	1
	1. Hệ thống nhân giống vật nuôi		1.5		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Một số biện pháp công tác giống		2.5		5	
	2.1. Theo dõi hệ phở					
	2.2. Lập các sổ, phiếu theo dõi					
	2.3. Đánh số vật nuôi					
	2.4. Lập sổ giống					
5	Bài 5: Sức sản xuất của vật nuôi	12	3		9	
	1.Ý nghĩa của việc đánh giá sức sản xuất của vật nuôi		1		3	
	2. Sức sinh sản của vật nuôi					
	3. Sức sản xuất sữa		2		2	
	4. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sản xuất trứng của gia cầm				2	
	5. Sức sản xuất thịt				2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
6	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: KHÁI NIỆM VỀ GIỐNG VÀ CÔNG TÁC GIỐNG VẬT NUÔI (2)

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Xác định được nguồn gốc và quá trình hình thành giống vật nuôi.
2. Trình bày khái niệm về phân loại giống vật nuôi.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Khái niệm về giống và phân loại giống vật nuôi

1.1. Khái niệm về vật nuôi

1.2. Khái niệm về giống, dòng vật nuôi

1.3. Phân loại giống vật nuôi

2. Giới thiệu một số giống vật nuôi phổ biến ở nước ta

2.1. Các giống vật nuôi địa phương

2.2. Các giống vật nuôi chủ yếu nhập từ nước ngoài

3. Khái niệm và ý nghĩa của công tác giống trong chăn nuôi

3.1. Khái niệm về công tác giống vật nuôi

3.2. Ý nghĩa của công tác giống trong chăn nuôi

4. Cơ sở sinh học của công tác giống

BÀI 2: CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI (1,2)

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Mô tả được các tính trạng cơ bản của vật nuôi.
2. Xác định được các tính trạng cơ bản để chọn được một con giống vật nuôi tốt.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Khái niệm về tính trạng

2. Những tính trạng cơ bản của vật nuôi

2.1. Tính trạng về ngoại hình

2.2. Tính trạng về sinh trưởng

2.3. Các tính trạng năng suất và chất lượng sản phẩm

BÀI 3: NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI (1,2)

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Mô tả được các khái niệm về nhân giống ở vật nuôi.
2. Trình bày được sự thuần chủng, phương pháp nhân giống thuần chủng và nhân giống theo dòng.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Nhân giống thuần chủng

1.1. Khái niệm

1.2. Vai trò tác dụng của nhân giống thuần chủng

1.3. Hệ phổ

1.4. Hệ số cận huyết

1.5. Nhân giống thuần chủng theo dòng

2. Lai giống

2.1. Khái niệm

2.2. Vai trò tác dụng của lai giống

2.3. Ưu thế lai

2.4. Các phương pháp lai giống

BÀI 4: HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG CÔNG TÁC GIỐNG VẬT NUÔI

(1)

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Xác định được các nguyên tắc trong công tác tổ chức và quản lý con giống.
2. Mô tả được các biện pháp nhân giống ở vật nuôi.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:

1. Hệ thống nhân giống vật nuôi

2. Một số biện pháp công tác giống

2.1. Theo dõi hệ phổ

2.2. Lập các sổ, phiếu theo dõi

2.3. Đánh số vật nuôi**2.4. Lập sổ giống****BÀI 5: SỨC SẢN XUẤT CỦA VẬT NUÔI (1,2,3)****(Thời gian: 12 giờ)****I. MỤC TIÊU:**

1. Đánh giá được sức sản xuất của vật nuôi thông qua các chỉ tiêu cơ bản.
2. Trình bày được sức sản xuất ở một số giống vật nuôi cơ bản.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI:**1. Ý nghĩa của việc đánh giá sức sản xuất của vật nuôi****2. Sức sinh sản của vật nuôi****3. Sức sản xuất sữa****4. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sản xuất trứng của gia cầm****5. Sức sản xuất thịt****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay;
- Vật nuôi;

- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun;
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được các phương pháp chọn lọc vật nuôi phổ biến (ví dụ: chọn lọc cá thể, chọn lọc gia đình, chọn lọc dòng, chọn lọc chỉ số) và ưu nhược điểm của từng phương pháp.

- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh sản của vật nuôi (ví dụ: dinh dưỡng, môi trường, quản lý, sức khỏe).

- Nêu được các chỉ tiêu đánh giá năng suất sinh sản và năng suất sản xuất của vật nuôi (ví dụ: tỷ lệ thụ thai, số con/lứa, tốc độ tăng trưởng, sản lượng sữa/trứng).

- Xác định vai trò: Xác định được vai trò của công tác giống trong phát triển bền vững ngành chăn nuôi.

2. Kỹ năng

- Đánh giá được ngoại hình và thể chất của vật nuôi để chọn lọc con giống.

- Tính toán được các chỉ số di truyền cơ bản (ví dụ: hệ số di truyền, giá trị giống) để hỗ trợ công tác chọn lọc.

- Lập kế hoạch phối giống phù hợp cho một đàn vật nuôi nhỏ nhằm đạt được mục tiêu cải thiện giống cụ thể.

- Phân tích được sơ đồ phả hệ để đánh giá mức độ cận huyết và tiềm năng di truyền của cá thể.

- Thực hiện ghi chép và quản lý hồ sơ giống một cách khoa học, chính xác.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tham gia lớp học đầy đủ, thái độ học tập nghiêm túc và thao tác thực hành thành thạo.
- Rèn luyện phong cách suy nghĩ, học hỏi, chủ động khi thực hiện các công việc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 01

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.
- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Áp dụng cho học sinh trung cấp ngành Chăn nuôi - Thú y.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Phần lý thuyết:

Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm bảo đảm chất lượng giảng dạy; giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, diễn giải, đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận nhóm... lấy người học làm trung tâm và được hỗ trợ bởi các phương tiện dạy học như laptop, projector, kính hiển vi...

- Phần thực hành:

Nhà giáo làm mẫu sau đó hướng dẫn người học thực hành, giáo viên kiểm tra đánh giá và sửa lỗi cho người học.

2. Đối với người học

- Tham khảo, đọc tài liệu trước khi lên lớp.

- Thao tác đúng quy trình kỹ thuật.

III. Những trọng tâm cần chú ý

1. Hệ thống nhân giống vật nuôi
2. Một số biện pháp công tác giống
3. Thực hiện các công việc nhân giống gia súc.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình chọn lọc và nhân giống vật nuôi. NXB Nông nghiệp, 2000.
Đặng Vũ Bình
2. Di truyền số lượng và chọn giống vật nuôi. NXB Nông nghiệp, 2002.
Đặng vũ Bình

3. . Báo cáo tổng kết phát triển chăn nuôi trong 10 năm qua- Cục Nông Nghiệp- Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, 1994-2004

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò (Nurture and care for cattle).

Mã mô đun: 511830753

Thời gian thực hiện mô đun: 88 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0; thực hành, thí nghiệm: 69 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔ ĐUN:**I. Vị trí:**

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất:

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc nuôi dưỡng trâu bò đực giống, trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, trâu bò thịt để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. Công việc yêu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng trâu bò đúng kỹ thuật, mang lại hiệu quả chăn nuôi cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được qui trình nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, trâu bò thịt.

2. Trình bày được các biểu hiện động dục của trâu bò cái, phương pháp phối giống và khám thai cho trâu bò cái, đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái, điều khiển sinh sản ở trâu bò cái.

3. Trình bày kỹ thuật vắt sữa, cặn sữa cho trâu bò, đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, trâu bò thịt.

2. Thực hiện việc phát hiện động dục, phối giống và khám thai cho trâu bò cái, đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái, điều khiển sinh sản ở trâu bò cái.

3. Thực hiện kỹ thuật vắt sữa, cặn sữa cho trâu bò, đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa.

4. Tác phong nghiêm túc vệ sinh thú y, bảo đảm an toàn lao động.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm cho các công việc đã thực hiện.

3. Tự đánh giá kết quả, chất lượng công việc sau khi hoàn thành.

4. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Mở đầu	1	1			

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Vai trò, ý nghĩa kinh tế ngành chăn nuôi trâu bò 2. Tình hình chăn nuôi trâu bò ở nước ta 3. Tình hình chăn nuôi trâu bò trên thế giới					
2	Bài 2: Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò đực giống	14	3		11	
	1. Nuôi dưỡng trâu bò đực giống		1		3	
	2. Chăm sóc và quản lý trâu bò đực giống		1		4	
	3. Sử dụng trâu bò đực giống		1		4	
3	Bài 3: Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò cái sinh sản	23	4		18	1
	1. Phát hiện động dục, phối giống và khám thai cho trâu bò cái		1		4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản		1		4	
	3. Chăm sóc trâu bò cái sinh sản		1		4	
	4. Đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái		0.5		3	
	5. Điều khiển sinh sản ở trâu bò cái		0.5		3	
4	Bài 4: Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé	16	2		14	
	1. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé sơ sinh		0.5		4	
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé trước cai sữa		0.5		3	
	3. Cai sữa cho bê nghé		0.5		3	
	4. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé sau cai sữa		0.5		4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
5	Bài 5: Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò sữa	15	3		12	
	1. Sự hình thành sữa và sinh lý tiết sữa		0.5		2	
	2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng sữa		0.5		2	
	3. Nuôi dưỡng trâu bò cái trong thời gian cho sữa		0.5		2	
	4. Kỹ thuật vắt sữa cho trâu bò		0.5		2	
	5. Kỹ thuật cặn sữa và nuôi dưỡng trâu bò cặn sữa		0.5		2	
	6. Đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa		0.5		2	
6	Bài 6: Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò thịt	17	2		14	1
	1. Năng suất và chất lượng thịt		1		6	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Những nhân tố ảnh hưởng sức sản xuất thịt		1			
	3. Nuôi bê trước vỗ béo					
	4. Vỗ béo				8	
	5. Các mô hình tổ chức chăn nuôi bò thịt					
7	Thi kết thúc mô đun	2				2
Cộng:		88	15		69	2(0,2)/2(0,2)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: MỞ ĐẦU (1)

(Thời gian: 01 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vai trò, ý nghĩa ngành chăn nuôi bò.
2. Trình bày được tình hình ngành chăn nuôi bò trong nước và trên thế giới.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Vai trò, ý nghĩa kinh tế ngành chăn nuôi trâu bò
2. Tình hình chăn nuôi trâu bò ở nước ta

3. Tình hình chăn nuôi trâu bò trên thế giới

BÀI 2: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC TRÂU BÒ ĐỰC GIỐNG (1,2)

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò đực giống.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò đực giống.
3. Rèn luyện thái độ chăm chỉ, tận tụy trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Nuôi dưỡng trâu bò đực giống**
- 2. Chăm sóc và quản lý trâu bò đực giống**
- 3. Sử dụng trâu bò đực giống**

BÀI 3: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC TRÂU BÒ CÁI SINH SẢN (1,2)

(Thời gian: 22 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò cái sinh sản.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò cái sinh sản.
3. Rèn luyện thái độ chăm chỉ, tận tụy trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Phát hiện động dục, phối giống và khám thai cho trâu bò cái**
- 2. Nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản**
- 3. Chăm sóc trâu bò cái sinh sản**
- 4. Đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái**
- 5. Điều khiển sinh sản ở trâu bò cái**

BÀI 4: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC BÊ NGHÉ (1,2)**(Thời gian: 16 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé.
3. Rèn luyện thái độ chăm chỉ, tận tụy trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé sơ sinh
2. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé trước cai sữa
3. Cai sữa cho bê nghé
4. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê nghé sau cai sữa

BÀI 5: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC TRÂU BÒ SỮA (3,4)**(Thời gian: 15 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò sữa.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò sữa.
3. Rèn luyện thái độ chăm chỉ, tận tụy trong thực hiện công việc. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Sự hình thành sữa và sinh lý tiết sữa
2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng sữa
3. Nuôi dưỡng trâu bò cái trong thời gian cho sữa
4. Kỹ thuật vắt sữa cho trâu bò
5. Kỹ thuật cặn sữa và nuôi dưỡng trâu bò cặn sữa

6. Đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa

BÀI 6: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC TRÂU BÒ THỊT (1,2,4)

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò thịt.
2. Thực hiện quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò thịt.
3. Rèn luyện thái độ chăm chỉ, tận tụy trong thực hiện công việc

II. NỘI DUNG BÀI

1. Năng suất và chất lượng thịt
2. Những nhân tố ảnh hưởng sức sản xuất thịt
3. Nuôi bê trước vỗ béo
4. Vỗ béo
5. Các mô hình tổ chức chăn nuôi bò thịt

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

- Bảng viết, bàn ghế giáo viên.
- Bàn ghế người học.

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy projector, máy tính, thước đo.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, đề cương, tài liệu tham khảo.
- Dụng cụ:
- Nguyên vật liệu: trâu bò, chuồng trại chăn nuôi,...

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được qui trình nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, trâu bò thịt.

- Trình bày được các biểu hiện động dục của trâu bò cái, phương pháp phối giống và khám thai cho trâu bò cái, đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái, điều khiển sinh sản ở trâu bò cái.

- Trình bày kỹ thuật vắt sữa, cặn sữa cho trâu bò, đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa.

2. Kỹ năng

- Thực hiện qui trình nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, trâu bò thịt.

- Thực hiện việc phát hiện động dục

- Phối giống và khám thai cho trâu bò cái, đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái, điều khiển sinh sản ở trâu bò cái.

- Thực hiện kỹ thuật vắt sữa, cặn sữa cho trâu bò

- Đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành nội quy học tập môn học, ý thức chấp hành, tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn, bảo hộ lao động.

- Khả năng làm việc độc lập.

- Khả năng phối hợp và làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 02

Hình thức kiểm tra: Tự luận, thực hành.

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 02 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi của nhà trường hàng năm.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi thực hiện mô đun:

- Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc trâu bò là mô đun bắt buộc thuộc MH/MĐ cốt lõi trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề CNTY. Tùy vào điều kiện cụ thể giáo viên có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

- Người học là đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp THCS bắt buộc học toàn bộ chương trình này. Trưởng khoa tham mưu để Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình mà người học đã hoàn thành để xem

xét, quyết định điều chỉnh chương trình mô đun cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của mô đun.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Nhà giáo có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

- Hướng dẫn tự học: Bên cạnh việc dạy học 45 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 45 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực theo quy định chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng không sử dụng kiến thức mới.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do giáo viên giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do giáo viên hướng dẫn giao.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Thực hiện qui trình nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, trâu bò thịt theo đúng qui trình kỹ thuật.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Chí Cương. Giáo trình chăn nuôi trâu bò: NXB Hà Nội; 2005.
2. Nguyễn Trọng Tiến. Giáo trình chăn nuôi trâu bò: ĐH Nông Nghiệp 1; 1991.
3. Nguyễn Thiện. Thực hành chọn giống và nhân giống tạo dòng vật nuôi: NXB Hà Nội; 2011.
4. Nguyễn Văn Thường. Chăn nuôi bò sữa, bò thịt năng suất cao: NXB Nghệ An; 2003.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn (Raising and caring for pigs).

Mã mô đun: 511830763

Thời gian thực hiện mô đun: 88 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0; thực hành, thí nghiệm: 69 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc lợn là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc lợn bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc nuôi dưỡng lợn cái sinh sản, lợn con, lợn thịt để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. Công việc yêu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng lợn đúng kỹ thuật, mang lại hiệu quả chăn nuôi cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi lợn, các yêu cầu kỹ thuật vệ sinh thú y đối với chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi lợn; yêu cầu về nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng nuôi phù hợp với từng giai đoạn nuôi; tác dụng của việc theo dõi, điều chỉnh tiểu khí hậu chuồng nuôi; nguyên lý điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi; phương pháp đo và điều chỉnh nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng nuôi lợn.

2. Trình bày được cách chuẩn bị chuồng trại, bố trí, sắp xếp các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi lợn; yêu cầu kỹ thuật các loại dụng cụ, thiết bị chăn nuôi lợn.

3. Trình bày được các yêu cầu về chọn giống lợn đúng mục đích chăn nuôi.

4. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn khác nhau: con non, trưởng thành, sinh sản...

5. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn ở các giai đoạn khác nhau.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chuẩn bị được chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn đối với từng loại vật nuôi; đủ và đúng chủng loại, dụng cụ chăn nuôi phù hợp theo quy mô chăn nuôi.

2. Thực hiện tốt công tác vệ sinh thú y đối với chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi.

3. Bố trí, sắp xếp các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi hợp lý, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; và sử dụng thành thạo, hợp lý các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi.

4. Xử lý chất thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường, vệ sinh thú y.

5. Chọn được giống vật nuôi phù hợp với mục đích chăn nuôi; Tính đúng, đủ lượng thức ăn, nước uống cho các loại vật nuôi ở các giai đoạn khác nhau.

6. Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn và theo mục đích chăn nuôi; theo dõi, quan sát vật nuôi hàng ngày; Thực hiện được việc trợ sản cho vật nuôi.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc.

2. Sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động trong quá trình thực hiện, bảo

đảm an toàn cho người và vật nuôi thủ các yêu cầu về an toàn sinh học cho trại chăn nuôi lợn theo TCVN.

3. Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao.

4. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

5. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi lợn	16	4	0	12	
	1. Vai trò của chuồng trại trong chăn nuôi lợn		1			
	2. Địa điểm xây dựng chuồng trại		1		4	
	3. Các quy định trong xây dựng chuồng nuôi		1		4	
	3.1. Bảo đảm về yếu tố kinh tế kỹ thuật					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3.2. Bảo đảm khía cạnh xã hội					
	4. Bố trí sắp xếp vận hành trang thiết bị chăn nuôi lợn		1		4	
2	Bài 2: Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn nái sinh sản	25	4		20	1
	1. Các chỉ tiêu trong chăn nuôi lợn nái sinh sản		1		2	
	2. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn hậu bị		1		8	
	2.1. Ý nghĩa và yêu cầu chăn nuôi lợn nái hậu bị					
	2.2. Chọn lọc lợn nái hậu bị					
	3. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái sinh sản		2		10	
	3.1. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái mang thai					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái nuôi con					
3	Bài 3: Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con	24	3	0	20	1
	1. Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con bú sữa		1		8	
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con sau cai sữa		1		6	
	2.1. Đặc điểm lợn con sau cai sữa					
	2.2. Những yêu cầu nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con sau cai sữa					
	3. Cai sữa cho lợn con		1		6	
	3.1. Yêu cầu					
	3.2. Nguyên tắc					
	3.3. Chăm sóc quản lý					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
4	Bài 4: Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt	21	4	0	17	
	1. Chọn giống lợn để nuôi thịt		0.5		3	
	2. Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của lợn thịt		0.5		3	
	3. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất và phẩm chất thịt		1		3	
	4. Các phương thức và công thức nuôi lợn thịt		1		4	
	5. Nuôi dưỡng chăm sóc và quản lý lợn thịt theo VietGap		1		4	
5	Thi kết thúc mô đun	2				2
Cộng:		88	15	0	69	2(0,2)/2(0,2)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI VÀ TRANG THIẾT BỊ CHĂN NUÔI LỢN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn nái sinh sản.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn nái sinh sản.
3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Vai trò của chuồng trại trong chăn nuôi lợn (1,3)

2. Địa điểm xây dựng chuồng trại

3. Các quy định trong xây dựng chuồng nuôi

3.1. Bảo đảm về yếu tố kinh tế kỹ thuật

3.2. Bảo đảm khía cạnh xã hội

4. Bố trí sắp xếp vận hành trang thiết bị chăn nuôi lợn

BÀI 2: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC LỢN NÁI SINH SẢN

(Thời gian: 24 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn nái sinh sản.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn nái sinh sản.
3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc

II. NỘI DUNG BÀI

1. Các chỉ tiêu trong chăn nuôi lợn nái sinh sản (1, 2)

2. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn hậu bị (1, 2)

2.1. Ý nghĩa và yêu cầu chăn nuôi lợn nái hậu bị

2.2. Chọn lọc lợn nái hậu bị

3. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái sinh sản

3.1. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái mang thai**3.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái nuôi con****BÀI 3: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC LỢN CON****(Thời gian: 23 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con.
3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con bú sữa (4)****2. Nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con sau cai sữa****2.1. Đặc điểm lợn con sau cai sữa****2.2. Những yêu cầu nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con sau cai sữa****3. Cai sữa cho lợn con (1, 2)****3.1. Yêu cầu****3.2. Nguyên tắc****3.3. Chăm sóc quản lý****BÀI 4: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC LỢN THỊT****(Thời gian: 21 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung về nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt.
2. Thực hiện qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt.
3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Chọn giống lợn để nuôi thịt**
- 2. Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của lợn thịt**
- 3. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất và phẩm chất thịt**
- 4. Các phương thức và công thức nuôi lợn thịt**
- 5. Nuôi dưỡng chăm sóc và quản lý lợn thịt theo VietGap**

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng thực hành đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi lợn thực hành.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun.
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh thú y trong chăn nuôi lợn.

- Trình bày được yêu cầu và phương pháp đo, điều chỉnh các yếu tố tiểu khí hậu (nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng, tốc độ gió) trong chuồng nuôi phù hợp với từng giai đoạn phát triển của lợn

- Trình bày được cách chuẩn bị chuồng trại, bố trí trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi và yêu cầu kỹ thuật đối với từng loại dụng cụ, thiết bị trong chăn nuôi lợn.

- Trình bày được tiêu chí và cách chọn giống lợn phù hợp với mục đích chăn nuôi (lấy thịt, sinh sản, giống...).

- Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi theo từng giai đoạn phát triển (con non, trưởng thành, sinh sản...).

- Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc lợn ở các giai đoạn: lợn con theo mẹ, lợn cai sữa, lợn hậu bị, lợn nái sinh sản, lợn thịt.

2. Kỹ năng

- Thực hiện quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn cái sinh sản.

- Thực hiện quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn con.

- Thực hiện quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt.

- Tác phong nghiêm túc vệ sinh thú y, bảo đảm an toàn lao động.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Khả năng làm việc độc lập.

- Khả năng phối hợp và làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 2

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VĐ.

- Thời gian thi: 2 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

- Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc lợn là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y. Tùy vào điều kiện cụ thể giáo viên có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Giáo viên có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do giáo viên giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do giáo viên hướng dẫn giao.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Linh. Giáo trình kỹ thuật chăn nuôi lợn: NXB Nông nghiệp; 2005.

2. Nguyễn Quang Linh. Giáo trình Chăn nuôi lợn: NXB Đại học Huế; 2020.

3. Vũ Đình Tôn. Giáo trình chăn nuôi lợn: NXB Nông nghiệp Hà Nội; 2005.
4. Bộ NN và PTNT. Giáo trình Mô đun nghề nuôi và phòng trị bệnh cho lợn 2013.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng (Raising and caring for pets).

Mã mô đun: 511830773

Thời gian thực hiện mô đun: 88 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 69 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng sinh sản, thú con để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. Công việc yêu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng thú cưng đúng kỹ thuật, mang lại hiệu quả kinh tế cũng như tinh thần.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi chó, mèo, các yêu cầu kỹ thuật vệ sinh thú y đối với chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi chó, mèo.

2. Trình bày được các yêu cầu về chọn giống chó, mèo đúng mục đích chăn nuôi.

3. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn khác nhau: con non, trưởng thành, sinh sản...

4. Trình bày được quy trình trợ sản cho vật nuôi, hỗ trợ can thiệp khi vật nuôi đẻ khó.

5. Trình bày được yêu cầu về nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng nuôi phù hợp với từng giai đoạn nuôi; tác dụng của việc theo dõi, điều chỉnh tiểu khí hậu chuồng nuôi; nguyên lý điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi; phương pháp đo và điều chỉnh nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng nuôi chó, mèo.

6. Trình bày được các phương pháp huấn luyện thú cưng cơ bản.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chuẩn bị được chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn đối với từng loại vật nuôi; đủ và đúng chủng loại, dụng cụ chăn nuôi phù hợp theo quy mô chăn nuôi.

2. Bố trí, sắp xếp các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi hợp lý, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; và sử dụng thành thạo, hợp lý các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi.

3. Chọn được giống vật nuôi phù hợp với mục đích chăn nuôi.

4. Tính đúng, đủ lượng thức ăn, nước uống cho các loại vật nuôi ở các giai đoạn khác nhau.

5. Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn và theo mục đích chăn nuôi; theo dõi, quan sát vật nuôi hàng ngày.

6. Thực hiện được việc trợ sản cho vật nuôi, hỗ trợ xử lý trong trường hợp vật nuôi đẻ khó.

7. Thực hiện được một số bài huấn luyện thú cưng đơn giản.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.

2. Tuân thủ các quy định về chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng.
3. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
4. Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi chó, mèo	14	2		12	
	1. Vai trò của chuồng trại trong nuôi chó, mèo		0.5			
	2. Các quy định trong xây dựng chuồng nuôi hoặc vị trí đặt chuồng nuôi.		0.5		6	
	3. Bố trí sắp xếp vận hành trang thiết bị nuôi chó, mèo		1		6	
2	Bài 2: Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo sau khi tách mẹ đến trưởng thành	18	4		14	
	1. Đặc điểm sinh học của một số giống chó, mèo		2		6	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1. Đặc điểm sinh học của một số giống chó					
	1.2. Đặc điểm sinh học của một số giống mèo					
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo sau khi tách mẹ		2		8	
	2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo trước 1 năm tuổi					
	2.2. Huấn luyện chó, mèo					
3	Bài 3: Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo mang thai	21	4		16	1
	1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo mang thai		1		5	
	2. Đỡ đẻ cho chó, mèo		2		6	
	3. Can thiệp sản khoa		1		5	
4	Bài 4: Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo nuôi con	18	3		15	
	1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo nuôi con		1		5	
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó con theo mẹ		1		5	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.1. Dinh dưỡng chó theo mẹ					
	2.2. Phòng bệnh cho chó con theo mẹ					
	2.3. Huấn luyện chó					
	3. Nuôi dưỡng và chăm sóc mèo con theo mẹ		1		5	
	3.1. Dinh dưỡng cho mèo con theo mẹ					
	3.2. Phòng bệnh cho mèo con theo mẹ					
5	Bài 5: Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo đực giống	15	2		12	1
	1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó đực giống		1		6	
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc mèo đực giống		1		6	
6	Thi kết thúc mô đun	2				2
Cộng:		85	15		66	2(0,2)/2(0,2)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI VÀ TRANG THIẾT BỊ CHĂN NUÔI CHÓ, MÈO

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vai trò, yêu cầu kỹ thuật và các thiết bị trong nuôi chó, mèo.
2. Thực hiện được việc xây dựng hoặc bố trí được vị trí đặt chuồng nuôi chó, mèo.
3. Sử dụng được các thiết bị trong nuôi chó, mèo.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Vai trò của chuồng trại trong nuôi chó, mèo (1)**
- 2. Các quy định trong xây dựng chuồng nuôi hoặc vị trí đặt chuồng nuôi**
- 3. Bố trí sắp xếp vận hành trang thiết bị nuôi chó, mèo**

BÀI 2: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CHÓ, MÈO SAU KHI TÁCH MẸ ĐẾN TRƯỞNG THÀNH

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm sinh học, quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo sau khi tách mẹ.
2. Thực hiện được công tác chọn giống, nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo phù hợp với từng lứa tuổi.
3. Rèn luyện thái độ chăm chỉ, tận tụy và có trách nhiệm trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc chó, mèo.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Đặc điểm sinh học của một số giống chó, mèo (2)

1.1. Đặc điểm sinh học của một số giống chó

1.2. Đặc điểm sinh học của một số giống mèo

2. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo sau khi tách mẹ (1)

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo trước 1 năm tuổi

2.2. Huấn luyện chó, mèo

BÀI 3: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CHÓ, MÈO MANG THAI

(Thời gian: 20 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc chó mèo mang thai, phương pháp đỡ đẻ và can thiệp sản khoa khi sinh bất thường.
2. Thực hiện được công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, đỡ đẻ và áp dụng một số biện pháp can thiệp sản khoa cho chó mèo.
3. Cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn trong quá trình chăm sóc, đỡ đẻ và can thiệp sản khoa.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo mang thai

2. Đỡ đẻ cho chó, mèo

3. Can thiệp sản khoa

BÀI 4: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CHÓ, MÈO NUÔI CON

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc chó mèo mẹ ở giai đoạn nuôi con và chó mèo con theo mẹ.
2. Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc chó mèo mẹ nuôi con và chó mèo con theo mẹ.
3. Cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn trong quá trình chăm sóc chó mèo mẹ và con.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo nuôi con (1)

2. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó con theo mẹ (1)

2.1. Dinh dưỡng chó theo mẹ

2.2. Phòng bệnh cho chó con theo mẹ

3.3. Huấn luyện chó

3. Nuôi dưỡng và chăm sóc mèo con theo mẹ (1)

3.1. Dinh dưỡng cho mèo con theo mẹ

3.2. Phòng bệnh cho mèo con theo mẹ

BÀI 5: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CHÓ, MÈO ĐỰC GIỐNG

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy trình nuôi dưỡng chăm sóc chó, mèo đực giống.
2. Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng chăm sóc chó, mèo con đực giống.
3. Cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc chó đực giống (1)

2. Nuôi dưỡng và chăm sóc mèo đực giống

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi chó, mèo hoặc hộ gia đình nuôi chó, mèo sinh sản.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun như: Chó, mèo, thức ăn, sữa tắm, thuốc thú y, chuồng nuôi...
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được yêu cầu của chuồng nuôi chó, mèo.
- Trình bày được quy trình nuôi dưỡng chó, mèo ở các giai đoạn phát triển.
- Trình bày được các phương pháp huấn luyện chó cơ bản

2. Kỹ năng

- Xây dựng được một số kiểu chuồng nuôi thú cưng đơn giản
- Xác định vị trí đặt chuồng nuôi
- Sử dụng một số dụng cụ trong chăn nuôi chó, mèo
- Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng chăm sóc chó, mèo ở các giai đoạn phát triển.
- Huấn luyện được cơ bản cho thú cưng.
- Thực hiện được lịch tiêm phòng vaccin

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.

- Tuân thủ các quy định về chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng.
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 2

Hình thức kiểm tra: thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VĐ.
- Thời gian thi: 2 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.
- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Chuồng trại và các thiết bị chăn nuôi.
- Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo ở các giai đoạn phát triển.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Thị Thu Hiền. Chăn nuôi Chó, Mèo. Lâm Đồng: Trường Cao Đẳng Công Nghệ và Kinh tế Bảo Lộc; 2018.
2. Phạm Ngọc Thạch. Cẩm nang nuôi chó. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp; 2010.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm (Raising and caring for poultry).

Mã mô đun: 511830783

Thời gian thực hiện mô đun: 88 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 69 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo, được học sau các môn học chung và mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chuẩn bị chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi, chăm sóc nuôi dưỡng và ấp trứng gia cầm để thực hiện vị trí việc làm có liên quan. Công việc yêu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng gia cầm đúng kỹ thuật, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi gia cầm, các yêu cầu kỹ thuật vệ sinh thú y đối với chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi gia cầm.

2. Trình bày được các yêu cầu về chọn giống gia cầm đúng mục đích chăn nuôi.

3. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gia cầm ở các giai đoạn khác nhau: con non, trưởng thành, sinh sản...

4. Trình bày được yêu cầu về nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng nuôi phù hợp với từng giai đoạn nuôi; tác dụng của việc theo dõi, điều chỉnh tiểu khí hậu chuồng nuôi; nguyên lý điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi; phương pháp đo và điều chỉnh nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng trại nuôi gia cầm.

5. Trình bày được quy trình ấp trứng gia cầm.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chuẩn bị được chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn đối với từng loại gia cầm; đủ và đúng chủng loại, dụng cụ chăn nuôi phù hợp theo quy mô chăn nuôi.

2. Bố trí, sắp xếp các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi hợp lý, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; và sử dụng thành thạo, hợp lý các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi.

3. Chọn được giống gia cầm phù hợp với mục đích chăn nuôi.

4. Tính đúng, đủ lượng thức ăn, nước uống cho các loại gia cầm ở các giai đoạn khác nhau.

5. Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc gia cầm ở các giai đoạn và theo mục đích chăn nuôi; theo dõi, quan sát gia cầm hàng ngày.

6. Thực hiện được quy trình ấp trứng gia cầm.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có khả năng tự thực tập theo hướng dẫn của nhà giáo và tự thực tập.

2. Có khả năng đánh giá sản phẩm: Tính đúng kỹ thuật, an toàn, lập được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm.

3. Đánh giá được các dạng sai hỏng, nguyên nhân và cách phòng ngừa.

4. Hướng dẫn, giám sát người tay nghề chăn nuôi thấp hơn.

5. Đánh giá được hoạt động của nhóm.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi gia cầm	18	3	0	15	
	1. Vai trò của chuồng trại trong nuôi gia cầm		1			
	2. Các quy định trong xây dựng chuồng nuôi và vị trí đặt chuồng nuôi		1		6	
	3. Bố trí sắp xếp vận hành trang thiết bị nuôi gia cầm		1		9	
2	Bài 2: Nuôi dưỡng và chăm sóc gà	23	4	0	18	1
	1. Nhận dạng đặc điểm ngoại hình giống gà		2		8	
	1.1. Giống gà					
	1.2. Xác định tiêu chuẩn chọn giống gà.					
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà		2		10	
	2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt công nghiệp					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng công nghiệp					
	2.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà thả vườn					
3	Bài 3: Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng	20	4	0	16	
	1. Nhận dạng đặc điểm ngoại hình giống vịt, ngan, ngỗng		1.5		6	
	1.1. Giống vịt, ngan, ngỗng					
	1.2. Xác định tiêu chuẩn chọn giống vịt, ngan, ngỗng.					
	2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng		2.5		10	
	2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng lấy thịt					
	2.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng lấy trứng					
4	Bài 4: Ấp trứng gia cầm	25	4	0	20	1
	1. Giới thiệu về ấp trứng nhân tạo		0.5		2	1

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Sinh trưởng và phát triển của phôi		0.5		3	
	3. Dinh dưỡng và hô hấp của phôi		0.5		3	
	4. Kỹ thuật ấp trứng		1		4	
	5. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp		0.5		4	
	6. Một số bệnh thường gặp trong ấp trứng		0.5		2	
	7. Một số nguyên nhân gây chết phôi		0.5		2	
5	Thi kết thúc mô đun	2				2
Cộng:		88	15		69	2(0,2)/2(0,2)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI VÀ TRANG THIẾT BỊ CHĂN NUÔI GIA CẦM

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vai trò, yêu cầu kỹ thuật và các thiết bị trong nuôi gia cầm.
2. Bố trí được vị trí đặt chuồng, xây dựng được chuồng nuôi và sử dụng được các thiết bị trong nuôi gia cầm.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Vai trò của chuồng trại trong nuôi gia cầm (1-3)

2. Các quy định trong xây dựng chuồng nuôi hoặc vị trí đặt chuồng nuôi (1-3)

3. Bố trí sắp xếp vận hành trang thiết bị nuôi gia cầm (1-3)

BÀI 2: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC GÀ

(Thời gian: 22 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm sinh học, tiêu chuẩn gà giống và quy trình nuôi dưỡng chăm sóc gà nuôi theo các hướng sản xuất.

2. Chọn được gà giống và thực hiện được các quy trình nuôi dưỡng chăm sóc gà theo các hướng sản xuất.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nhận dạng đặc điểm ngoại hình giống gà (1-3)

1.1. Giống gà

1.2. Xác định tiêu chuẩn chọn giống gà.

2. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà (1-3)

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt công nghiệp

2.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng công nghiệp

2.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc gà thả vườn

BÀI 3: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VỊT, NGAN, NGỒNG

(Thời gian: 20 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm sinh học, tiêu chuẩn gà giống và quy trình nuôi dưỡng chăm sóc gà nuôi theo các hướng sản xuất.

2. Chọn được gà giống và thực hiện được các quy trình nuôi dưỡng chăm sóc gà theo các hướng sản xuất.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nhận dạng đặc điểm ngoại hình giống vịt, ngan, ngỗng (1-3)

1.1. Giống vịt, ngan, ngỗng

1.2. Xác định tiêu chuẩn chọn giống vịt, ngan, ngỗng.

2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng (1-3)

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng lấy thịt

2.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vịt, ngan, ngỗng lấy trứng

BÀI 4: ẤP TRỨNG GIA CẦM

(Thời gian: 24 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quy trình ấp trứng gia cầm.
2. Thực hiện được quy trình ấp trứng gia cầm và xử lý được những trường hợp bất thường xảy ra trong quá trình ấp.
3. Cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu về ấp trứng nhân tạo (1-3)

2. Sinh trưởng và phát triển của phôi (1-3)

3. Dinh dưỡng và hô hấp của phôi (1-3)

4. Kỹ thuật ấp trứng (1-3)

5. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp (1-3)**6. Một số bệnh thường gặp trong ấp trứng (1-3)****7. Một số nguyên nhân gây chết phôi (1-3)****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trang trại hoặc hộ gia đình nuôi gia cầm.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun.
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác**E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Các yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi gia cầm.
- Các yêu cầu kỹ thuật vệ sinh thú y đối với chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi gia cầm.
- Các yêu cầu về chọn giống gia cầm đúng mục đích chăn nuôi.

- Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gia cầm ở các giai đoạn khác nhau: con non, trưởng thành, sinh sản...

- Yêu cầu về nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng nuôi phù hợp với từng giai đoạn nuôi.

- Quy trình theo dõi, điều chỉnh tiêu khí hậu chuồng nuôi; nguyên lý điều tiết tiêu khí hậu chuồng nuôi.

- Phương pháp đo và điều chỉnh nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tốc độ gió trong chuồng trại nuôi gia cầm.

- Quy trình ấp trứng gia cầm.

2. Kỹ năng

- Chuẩn bị được chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn đối với từng loại gia cầm; đủ và đúng chủng loại, dụng cụ chăn nuôi phù hợp theo quy mô chăn nuôi.

- Bố trí, sắp xếp các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi hợp lý, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Sử dụng thành thạo, hợp lý các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi.

- Chọn được giống gia cầm phù hợp với mục đích chăn nuôi.

- Tính đúng, đủ lượng thức ăn, nước uống cho các loại gia cầm ở các giai đoạn khác nhau.

- Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc gia cầm ở các giai đoạn và theo mục đích chăn nuôi;

- Thực hiện được quy trình theo dõi, quan sát gia cầm hàng ngày.

- Thực hiện được quy trình ấp trứng gia cầm đúng kỹ thuật.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự thực tập theo hướng dẫn của nhà giáo và tự thực tập.

- Có khả năng đánh giá sản phẩm: Tính đúng kỹ thuật, an toàn, lập được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm.

- Đánh giá được các dạng sai hỏng, nguyên nhân và cách phòng ngừa.

- Hướng dẫn, giám sát người tay nghề thấp hơn.

- Xác định nguyên nhân gốc rễ của sai hỏng và đề xuất phương án khắc phục.

- Hướng dẫn, giám sát người tay nghề thấp hơn.

- Cung cấp chỉ dẫn kỹ thuật cho các học viên khác và giám sát công việc của họ.

- Đánh giá được hoạt động của nhóm.

- Đưa ra những nhận xét về sự phối hợp, hiệu quả làm việc nhóm và đề xuất các biện pháp cải tiến.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 2

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Chuồng trại và các thiết bị chăn nuôi.

- Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm ở các giai đoạn phát triển.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Mai. Chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp, năm 2009.

2. Nguyễn Hoàng Lâm. Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Thanh niên, năm 2013.

3. Nguyễn Duy Hoan. Chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp, năm 1999.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi (Diagnose for animal).

Mã mô đun: 511820793

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán bệnh để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến chẩn đoán bệnh cho vật nuôi. Công việc yêu cầu chẩn đoán bệnh đúng kỹ thuật, đúng bệnh, mang lại hiệu quả điều trị cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các phương pháp khám lâm sàng.
2. Xác định được sự biến đổi bệnh lý trong quá trình chẩn đoán.
3. Mô tả được các phương pháp thu thập triệu chứng và liệt kê được các triệu chứng trong chẩn đoán lâm sàng.
4. Trình bày được các phương pháp mổ khám vật bệnh.

5. Trình bày được cách xử lý xác vật bệnh và chất thải sau mổ khám.
6. Trình bày được các phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu.
7. Trình bày được cách sử dụng các loại dụng cụ, vật tư cần thiết để thực hiện lấy mẫu.
8. Trình bày được nguyên nhân, diễn biến của bệnh theo trạng thái cụ thể.
9. Trình bày được đặc điểm về tình trạng bệnh tốt hay xấu, tiến triển hay không tiến triển, khả năng điều trị.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được việc hỏi thông tin bệnh, khám bệnh, chẩn đoán bệnh lâm sàng cho vật nuôi.
2. Thực hiện thành thạo các phương pháp thu thập triệu chứng và phân l Sử dụng được các dụng cụ mổ khám.
3. Thực hiện được thao tác mổ khám đúng trình tự, không làm rơi vãi bệnh phẩm ra ngoài môi trường.
4. Xác định được những biến đổi bệnh lý ở các cơ quan tổ chức trong cơ thể.
5. Kết luận được sơ bộ tình trạng bệnh qua các biểu hiện bệnh tích.
6. Xử lý được xác vật bệnh và chất thải sau mổ khám đúng kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh môi trường.oại được các triệu chứng.
7. Lập được kế hoạch thu thập mẫu xét nghiệm.
8. Sử dụng được các trang thiết bị khi thực hiện công tác lấy mẫu bệnh phẩm.
9. Thực hiện được các phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu đúng kỹ thuật.
10. Thực hiện được lưu giữ mẫu xét nghiệm, đóng gói, dán nhãn mẫu xét nghiệm và vận chuyển mẫu xét nghiệm.

11. Xác định được diễn biến từng bệnh theo trạng thái cụ thể.

12. Xác định được tình trạng bệnh tốt hay xấu, tiên triển hay không tiên triển, khả năng điều trị.

13. Đưa ra được quyết định chính xác tình trạng bệnh.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.

2. Tuân thủ các quy định về chẩn đoán bệnh.

3. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

4. Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chẩn đoán lâm sàng	18	4	0	14	
	1. Hỏi thông tin bệnh		1		2	
	2. Các phương pháp khám lâm sàng		1		2	
	3. Khám chung		1		4	
	4. Khám các cơ quan chuyên biệt.		1		6	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Bài 2: Chẩn đoán qua mô khám	16	4	0	12	
	1. Mục đích của mô khám		1		2	
	2. Các bước tiến hành		3		10	
	2.1. Hỏi bệnh sử					
	2.2. Kiểm tra tình trạng bên ngoài					
	2.3. Mở mở cơ thể					
	2.4. Khám các cơ quan nội tạng					
3	Bài 3: Lấy mẫu bệnh phẩm	10	3	0	7	
	1. Các phương pháp lấy mẫu		1.5		4	
	2. Bảo quản, lưu trữ, đóng gói và vận chuyển mẫu bệnh phẩm		1.5		3	
4	Bài 4: Tiên lượng tình trạng bệnh	13	4	0	8	1
	1. Nguyên nhân và tình trạng bệnh		2		4	1
	2. Tiên triển bệnh		2		4	
5	Thi kết thúc mô đun	1				1

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHẨN ĐOÁN LÂM SÀNG

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các phương pháp khám lâm sàng, thu thập và phân loại triệu chứng, xác định được những biến đổi bệnh lý trong quá trình chẩn đoán.
2. Thực hiện thành thạo việc hỏi bệnh, khám bệnh, chẩn đoán lâm sàng và áp dụng đúng các phương pháp thu thập triệu chứng cho vật nuôi.
3. Chấp hành quy định về chẩn đoán lâm sàng, làm việc chính xác, nhanh nhẹn, sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động và bảo đảm vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hỏi thông tin bệnh
2. Các phương pháp khám lâm sàng (2)
3. Khám chung
4. Khám các cơ quan chuyên biệt.

BÀI 2: CHẨN ĐOÁN QUA MỔ KHÁM

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các phương pháp mổ khám vật bệnh, xác định biến đổi

bệnh lý, kết luận sơ bộ tình trạng bệnh và nêu được cách xử lý xác, chất thải sau mổ khám.

2. Sử dụng thành thạo dụng cụ, thực hiện đúng quy trình mổ khám, quan sát – ghi chép đầy đủ bệnh tích và xử lý xác, chất thải đúng kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh môi trường.

3. Làm việc thận trọng, tỉ mỉ, có trách nhiệm trong mổ khám, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn lao động.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Mục đích của mổ khám

2. Các bước tiến hành (1)

2.1. Hỏi bệnh sử

2.2. Kiểm tra tình trạng bên ngoài

2.3. Mổ mở cơ thể

2.4. Khám các cơ quan nội tạng

BÀI 3: LẤY MẪU BỆNH PHẨM

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các phương pháp lấy và bảo quản mẫu, cách sử dụng dụng cụ – vật tư, cũng như lập kế hoạch thu thập và vận chuyển mẫu xét nghiệm.

2. Sử dụng đúng trang thiết bị, thực hiện thành thạo việc lấy, bảo quản, lưu giữ, đóng gói, dán nhãn và vận chuyển mẫu xét nghiệm theo quy trình kỹ thuật.

3. Thận trọng, tỉ mỉ, ghi chép đầy đủ thông tin, tuân thủ quy định an toàn lao động và bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình lấy mẫu.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Các phương pháp lấy mẫu (1)

2. Bảo quản, lưu trữ, đóng gói và vận chuyển mẫu bệnh phẩm

BÀI 4: TIỀN LƯỢNG TÌNH TRẠNG BỆNH

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, diễn biến và đặc điểm tình trạng bệnh (tốt – xấu, tiến triển – không tiến triển, khả năng điều trị).
2. Xác định được diễn biến, tình trạng bệnh và đưa ra quyết định tiên lượng chính xác.
3. Làm việc tỉ mỉ, chính xác và có trách nhiệm trong quá trình tiên lượng bệnh.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nguyên nhân và tình trạng bệnh (2)

2. Tiến triển bệnh

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

Trại Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi gia súc, gia cầm hoặc hộ chăn nuôi tư nhân.

- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun như: nhiệt kế, búa gõ và phiên gọc, dao, kéo, bàn mổ, thuốc sát trùng, gia súc gia cầm, dụng cụ đựng bệnh phẩm...

- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

1. Trình bày được các phương pháp khám lâm sàng và xác định được sự biến đổi bệnh lý trong quá trình chẩn đoán.

2. Mô tả được các phương pháp thu thập triệu chứng và liệt kê được các triệu chứng trong chẩn đoán lâm sàng.

3. Trình bày được các phương pháp mổ khám vật bệnh.

4. Trình bày được cách xử lý xác vật bệnh và chất thải sau mổ khám.

5. Trình bày được các phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu.

6. Trình bày được cách sử dụng các loại dụng cụ, vật tư cần thiết để thực hiện lấy mẫu.

7. Lập được kế hoạch thu thập mẫu xét nghiệm.

8. Trình bày được nguyên nhân, diễn biến của bệnh theo trạng thái cụ thể.

9. Trình bày được đặc điểm về tình trạng bệnh tốt hay xấu, tiến triển hay không tiến triển, khả năng điều trị.

2. Kỹ năng

1. Thực hiện được việc hỏi thông tin bệnh, khám bệnh, chẩn đoán bệnh lâm sàng cho vật nuôi.

2. Thực hiện thành thạo các phương pháp thu thập triệu chứng và phân loại được các triệu chứng.

3. Sử dụng được các dụng cụ mổ khám.
4. Thực hiện được thao tác mổ khám đúng trình tự, không làm rơi vãi bệnh phẩm ra ngoài môi trường.
5. Xác định được những biến đổi bệnh lý ở các cơ quan tổ chức trong cơ thể.
6. Kết luận được sơ bộ tình trạng bệnh qua các biểu hiện bệnh tích.
7. Xử lý được xác vật bệnh và chất thải sau mổ khám đúng kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh môi trường.
8. Sử dụng được các trang thiết bị khi thực hiện công tác lấy mẫu bệnh phẩm.
9. Thực hiện được các phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu đúng kỹ thuật.
10. Thực hiện được lưu giữ mẫu xét nghiệm, đóng gói, dán nhãn mẫu xét nghiệm và vận chuyển mẫu xét nghiệm.
11. Xác định được tình trạng bệnh tốt hay xấu, tiến triển hay không tiến triển, khả năng điều trị.
12. Đưa ra được quyết định chính xác tình trạng bệnh.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.
- Tuân thủ các quy định về chẩn đoán bệnh.
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút.

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.
- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tuỳ vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Khám lâm sàng, mổ khám và tiên lượng bệnh.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Ngọc Thạch và Chu Văn Thắng. Giáo trình chẩn đoán và bệnh nội khoa. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2009.

2. Nguyễn Như Phô. Giáo trình nội châu. Tp. Hồ Chí Minh: Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh; 2002.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Phòng và điều trị bệnh nội khoa (Preventing and treating Animal Internal diseases).

Mã mô đun: 511820803

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun Phòng và điều trị bệnh nội khoa là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun Phòng và trị bệnh nội khoa bao gồm các kiến thức, kỹ năng về nguyên nhân, triệu chứng, phòng và trị bệnh nội khoa trên vật nuôi để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến phòng và trị bệnh cho vật nuôi. Công việc yêu cầu chẩn đoán bệnh, điều trị thích hợp mang lại hiệu quả điều trị cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các kiến thức về khái niệm điều trị, các nguyên tắc điều trị, các liệu pháp và phân loại điều trị.

2. Mô tả được căn bệnh về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Sử dụng thành thạo các dụng cụ phục vụ cho công tác chẩn đoán bệnh nội khoa.
2. Chẩn đoán, phòng bệnh và điều trị một số bệnh nội khoa xảy ra trên gia súc gia cầm.
3. Sử dụng thuốc bảo đảm liều lượng và an toàn đối với vật nuôi cũng như người tiêu dùng.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cần thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.
2. Tuân thủ các quy định về chẩn đoán bệnh.
3. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
4. Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Điều trị học đại cương	8	2	0	6	
	1. Định nghĩa		1			

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Các nguyên tắc điều trị				2	
	2.1. Nguyên tắc sinh lý					
	2.2. Nguyên tắc chủ động tích cực					
	2.3. Nguyên tắc tổng hợp					
	2.4. Nguyên tắc điều trị cá thể					
	2.5. Điều trị phải có kế hoạch					
	2.6. Điều trị phải được theo dõi chặt chẽ					
	3. Các liệu pháp		1		2	
	3.1. Liệu pháp sử dụng thuốc					
	3.2. Liệu pháp điều chỉnh thức ăn nước uống					
	3.3. Liệu pháp điều trị bằng vật lý					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Phân loại điều trị				2	
	4.1. Điều trị theo nguyên nhân gây bệnh					
	4.2. Điều trị theo cơ chế					
	4.3. Điều trị theo triệu chứng					
	4.4. Điều trị có tính chất bổ sung.					
2	Bài 2: Phòng và trị bệnh ở hệ thống hô hấp	14	4		10	
	1. Bệnh chảy máu mũi		1		2	
	2. Bệnh viêm mũi cata					
	3. Bệnh viêm thanh quản cata					
	4. Bệnh sung huyết và phù phổi		1		3	
	5. Bệnh xuất huyết phổi					
	6. Bệnh viêm phế quản		1		3	
	7. Bệnh viêm phổi					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	8. Bệnh viêm phổi thùy lớn		1		2	
	9. Bệnh viêm màng phổi					
3	Bài 3: Phòng và trị bệnh ở hệ tiêu hóa	14	4		10	
	1. Bệnh viêm miệng		1		3	
	2. Viêm tuyến mang tai					
	3. Viêm họng					
	4. Bệnh ở thực quản				4	
	5. Bệnh chướng hơi dạ cỏ		2			
	6. Bệnh bội thực dạ cỏ					
	7. Bệnh liệt dạ cỏ					
	8. Bệnh viêm dạ tổ ong do ngoại vật					
	9. Bệnh viêm dạ dày và ruột		1		3	
10. Bệnh viêm ruột cata						
4	Bài 4: Phòng và trị bệnh do rối loạn trao đổi chất và thần kinh	10	3	0	7	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Bệnh do rối loạn trao đổi chất		1.5		4	
	1.1. Bệnh còi xương					
	1.2. Bệnh mềm xương					
	1.3. Chứng thiếu vitamin					
	2. Bệnh thần kinh		1.5		3	
	2.1. Bệnh cảm nắng					
	2.2. Bệnh cảm nóng					
	2.3. Chứng động kinh					
5	Bài 5: Phòng và điều trị các trường hợp trúng độc	11	2		8	1
	1. Đại cương về trúng độc		1		4	1
	1.1. Khái niệm					
	1.2. Nguyên nhân trúng độc					
	1.3. Triệu chứng					
	1.4. Chẩn đoán					
	1.5. Điều trị					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Một số ca trúng độc		1		3	
	2.1 Trúng độc sẩn					
	2.2 Trúng độc thuốc trừ sâu					
	2.3 Trúng độc thuốc diệt chuột					
6	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		60	15		43	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: ĐIỀU TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các kiến thức về khái niệm điều trị, các nguyên tắc điều trị, các liệu pháp và phân loại điều trị.
2. Nhận biết được các phương pháp cũng như áp dụng được vào công tác điều trị bệnh vật nuôi.
3. Ý thức được tầm quan trọng của các nguyên tắc cũng như liệu pháp để từ đó áp dụng một cách chính xác và hiệu quả.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Định nghĩa (1, 2)

2. Các nguyên tắc điều trị

2.1. Nguyên tắc sinh lý**2.2. Nguyên tắc chủ động tích cực****2.3. Nguyên tắc tổng hợp****2.4. Nguyên tắc điều trị cá thể****2.5. Điều trị phải có kế hoạch****2.6. Điều trị phải được theo dõi chặt chẽ****2.6.1. Theo dõi tác dụng của thuốc****2.6.2. Theo dõi tai biến của thuốc****3. Các liệu pháp (1, 2)****3.1. Liệu pháp sử dụng thuốc****3.2. Liệu pháp điều chỉnh thức ăn nước uống****3.3. Liệu pháp điều trị bằng vật lý****4. Phân loại điều trị****4.1. Điều trị theo nguyên nhân gây bệnh****4.2. Điều trị theo cơ chế****4.3. Điều trị theo triệu chứng****4.4. Điều trị có tính chất bổ sung.****BÀI 2: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH Ở HỆ THỐNG HÔ HẤP****(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày các kiến thức về cách chẩn đoán các bệnh đường hô hấp. Nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh ở đường hô hấp.
2. Áp dụng được vào thực tế trong công tác chẩn đoán bệnh và điều trị bệnh một cách hợp lý, hiệu quả.

3. Ý thức được tầm quan trọng của bệnh hô hấp đối với sức khỏe vật nuôi, từ đó lựa chọn phương thức điều trị mang lại hiệu quả.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh chảy máu mũi

2. Bệnh viêm mũi cata

3. Bệnh viêm thanh quản cata

4. Bệnh sung huyết và phù phổi

5. Bệnh xuất huyết phổi

6. Bệnh viêm phế quản (1, 3)

7. Bệnh viêm phổi

8. Bệnh xuất huyết phổi

9. Bệnh viêm phổi thùy lớn

10. Bệnh viêm màng phổi

BÀI 3: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH Ở HỆ TIÊU HÓA

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các kiến thức về cách chẩn đoán các bệnh ở đường hô hấp. Nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp điều trị một số bệnh xảy ra trên đường tiêu hóa của vật nuôi.

2. Chẩn đoán cũng như điều trị một số bệnh xảy ra. Lựa chọn phương thức điều trị tốt nhất cho vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao.

3. Ý thức được tầm quan trọng của các bệnh trên đường tiêu hóa, từ đó có các biện pháp phòng và trị bệnh hiệu quả.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh viêm miệng

2. Viêm tuyến mang tai
3. Viêm họng
4. Bệnh ở thực quản
5. Bệnh chướng hơi dạ cỏ (2, 3)
6. Bệnh bội thực dạ cỏ
7. Bệnh liệt dạ cỏ
8. Bệnh viêm dạ tổ ong do ngoại vật
9. Bệnh viêm dạ dày và ruột (2, 3)
10. Bệnh viêm ruột cata

BÀI 4: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH DO RỐI LOẠN TRAO ĐỔI CHẤT VÀ THẦN KINH

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng cũng như cách chẩn đoán và điều trị một số bệnh do thần kinh và rối loạn trao đổi chất.
2. Phân biệt được các bệnh; chẩn đoán và điều trị được các bệnh đó; các biện pháp phòng bệnh hiệu quả.
3. Ý thức được tầm quan trọng của các bệnh đến sức khỏe vật nuôi, từ đó có các biện pháp phòng bệnh hợp lý.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh do rối loạn trao đổi chất (1-3)

1.1. Bệnh còi xương

1.2. Bệnh mềm xương

1.3. Chứng thiếu vitamin

2. Bệnh thần kinh

2.1. Bệnh cảm nắng**2.2. Bệnh cảm nóng****2.3. Chứng động kinh****BÀI 5: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC TRƯỜNG HỢP TRÚNG ĐỘC****(Thời gian: 11 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị chung đối với các ca trúng độc.
2. Chẩn đoán và điều trị ca bệnh do trúng độc.
3. Ý thức được tầm quan trọng của chất độc đối với sức khỏe và từ đó tăng cường công tác phòng bệnh cho vật nuôi.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Đại cương về trúng độc (3, 4)****1.1. Khái niệm****1.2. Nguyên nhân trúng độc****1.3. Triệu chứng****1.4. Chẩn đoán****1.5. Điều trị****2. Một số ca trúng độc****2.1 Trúng độc sắn****2.2 Trúng độc thuốc trừ sâu****2.3 Trúng độc thuốc diệt chuột****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

Trại Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi gia súc, gia cầm hoặc hộ chăn nuôi tư nhân.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun như: thuốc thú y, thuốc sát trùng, kim tiêm, dây truyền dịch, dung dịch truyền, ống nghe, nhiệt kế, búa gõ và phiến gõ, troca...
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày các nguyên tắc điều trị, các phương pháp điều trị
- Nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán một số bệnh ở đường hô hấp, tiêu hóa, quản lý, dinh dưỡng.
- Phòng và điều trị một số bệnh hợp lý.
- Nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng trị bệnh do trùng độc.

2. Kỹ năng

- Sử dụng các nguyên tắc điều trị hợp lý

- Chẩn đoán được ca bệnh nội khoa
- Sử dụng các phương pháp điều trị bệnh hợp lý

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.
- Tuân thủ các quy định về chẩn đoán bệnh.
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Phòng và trị bệnh nội khoa là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Khám lâm sàng, mổ khám và tiên lượng bệnh.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Ngọc Thạch. Bệnh nội khoa. Hà Nội: Trường đại học Nông nghiệp 1; 2006.

2. Vũ ĐìnhVượng. Giáo trình bệnh nội khoa gia súc: NXB Nông nghiệp; 2004.

3. Phạm Ngọc Thạch và Chu Văn Thắng. Giáo trình chẩn đoán và bệnh nội khoa. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2009.

4. Nguyễn Như Pho. Giáo trình nội chẩn. Tp. Hồ Chí Minh: Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh; 2002.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Phòng và điều trị bệnh sản khoa (preventing and treating of obstetric diseases).

Mã mô đun: 511820813

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện phân bổ theo chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun phòng và điều trị bệnh sản khoa bao gồm các kiến thức, kỹ năng về phòng và điều trị bệnh sản khoa gia súc.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích một số bệnh sản khoa thường gặp.
2. Trình bày được phương pháp khám một số bệnh sản khoa thường gặp ở vật nuôi.
3. Trình bày được các phương pháp phòng và điều trị, hộ lý chăm sóc vật bệnh.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chẩn đoán đúng bệnh.
2. Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ sản khoa.
3. Thực hiện được các thao tác sản khoa.
4. Xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.
5. Thực hiện được việc chọn lựa thuốc, cấp thuốc.
6. Xử lý các tai biến (nếu có).

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ, cấp thuốc đầy đủ, hợp lý và kinh tế.
2. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
3. Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc không thuận lợi.
4. Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc tập thể.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Phòng và điều trị bệnh trước khi đẻ	10	2	0	8	
	1. Bệnh sảy thai		0.5		3	
	1.1. Phân loại và nguyên nhân					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.2. Phòng bệnh					
	1.3. Điều trị					
	2. Bệnh rạn đẻ quá sớm		1.0		2	
	2.1. Khái niệm bệnh					
	2.2. Nguyên nhân					
	2.3. Triệu chứng					
	2.4. Điều trị					
	3. Bệnh sa âm đạo		0.5		3	
	3.1. Phân loại					
	3.2. Nguyên nhân					
	3.3. Triệu chứng					
	3.4. Điều trị					
2	Bài 2: Phòng và điều trị bệnh trong khi đẻ	10	4		6	
	1. Bệnh rạn đẻ quá yếu		2		2	
	1.1. Khái niệm bệnh					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.2. Nguyên nhân					
	1.3. Triệu chứng					
	1.4. Điều trị					
	2. Bệnh sốt nhau		2		4	
	2.1. Nguyên nhân					
	2.2. Triệu chứng và chẩn đoán					
	2.3. Điều trị					
3	Bài 3: Phòng và điều trị bệnh sau khi đẻ	13	4		9	
	1. Bệnh viêm tử cung		1.5		4	
	1.1. Nguyên nhân					
	1.2. Phân loại và triệu chứng					
	1.3. Điều trị					
	2. Bệnh sốt sữa		1.5		3	
	2.1. Khái niệm bệnh					
	2.2. Nguyên nhân					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.3. Triệu chứng và chẩn đoán					
	2.4. Điều trị					
	3. Bệnh bại liệt		1		2	
	3.1. Khái niệm bệnh					
	3.2. Nguyên nhân					
	3.3. Triệu chứng					
	3.4. Điều trị					
4	Bài 4: Điều trị bệnh ở tuyến vú	11	3		8	
	1. Bệnh viêm vú thanh dịch		1.5		4	
	1.1. Nguyên nhân					
	1.2. Triệu chứng và chẩn đoán					
	1.3. Điều trị					
	2. Viêm vú ca ta		1.5		5	
	2.1. Nguyên nhân					
	2.2. Triệu chứng					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.3. Điều trị					
	Bài 5: Điều trị bệnh không sinh sản ở gia súc cái	13	2	0	10	1
5	1. Khái niệm		0.5			1
	2. Phân loại		0.5		2	
	3. Bệnh không sinh sản ở gia súc cái		2		10	
	3.1. Khái niệm					
	3.2. Phân loại					
	3.3. Một số bệnh lý thường gặp ở buồng trứng					
	3.4. Một số bệnh sinh sản ở heo nái					
6	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		60	15		43	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TRƯỚC KHI ĐẺ

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, phòng và trị bệnh trước khi đẻ.
2. Khảo sát bệnh, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh sảy thai (2)

1.1. Phân loại và nguyên nhân

1.2. Phòng bệnh

1.3. Điều trị

2. Bệnh rặn đẻ quá sớm (2)

2.1. Khái niệm bệnh

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Điều trị

3. Bệnh sa âm đạo (2)

3.1. Phân loại

3.2. Nguyên nhân

3.3. Triệu chứng

3.4. Điều trị

BÀI 2: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TRONG KHI ĐẺ

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, phòng và trị bệnh trong khi đẻ.

2. Khảo sát bệnh, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh rận đẻ quá yếu (2)

1.1. Khái niệm bệnh

1.2. Nguyên nhân

1.3. Triệu chứng

1.4. Điều trị

2. Bệnh sốt nhau (2)

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng và chẩn đoán

2.3. Điều trị

BÀI 3: PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH SAU KHI ĐẺ

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, phòng và trị bệnh sau khi đẻ.

2. Khảo sát bệnh, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh viêm tử cung (2)

1.1. Nguyên nhân

1.2. Phân loại và triệu chứng

1.3. Điều trị

2. Bệnh sốt sưa (2)

2.1. Khái niệm bệnh

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng và chẩn đoán

2.4. Điều trị

3. Bệnh bại liệt (2)

3.1. Khái niệm bệnh

3.2. Nguyên nhân

3.3. Triệu chứng

3.4. Điều trị

BÀI 4: ĐIỀU TRỊ BỆNH Ở TUYẾN VÚ

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, điều trị bệnh ở tuyến vú.
2. Khảo sát bệnh, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh viêm vú thanh dịch (2)

1.1. Nguyên nhân

1.2. Triệu chứng và chẩn đoán

1.3. Điều trị

2. Viêm vú ca ta (2)

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng**2.3. Điều trị****BÀI 5: ĐIỀU TRỊ BỆNH KHÔNG SINH SẢN Ở GIA SÚC CÁI****(Thời gian: 13 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, phân loại bệnh không sinh sản ở gia súc, bệnh không sinh sản ở gia súc cái.
2. Khảo sát bệnh, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Khái niệm (2)****2. Phân loại (2)****3. Bệnh không sinh sản ở gia súc cái****3.1. Khái niệm****3.2. Phân loại****3.3. Một số bệnh lý thường gặp ở buồng trứng****3.4. Một số bệnh sinh sản ở heo nái****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

1. Phòng học lý thuyết: Bảo đảm ánh sáng, độ thông thoáng và đầy đủ bàn ghế.
2. Phòng thực hành: Phòng thực hành khoa, trại chăn nuôi gia súc, phòng khám thú y đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, kế hoạch bài giảng, đề cương chương trình, tài liệu phát tay, phiếu học tập dành cho HSSV, giấy A0, giấy A4, bút chì, bút màu, keo dán và một số vật tư thực hành;

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ ngoại khoa, kim khâu, bơm tiêm, tấm đệm da tập khâu vết thương, thuốc thú y, bông, gạc, vải, chỉ khâu, bột, nẹp, thú bông, thịt heo làm mô hình mẫu bệnh, vật nuôi (Trâu, bò, chó, mèo).

- Trang thiết bị bảo hộ lao động, áo blouse.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý và giải phẫu cơ quan sinh sản của gia súc cái;

- Phân tích nguyên nhân, mô tả triệu chứng, chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh sản khoa thường gặp;

- Trình bày các phương pháp điều trị bệnh sản khoa hiệu quả và an toàn.

2. Kỹ năng

- Thực hiện chẩn đoán chính xác các bệnh trước đẻ, trong khi đẻ, sau khi đẻ, các bệnh về tuyến vú và bệnh vô sinh ở động vật;

- Thực hiện các kỹ thuật điều trị bệnh sản khoa đúng quy trình và bảo đảm hiệu quả;

- Vận dụng kiến thức và kỹ năng để lập kế hoạch chăm sóc, phòng ngừa bệnh sản khoa cho gia súc.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tỉ mỉ, cấp thuốc đầy đủ, hợp lý và kinh tế.
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc không thuận lợi.
- Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc tập thể.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Thời gian kiểm tra: 60 phút.

Hình thức kiểm tra mô đun: Trắc nghiệm, tự luận.

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc vấn đáp (VD) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

- Mô đun Phòng và điều trị bệnh sản khoa là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Nhà giáo có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do Nhà giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do giáo viên hướng dẫn giao.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Lý thuyết liên quan về sinh lý sinh sản gia súc cái.

- Chẩn đoán, phòng trị bệnh sản khoa trước, trong và sau khi đẻ, bệnh viêm vú, bệnh vô sinh ở gia súc.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Ninh, Bạch Đăng Phong, Bệnh sinh sản gia súc. NXB Nông nghiệp, Hà Nội(2008).

2. Nguyễn Văn Thanh (chủ biên), Trần Tiến Dũng, Sử Thanh Long, Nguyễn Mai Mơ, Giáo trình bệnh sinh sản gia súc. trường Đại học Nông Nghiệp. (2016).

3. Ts Trần Thị Dân Sinh lý 3. Vũ Như Quán, Phạm Khắc Hiếu. Ngoại khoa thú y: NXB Giáo dục; (2008).

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Phòng và điều trị bệnh ngoại khoa (preventing and treating of surgical diseases).

Mã mô đun: 511820823

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện phân bổ theo chương trình đào tạo và được học sau các môn chung, các mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun phòng và điều trị bệnh ngoại khoa bao gồm các kiến thức, kỹ năng về ngoại khoa cơ bản, phẫu thuật ngoại khoa chuyên khoa, phòng và điều trị bệnh ngoại khoa thường xảy ra đối với gia súc.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích của một số bệnh ngoại khoa thường gặp ở vật nuôi.
2. Trình bày được phương pháp khám một số bệnh ngoại khoa thường gặp ở vật nuôi.
3. Trình bày được các phương pháp phòng và điều trị, hộ lý chăm sóc vật bệnh.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chẩn đoán đúng bệnh.
2. Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ phẫu thuật ngoại khoa.
3. Thực hiện được các thao tác ngoại khoa.
4. Xây dựng phác đồ điều trị đúng bệnh, đúng thuốc.
5. Thực hiện được việc chọn lựa thuốc, cấp thuốc.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ, cấp thuốc đầy đủ, hợp lý và kinh tế.
2. Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
3. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
4. Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc không thuận lợi.
5. Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc tập thể.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ thuật cơ bản của ngoại khoa thú y	28	7		21	
	1. Khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong phẫu thuật ngoại khoa		1			

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1. Khái niệm về phẫu thuật cho động vật					
	1.2. Phân loại					
	1.3. Nguyên tắc trong phẫu thuật ngoại khoa					
	2. Gây mê và gây tê		1		4	
	2.1. Gây mê					
	2.2. Gây tê					
	3. Chảy máu và cầm máu		1		4	
	3.1. Các dạng máu chảy					
	3.2. Phương pháp cầm máu.					
	4. May vết thương		3		10	
	4.1. Dụng cụ và nguyên liệu					
	4.2. May vết thương					
	5. Băng bó vết thương		1		3	
2	Bài 2: Phẫu thuật ngoại khoa thú y	29	8		20	1
	1. Phẫu thuật vùng đầu		2		4	1

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1. Hủy mầm sùng					
	1.2. Cắt chóp sùng					
	1.3. Cắt một đoạn sùng					
	1.4. Cắt cụt sùng					
	2. Phẫu thuật vùng bụng		2		6	
	2.1. Mổ lấy thai					
	2.2. Sa trực tràng					
	2.3. Mở hậu môn					
	3. Phẫu thuật vùng chân - đuôi		1		2	
	3.1. Phẫu thuật cắt ngón chân					
	3.2. Cắt đuôi					
	4. Thiến vật nuôi		1		3	
	5. Áp xe		1		2	
	6. Hecni		1		3	
3	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT**BÀI 1: KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA NGOẠI KHOA THÚ Y****(Thời gian: 28 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong phẫu thuật, phương pháp gây mê, phương pháp cầm máu, phương pháp may vết thương, phương pháp băng bó ngoại khoa.
2. Vận dụng may mô hình vết thương, băng bó vết thương, cầm máu vết thương.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong phẫu thuật ngoại khoa (1)*****1.1. Khái niệm về phẫu thuật cho động vật******1.2. Phân loại******1.3. Nguyên tắc trong phẫu thuật ngoại khoa*****2. Gây mê và gây tê (2)*****2.1. Gây mê******2.2. Gây tê*****3. Chảy máu và cầm máu*****3.1. Các dạng máu chảy******3.2. Phương pháp cầm máu.*****4. May vết thương (3)*****4.1. Dụng cụ và nguyên liệu******4.2. May vết thương*****5. Băng bó vết thương**

BÀI 2: PHẪU THUẬT NGOẠI KHOA THÚ Y**(Thời gian: 28 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các bước phẫu thuật thông thường ở vùng đầu, vùng bụng, vùng chân đuôi, các bước thực hiện thiến vật nuôi.
2. Nhận dạng được các bước phẫu thuật thông thường ở vùng đầu, vùng bụng, vùng chân đuôi. Vận dụng thiến vật nuôi, áp xe và hecni trên vật nuôi.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc trong thực hành và tự giác trong học tập.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Phẫu thuật vùng đầu (3)*****1.1. Hủy mầm sừng******1.2. Cắt chóp sừng******1.3. Cắt một đoạn sừng******1.4. Cắt cụt sừng*****2. Phẫu thuật vùng bụng (2, 3)*****2.1. Mổ lấy thai******2.2. Sa trực tràng******2.3. Mổ hậu môn*****3. Phẫu thuật vùng chân - đuôi (2)*****3.1. Phẫu thuật cắt ngón chân******3.2. Cắt đuôi*****4. Thiến vật nuôi (2)****5. Áp xe****6. Hecni**

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

1. Phòng học lý thuyết: Bảo đảm ánh sáng, độ thông thoáng và đầy đủ bàn ghế.

2. Phòng thực hành: Phòng thực hành khoa, trại chăn nuôi gia súc, phòng khám thú y đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, kế hoạch bài giảng, đề cương chương trình, tài liệu phát tay, phiếu học tập dành cho HSSV, giấy A0, giấy A4, bút chì, bút màu, keo dán và một số vật tư thực hành.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ ngoại khoa, kim khâu, bơm tiêm, tấm đệm da tập khâu vết thương, thuốc thú y, bông, gạc, vải, chỉ khâu, bột, nẹp, thú bông, thịt heo làm mô hình mẫu bệnh, vật nuôi (trâu, bò, chó, mèo).

- Trang thiết bị bảo hộ lao động, áo blouse.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày kiến thức kỹ thuật cơ bản về ngoại khoa thú y;
- Phân tích nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp ở gia súc;
- Mô tả phương pháp điều trị các bệnh ngoại khoa trên động vật.

- Vận dụng kiến thức chuyên môn để giải thích cơ chế bệnh sinh và nguyên lý điều trị ngoại khoa.

2. Kỹ năng

- Thực hiện các thao tác phẫu thuật ngoại khoa xác định chính xác vị trí các cơ quan trên cơ thể động vật;

- Áp dụng đúng quy trình điều trị bệnh ngoại khoa trong điều kiện thực tế;

- Sử dụng thành thạo dụng cụ và thiết bị chuyên dùng trong phẫu thuật thú y;

- Đánh giá hiệu quả điều trị và khả năng phục hồi sau can thiệp ngoại khoa.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình thăm khám, kê đơn và cấp phát thuốc điều trị, bảo đảm hợp lý và tiết kiệm;

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyên môn cá nhân và công việc nhóm dưới sự phân công của tổ chức, đơn vị;

- Phối hợp hiệu quả với các thành viên trong nhóm, xây dựng môi trường làm việc tích cực và trách nhiệm;

- Giải quyết vấn đề phát sinh trong điều kiện làm việc khó khăn hoặc thiếu thốn trang thiết bị;

- Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tham gia các hoạt động tập thể.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Hình thức kiểm tra mô đun: Trắc nghiệm, tự luận

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc vấn đáp (VD) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Phòng và điều trị bệnh ngoại khoa là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tuỳ vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học

thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Nhà giáo có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do giáo viên hướng dẫn giao.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Phương pháp cầm máu.

- May vết thương.

- Phẫu thuật định vị.

- Thiến vật nuôi.

- Băng bó vết thương.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Lê Quang Thông, Lê Văn Thọ. Ngoại khoa thú y: NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; (2017).
2. Huỳnh Văn Kháng. Bệnh ngoại khoa gia súc. NXB Nông nghiệp- Hà Nội (2003).
3. Vũ Như Quán, Phạm Khắc Hiếu. Ngoại khoa thú y: NXB Giáo dục; (2008).

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng (Preventing and treating of parasitic diseases)

Mã mô đun: 511820833

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Bệnh ký sinh trùng là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện phân bổ theo chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng xảy ra ở gia súc, gia cầm.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

Trình bày được những kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng xảy ra ở gia súc, gia cầm.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích bệnh ký sinh trùng.
2. Chẩn đoán được bệnh ký sinh trùng.

3. Thực hiện được các biện pháp phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng thường xảy ra.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện phong cách làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm.
2. Rèn luyện tính cần cù, chịu khó, ham hiểu biết, sáng tạo, chủ động và thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng trị bệnh ký sinh trùng.
3. Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Chịu trách nhiệm trước đơn vị công tác.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề cơ bản của ký sinh trùng	6	2		4	
	1. Định nghĩa: Hiện tượng ký sinh, ký sinh trùng học, ký sinh trùng thú y.		1		2	
	2. Vật chủ và nơi ở của ký sinh trùng.					
	3. Cách xâm nhiễm của ký sinh trùng vào cơ thể ký chủ.					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Những tác động qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ.					
	5. Định nghĩa và cách gọi tên bệnh ký sinh trùng.					
	6. Điều kiện để phát sinh và phát triển bệnh ký sinh trùng.		1		2	
	7. Dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng.					
	8. Miễn dịch trong các bệnh ký sinh trùng.					
	9. Những thiệt hại do ký sinh trùng gây ra.					
	10. Biện pháp phòng trừ bệnh ký sinh trùng.					
2	Bài 2: Bệnh đơn bào ký sinh	9	3		6	
	1. Bệnh cầu trùng ở gà		0.5		1	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Bệnh cầu trùng trâu, bò		0.5		1	
	3. Bệnh cầu trùng thỏ		0.5		1	
	4. Bệnh tiên mao trùng ở trâu, bò		0.5		1	
	5. Bệnh lê dạng trùng (Piroplasma) ở trâu, bò		0.5		1	
	6. Bệnh biên trùng ở bò		0.5		1	
3	Bài 3: Động vật chân đốt ký sinh	9	2		7	
	1. Ve (Ixodoidea), Ve bò Boophilus, Ghẻ Sarcoptes, Ghẻ Cnemidocoptes		0.5		3	
	2. Mòng (Tabanus), Ruồi trâu (Stomoxys)		0.5		2	
	3. Dòi da bò, Rận trâu, Rận bò, Rận của động vật móng guốc chẵn		1		2	
4	Bài 4: Bệnh sán lá	13	3		10	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Bệnh sán lá gan ở trâu, bò		0.5		2	
	2. Bệnh sán lá ruột lợn		0.5		2	
	3. Bệnh sán lá gan nhỏ ở động vật ăn thịt		0.5		2	
	4. Bệnh sán lá ruột gia cầm		0.5		2	
	5. Bệnh sán lá sinh sản của gia cầm		0.5		1	
	6. Bệnh sán lá dạ cỏ (Paramphistomatata)		0.5		1	
5	Bài 5: Bệnh sán dây	8	2		6	
	1. Bệnh sán dây gà		0.5		2	
	2. Bệnh sán dây ở động vật nhai lại		0.5		2	
	3. Bệnh gạo lợn		0.5		2	
	4. Bệnh gạo bò		0.5		1	
6	Bài 6: Bệnh giun tròn	12	3		8	1

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Bệnh giun đũa lợn		1		2	1
	2. Bệnh giun đũa bê - nghé		0.5		2	
	3. Bệnh giun đũa gà		0.5		2	
	4. Bệnh giun phổi lợn		0.5		2	
	5. Bệnh giun phổi bê – nghé		0.5		1	
7	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		60	15		43	1(1,0)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA KÝ SINH TRÙNG (2,3)

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được hiện tượng ký sinh, ký sinh trùng học, ký sinh trùng thú y.
2. Trình bày được Vật chủ, Điều kiện để phát sinh và phát triển bệnh ký sinh trùng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong học tập.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Định nghĩa: Hiện tượng ký sinh, ký sinh trùng học, ký sinh trùng thú y.

2. Vật chủ và nơi ở của ký sinh trùng.
3. Cách xâm nhiễm của ký sinh trùng vào cơ thể ký chủ.
4. Những tác động qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ.
5. Định nghĩa và cách gọi tên bệnh ký sinh trùng.
6. Điều kiện để phát sinh và phát triển bệnh ký sinh trùng.
7. Dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng.
8. Miễn dịch trong các bệnh ký sinh trùng.
9. Những thiệt hại do ký sinh trùng gây ra.
10. Biện pháp phòng trừ bệnh ký sinh trùng.

BÀI 2: BỆNH ĐƠN BÀO KÝ SINH (1,2)

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cầu trùng gà, bệnh tiên mao trùng ở trâu, bò.
2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh lê dạng trùng (Piroplasma) ở trâu, bò.
3. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, chính xác trong học tập và thực hiện công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh cầu trùng ở gà
2. Bệnh cầu trùng trâu, bò
3. Bệnh cầu trùng thỏ
4. Bệnh tiên mao trùng ở trâu, bò
5. Bệnh lê dạng trùng (Piroplasma) ở trâu, bò
6. Bệnh biên trùng ở bò

BÀI 3: ĐỘNG VẬT CHÂN ĐÓT KÝ SINH (1,3)**(Thời gian: 9 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Nhận biết và xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh do động vật chân đốt ký sinh thường gặp ở gia súc như ve bò, ghẻ lợn, ghẻ chó.

2. Thực hiện đúng các biện pháp phòng và điều trị bệnh do động vật chân đốt ký sinh ở gia súc.

3. Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận và bảo đảm an toàn vệ sinh trong quá trình phòng và trị bệnh ve bò, ghẻ lợn, ghẻ chó.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Ve (Ixodoidea), Ve bò Boophilus, Ghẻ Sarcoptes, Ghẻ Cnemidocoptes

2. Mòng (Tabanus), Ruồi trâu (Stomoxys)

3. Dòi da bò, Rận trâu, Rận bò, Rận của động vật móng guốc chẵn

BÀI 4: BỆNH SÁN LÁ (1,2,3)**(Thời gian: 13 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả và xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh do sán lá ký sinh ở gia súc, gia cầm như sán lá gan trâu bò, sán lá ruột lợn, sán lá sinh sản gia cầm.

2. Thực hiện đúng các biện pháp phòng và điều trị bệnh do sán lá ký sinh thường gặp ở gia súc, gia cầm.

3. Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận và bảo đảm an toàn vệ sinh trong công tác phòng và trị bệnh do sán lá ký sinh ở gia súc, gia cầm

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh sán lá gan ở trâu, bò
2. Bệnh sán lá ruột lợn
3. Bệnh sán lá gan nhỏ ở động vật ăn thịt
4. Bệnh sán lá ruột gia cầm
5. Bệnh sán lá sinh sản của gia cầm
6. Bệnh sán lá dạ cỏ (Paramphistomatata)

BÀI 5: BỆNH SÁN DÂY (1,2,3)

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh do sán dây ký sinh ở gia súc, gia cầm như sán dây gà, sán dây chó.
2. Thực hiện đúng các biện pháp phòng và điều trị bệnh do sán dây ký sinh thường gặp ở gia súc, gia cầm.
3. Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận và bảo đảm an toàn vệ sinh trong công tác phòng và trị bệnh do sán dây ký sinh ở gia súc, gia cầm.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh sán dây gà
2. Bệnh sán dây ở động vật nhai lại
3. Bệnh gạo lợn
4. Bệnh gạo bò

BÀI 6: BỆNH GIUN TRÒN (1,2,3)

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh giun đũa lợn, bệnh giun đũa bê-nghé, bệnh giun đũa gà, bệnh giun phổi lợn.

2. Thực hiện được các biện pháp phòng và điều trị bệnh do giun tròn ký sinh thường xảy ra ở gia súc, gia cầm như bệnh giun đũa lợn, bệnh giun đũa bê-nghé, bệnh giun đũa gà, bệnh giun phổi lợn, bệnh giun phổi bê-nghé.

3. Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận, an toàn vệ sinh trong công tác phòng và trị bệnh do bệnh do giun tròn ký sinh ở gia súc, gia cầm.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh giun đũa lợn

2. Bệnh giun đũa bê - ghé

3. Bệnh giun đũa gà

4. Bệnh giun phổi lợn

5. Bệnh giun phổi bê – ghé

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Dụng cụ chăn nuôi thú y: Xiranh, kim tiêm và các dụng cụ chăn nuôi thú y khác.

- Thuốc thú y, vaccin: Các loại thuốc trị ký sinh trùng.

- Gia súc, gia cầm: Bò, lợn, gà.

- Trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Giáo trình, tài liệu phát tay.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được vòng đời của các loài ký sinh trùng.
- Nhận biết nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích của một số bệnh ký sinh trùng ở gia súc, gia cầm.
- Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh ký sinh trùng

2. Kỹ năng

- Xác định được loài ký sinh trùng
- Nhận dạng được vòng đời phát triển của một số bệnh ký sinh trùng ở gia súc, gia cầm.
- Chẩn đoán một số bệnh ký sinh trùng ở gia súc, gia cầm.
- Thực hiện các biện pháp phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng thường xảy ra ở gia súc, gia cầm.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tham gia lớp học đầy đủ, thái độ học tập nghiêm túc và thao tác thực hành thành thạo.
- Rèn luyện phong cách suy nghĩ, học hỏi, chủ động khi thực hiện các biện pháp phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng thường xảy ra ở gia súc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VĐ.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Áp dụng cho học sinh ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Phần lý thuyết:

Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm bảo đảm chất lượng giảng dạy; sử dụng phương pháp thuyết trình, diễn giải, đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận

nhóm... lấy người học làm trung tâm và được hỗ trợ bởi các phương tiện dạy học như laptop, projector, kính hiển vi...

- Phần thực hành:

Nhà giáo làm mẫu sau đó hướng dẫn người học thực hành, kiểm tra đánh giá và sửa lỗi cho người học.

2. Đối với người học

- Tham khảo, đọc tài liệu trước khi lên lớp.
- Thao tác đúng quy trình kỹ thuật.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Triệu chứng bệnh và biện pháp phòng trị bệnh ký sinh trùng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. G.S, T.S Nguyễn Thị Kim Lan, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng. NXB Nông nghiệp, 2012.
2. GS. TS Phan Lục, Giáo trình bệnh ký sinh trùng thú y. Nhà xuất bản Hà Nội, 2005.
3. PGS. TS Nguyễn Văn Diên, Giáo trình bệnh ký sinh trùng thú y. Nhà xuất bản Cần Thơ, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm (Prevention and treatment of infectious diseases).

Mã mô đun: 511820843

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Là mô đun chuyên môn nằm trong nhóm các mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện phân bổ theo chương trình đào tạo và được học sau các mô đun chung, các mô đun cơ sở...

II. Tính chất

Bệnh truyền nhiễm là mô đun chuyên khoa thú y được bố trí học sau khi người học đã tiếp thu được kiến thức của các mô đun cơ sở và cách mô đun chuyên môn.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các phương pháp phát hiện dịch bệnh và cách thức tổ chức, khoanh vùng cách ly vật nuôi ốm.

2. Trình bày được cơ chế tác dụng và ứng dụng điều trị của các nhóm thuốc thường dùng trong thú y.

3. Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích của các bệnh truyền nhiễm thường gặp trên vật nuôi, đưa ra phác đồ phòng và trị bệnh hiệu quả.

4. Trình bày được mức độ, tiên lượng bệnh của con vật trong quá trình phòng và điều trị bệnh.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Sử dụng thành thạo dụng cụ thú y, máy móc thiết bị phòng thí nghiệm và các máy móc thiết bị khác.

2. Thực hiện tốt công tác vệ sinh thú y, tiêm vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi.

3. Phát hiện được tình hình dịch bệnh và đưa ra cách thức tổ chức, khoanh vùng cách ly vật nuôi ốm hợp lý.

4. Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích của các bệnh thường gặp, đưa ra phác đồ phòng và trị bệnh hiệu quả; Đánh giá được kết quả của các phác đồ điều trị.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao.

2. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3. Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác; Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Phòng chống bệnh truyền nhiễm	9	3		6	
	1. Nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm		0.5		1	
	2. Điều kiện phát sinh bệnh truyền nhiễm		0.5		1	
	2.1. Đặc điểm chung					
	2.2. Hiện tượng nhiễm trùng					
	3. Các khâu của quá trình sinh dịch		1		2	
	3.1. Nguồn bệnh					
	3.2. Nhân tố trung gian					
	3.3. Động vật cảm thụ					
	4. Các biện pháp phòng bệnh truyền nhiễm		1		1	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	5. Các biện pháp chống bệnh truyền nhiễm				1	
2	Bài 2: Phòng và trị bệnh truyền nhiễm thường gặp trên trâu bò	11	3		8	
	1. Bệnh Lở mồm long móng trâu bò		1		2	
	2. Bệnh Tụ huyết trùng trâu bò		1		2	
	3. Bệnh Nhiệt thán		0.5		2	
	4. Bệnh sẩy thai truyền nhiễm		0.5		2	
3	Bài 3: Phòng và trị bệnh truyền nhiễm thường gặp ở lợn	13	3		10	
	1. Bệnh Đóng dấu lợn		0.5		2	
	2. Bệnh Dịch tả lợn, dịch tả lợn Châu Phi		1		2	
	3. Bệnh Tụ huyết trùng lợn		0.5		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Bệnh Phó thương hàn lợn		0.5		2	
	5. Bệnh tai xanh ở lợn		0.5		2	
4	Bài 4: Phòng và trị bệnh truyền nhiễm thường gặp ở gia cầm	11	3		8	
	1. Bệnh cúm gia cầm		1		2	
	2. Bệnh tụ huyết trùng		0.5		2	
	3. Bệnh Newcastle		1		2	
	4. Bệnh phó thương hàn		0.5		2	
5	Bài 5: Phòng và trị bệnh truyền nhiễm thường gặp ở chó, mèo	12	3		9	
	1. Bệnh care		1		3	
	2. Bệnh tiêu chảy		1		3	
	3. Bệnh đại chó, mèo		1		3	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
6	Kiểm tra định kỳ	1				1
7	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15	0	41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cách gây bệnh của vi trùng và miễn dịch.
2. Xác định được quá trình nhiễm khuẩn, nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh truyền nhiễm, quá trình phát sinh dịch.
3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm (1, 2)

2. Điều kiện phát sinh bệnh truyền nhiễm (1, 2)

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hiện tượng nhiễm trùng

3. Các khâu của quá trình sinh dịch (1, 2)

3.1. Nguồn bệnh

3.2. Nhân tố trung gian

3.3. Động vật cảm thụ**4. Các biện pháp phòng bệnh truyền nhiễm (1, 2)****5. Các biện pháp chống bệnh truyền nhiễm (1, 2)**

**BÀI 2: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH TRUYỀN NHIỄM
THƯỜNG GẶP TRÊN TRÂU BÒ**

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trang bị cho người học những kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trâu bò.

2. Chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra ở trâu bò.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Bệnh Lở mồm long móng trâu bò (4,6)****2. Bệnh Tụ huyết trùng trâu bò (4,6)****3. Bệnh Nhiệt thán (4,6)****4. Bệnh sẩy thai truyền nhiễm (4,6)**

**BÀI 3: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH TRUYỀN NHIỄM
THƯỜNG GẶP TRÊN LỢN**

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày những kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở lợn.

2. Chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở lợn.

3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh Đóng dấu lợn (3,4)

2. Bệnh Dịch tả lợn, dịch tả lợn Châu Phi (3,4)

3. Bệnh Tụ huyết trùng lợn ((3,4)

4. Bệnh Phó thương hàn lợn (3,4)

5. Bệnh tai xanh ở lợn (3,4)

BÀI 4: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH TRUYỀN NHIỄM THƯỜNG GẶP TRÊN GIA CẦM

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra ở gia cầm.

2. Thực hiện được chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở gia cầm.

3. Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh Cúm gia cầm (5,6)

2. Bệnh Gà rù(3,4)

3. Bệnh Phó thương hàn gà (1,3)

BÀI 5: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH TRUYỀN NHIỄM THƯỜNG GẶP Ở CHÓ, MÈO

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra ở thú cưng.

2. Thực hiện phòng và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra ở thú cưng.

3. Cần cù, chịu khó, đào sâu suy nghĩ, liên hệ thực tế.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Bệnh Ca rô (1,4)

2. Bệnh tiêu chảy (1,4)

3. Bệnh Đại (1,4)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học chuyên môn: Thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế.

Trại thực hành: Trại trường, các cơ sở sản xuất chăn nuôi.

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy tính, tivi

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Tranh ảnh giải phẫu các bộ phận cơ thể gia súc, gia cầm.
- Gia súc, gia cầm: Lợn, bò, gà, vịt,...
- Vật tư: Dụng cụ cố định gia súc, dụng cụ mổ gia súc, gia cầm: dao, kéo, phanh, bàn mổ, khăn lau, xà bông, xô, chậu.
- Hóa chất: Dung dịch sinh lý, dung dịch sát trùng,...

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được các dấu hiệu nhận biết bệnh, phương pháp chẩn đoán ban đầu và cách tổ chức cách ly, khoanh vùng ổ dịch để hạn chế lây lan.

- Trình bày được cơ chế tác dụng, chỉ định sử dụng và cách dùng của các nhóm thuốc thú y thường dùng như: kháng sinh, thuốc sát trùng, thuốc hạ sốt, trợ sức – trợ lực.

- Phân tích được nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, bệnh tích điển hình và đề xuất được phác đồ phòng, trị đối với một số bệnh truyền nhiễm thường gặp như: tụ huyết trùng, lở mồm long móng, phó thương hàn...

- Trình bày được các mức độ tiến triển của bệnh, đánh giá được tiên lượng (nhẹ, nặng, hồi phục, nguy kịch) để đưa ra hướng xử lý phù hợp trong quá trình điều trị vật nuôi

2. Kỹ năng

- Chẩn đoán được bệnh thông qua nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích,
- Phòng một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra ở gia súc, gia cầm.
- Điều trị được một số bệnh truyền nhiễm
- Xử lý bệnh theo quy định

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sau khi học xong học phần người học sinh có thể biết cách bảo quản vacxin, tổ chức tiêm phòng, lấy mẫu bệnh phẩm, xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra ở gia súc, gia cầm

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

- Số bài kiểm tra: 1 bài

- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.
- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Áp dụng cho ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, phân bổ theo sơ đồ tiến trình đào tạo.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

Kết hợp các phương pháp giảng dạy như: Thuyết trình, phát vấn và làm mẫu.

2. Đối với người học

- Sử dụng tài liệu, ghi nhớ nội dung bài học, quan sát giáo viên hướng dẫn và thực hiện các thao tác thực hành theo sự hướng dẫn của giáo viên. Thường xuyên đi thực tế và vận dụng được kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn chăn nuôi.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

IV. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hồng Sơn. Giáo trình bệnh truyền nhiễm Thú y, NXB Đại học Huế; 2005.
2. Nguyễn Bá Hiên NMT. Giáo Trình Vi sinh vật- Bệnh truyền nhiễm Vật nuôi, NXB Hà Nội; 2007.
3. Nguyễn Bá Hiên-Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Giáo trình Bệnh truyền nhiễm thú y: NXB Nông nghiệp Hà Nội; 2011.
4. Tô Minh Châu, Vi khuẩn và nấm gây bệnh trong thú y: Đại học Nông Lâm TP HCM; 2001.
5. Phạm Sỹ Lăng NBH. "6 bệnh quan trọng do vi khuẩn ở lợn và biện pháp phòng trị", NXB Nông nghiệp Hà Nội; 2011.
6. Nguyễn Bá Hiên. Giáo trình vi sinh vật - Bệnh truyền nhiễm vật nuôi: NXB Hà Nội; 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thụ tinh nhân tạo (Intrauterine Insemination).

Mã mô đun: 511820853

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun Thụ tinh nhân tạo là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun Thụ tinh nhân tạo bao gồm các kiến thức, kỹ năng về thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến truyền tinh nhân tạo. Công việc yêu cầu thực hiện đúng kỹ thuật, đúng thời điểm, mang lại hiệu quả truyền tinh cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các công việc chuẩn bị vật nuôi, chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác truyền tinh nhân tạo.
2. Mô tả được các phương pháp huấn luyện gia súc đực và khai thác tinh dịch.
3. Trình bày được các nội dung pha chế và kiểm tra chất lượng tinh dịch. Phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch.
4. Mô tả được các bước dẫn tinh cho vật nuôi.
5. Trình bày được các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả truyền tinh.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị trong truyền tinh nhân tạo cho vật nuôi.
2. Thực hiện được các công việc chuẩn bị vật nuôi, chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác truyền tinh nhân tạo.
3. Thực hiện được các phương pháp huấn luyện và khai thác tinh dịch.
4. Thực hiện được các thao tác pha chế và kiểm tra chất lượng tinh dịch. Phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch đúng quy cách.
5. Thực hiện được các bước dẫn tinh cho vật nuôi.
6. Kiểm tra và đánh giá được kết quả truyền tinh.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ khi chuẩn bị và vệ sinh các dụng cụ huấn luyện, khai thác và dẫn tinh
2. Cẩn thận, ôn hòa, nhẹ nhàng, chính xác và an toàn khi tiếp cận vật nuôi
3. Cẩn thận, an toàn khi lấy tinh ra khỏi bình nitor lỏng
4. Cẩn thận, tỉ mỉ, có trách nhiệm với việc ghi chép, nhập dữ liệu quản lý

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị vật nuôi	7	3		4	
	1. Tiêu chuẩn ngoại hình, thể chất của vật nuôi để làm giống.		1.5		2	
	2. Các công việc chuẩn bị vật nuôi để khai thác tinh và dẫn tinh		1.5		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Bài 2: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ	6	2		4	
	1. Các phương tiện, dụng cụ khai thác và dẫn tinh		0.5		1	
	2. Các loại hóa chất sử dụng trong tiêu độc khử trùng		0.5		1	
	3. Các phương pháp tiêu độc, khử trùng các dụng cụ khai thác, dẫn tinh		1		2	
3	Bài 3: Huấn luyện và khai thác tinh dịch	12	3		9	
	1. Huấn luyện đực giống		1.5		5	
	1.1. Thời điểm huấn luyện đực giống					
	1.2. Các phương pháp huấn luyện đực giống					
	2. Khai thác tinh dịch		1.5		4	
	2.1. Thời điểm khai thác tinh dịch					
	2.2. Kỹ thuật khai thác tinh					
4	Bài 4: Pha chế tinh dịch	6	2		4	
	1. Kiểm tra chất lượng tinh dịch		1		2	
	2. Pha chế tinh dịch		1		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
5	Bài 5: Phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch	6	2		4	
	1. Phân liều tinh dịch		0.5		2	
	2. Đóng lọ tinh dịch		1		2	
	2.1. Tinh tươi					
	2.2. Tinh đông lạnh					
	3. Bảo quản tinh		0.5		1	
	3.1. Tinh tươi					
	3.2. Tinh đông lạnh					
6	Bài 6: Dẫn tinh cho vật nuôi	12	2		10	
	1. Chuẩn bị các dụng cụ dẫn tinh		0.5		2	
	2. Xác định thời điểm dẫn tinh		0.5		2	
	3. Kỹ thuật dẫn tinh		0.5		4	
	4. Ghi sổ theo dõi kết quả dẫn tinh		0.5		2	
7	Bài 7: Kiểm tra kết quả truyền tinh	7	1		5	1
	1. Khám lâm sàng và phi lâm sàng gia súc có thai		0.5		2	1
	2. Nguyên nhân và cách khắc phục dẫn tinh không hiệu quả		0.5		3	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
8	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHUẨN BỊ VẬT NUÔI

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tiêu chuẩn ngoại hình, thể chất của vật nuôi giống và các công việc chuẩn bị để khai thác tinh, dẫn tinh.
2. Lựa chọn đúng vật nuôi giống, xác định chính xác thời điểm khai thác tinh – phối giống, thực hiện vệ sinh thân thể gia súc và nơi khai thác, dẫn tinh sạch sẽ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực và tuân thủ an toàn trong quá trình khai thác tinh và dẫn tinh.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Tiêu chuẩn ngoại hình, thể chất của vật nuôi để làm giống.
2. Các công việc chuẩn bị vật nuôi để khai thác tinh và dẫn tinh (1)

BÀI 2: CHUẨN BỊ PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phương tiện, dụng cụ khai thác và dẫn tinh, các loại hóa chất sát trùng và vai trò của phương pháp tiêu độc, khử trùng trong chăn nuôi.

2. Sử dụng thành thạo phương tiện, dụng cụ khai thác – dẫn tinh, lựa chọn và sử dụng hóa chất sát trùng đúng kỹ thuật, thực hiện quy trình tiêu độc – khử trùng trang thiết bị.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, tuân thủ quy định vệ sinh thú y và an toàn lao động.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Các phương tiện, dụng cụ khai thác và dẫn tinh

2. Các loại hóa chất sử dụng trong tiêu độc khử trùng (3)

3. Các phương pháp tiêu độc, khử trùng các dụng cụ khai thác, dẫn tinh

BÀI 3: HUẤN LUYỆN VÀ KHAI THÁC TINH DỊCH

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được thời điểm và phương pháp huấn luyện đực giống; thời điểm khai thác tinh, trình tự thao tác lấy tinh và tiêu chuẩn chất lượng tinh dịch.

2. Lựa chọn động vật huấn luyện phù hợp, sử dụng đúng dụng cụ, thực hiện huấn luyện và khai thác tinh, đánh giá kết quả.

3. Làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, tuân thủ quy trình và bảo đảm an toàn phúc lợi động vật.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Huấn luyện đực giống (2)

1.1. Thời điểm huấn luyện đực giống

1.2. Các phương pháp huấn luyện đực giống

2. Khai thác tinh dịch (2)

2.1. Thời điểm khai thác tinh dịch

2.2. Kỹ thuật khai thác tinh

BÀI 4: PHA CHẾ TINH DỊCH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các chỉ tiêu, phương pháp pha chế môi trường và tinh dịch; mô tả được các phương pháp kiểm tra chất lượng tinh dịch sau pha chế.
2. Lựa chọn và sử dụng đúng dụng cụ, vật tư; pha chế môi trường và tinh dịch đúng tiêu chuẩn; kiểm tra và đánh giá chất lượng tinh dịch sau pha chế.
3. Làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm; tuân thủ các quy định trong quá trình thực hành.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Kiểm tra chất lượng tinh dịch (2)

2. Pha chế tinh dịch

BÀI 5: PHÂN LIỀU, ĐÓNG LỌ, BẢO QUẢN TINH DỊCH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách sử dụng trang thiết bị, vật tư, quy trình phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch và tiêu chuẩn chất lượng khi bảo quản.
2. Sử dụng đúng dụng cụ, thiết bị và thực hiện quy trình phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch; đánh giá được kết quả đạt yêu cầu.
3. Làm việc cẩn thận, chính xác, trung thực, khoa học; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm và tuân thủ quy định trong phòng thí nghiệm.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Phân liều tinh dịch

2. Đóng lọ tinh dịch

2.1. Tinh tươi

2.2. Tinh đông lạnh

3. Bảo quản tinh

3.1. Tinh tươi

3.2. Tinh đông lạnh

BÀI 6: DẪN TINH CHO VẬT NUÔI

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách sử dụng, bảo quản dụng cụ dẫn tinh, thời điểm phối giống thích hợp và các bước dẫn tinh.
2. Sử dụng đúng dụng cụ, chuẩn bị tinh dịch đạt yêu cầu, xác định thời điểm phối giống và thực hiện dẫn tinh đúng kỹ thuật.
3. Cẩn thận, chính xác, vệ sinh, an toàn; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm và tuân thủ quy định vệ sinh thú y, an toàn lao động.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Chuẩn bị các dụng cụ dẫn tinh
2. Xác định thời điểm dẫn tinh (2)
3. Kỹ thuật dẫn tinh
4. Ghi sổ theo dõi kết quả dẫn tinh

BÀI 7: KIỂM TRA KẾT QUẢ TRUYỀN TINH

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phương pháp kiểm tra lâm sàng, phi lâm sàng gia súc cái sau truyền tinh, đặc điểm gia súc cái có chửa và các yêu cầu khi kiểm tra kết quả dẫn tinh.
2. Thực hiện được khám lâm sàng, phi lâm sàng, xác định nguyên nhân

dẫn tinh không hiệu quả, đề xuất biện pháp can thiệp và đánh giá kết quả truyền tinh.

3. Làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm tốt và tuân thủ quy định về kiểm tra kết quả truyền tinh

II. NỘI DUNG BÀI

1. Khám lâm sàng và phi lâm sàng gia súc có thai (3)

2. Nguyên nhân và cách khắc phục dẫn tinh không hiệu quả

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

Trại Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi gia súc, gia cầm hoặc hộ chăn nuôi tư nhân.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun như: Dụng cụ gieo tinh cho lợn và bò, tinh dịch, gia súc....
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

1. Trình bày được tiêu chuẩn ngoại hình, thể chất của vật nuôi để làm giống và các công việc chuẩn bị vật nuôi để khai thác tinh và dẫn tinh.

2. Trình bày các phương tiện, dụng cụ khai thác và dẫn tinh, các loại hóa chất sử dụng trong tiêu độc khử trùng và vai trò của các phương pháp tiêu độc, khử trùng các dụng cụ khai thác, dẫn tinh.

3. Trình bày được thời điểm và phương pháp huấn luyện đực giống thích hợp.

4. Trình bày được thời điểm khai thác tinh dịch thích hợp, trình tự thao tác lấy tinh, tiêu chuẩn chất lượng của tinh dịch.

5. Trình bày được các chỉ tiêu pha chế tinh dịch; phương pháp pha chế môi trường và tinh dịch.

6. Mô tả được các phương pháp kiểm tra tinh dịch sau pha chế.

7. Trình bày được cách sử dụng các loại trang thiết bị, vật tư phục vụ phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch.

8. Mô tả được quy trình phân liều, đóng lọ tinh dịch.

9. Trình bày được phương pháp bảo quản tinh dịch và các tiêu chuẩn chất lượng tinh dịch khi bảo quản.

10. Trình bày được cách sử dụng, bảo quản dụng cụ dẫn tinh.

11. Trình bày được thời điểm phối giống thích hợp ở vật nuôi cái và mô tả được các bước công việc dẫn tinh cho vật nuôi.

12. Trình bày được phương pháp kiểm tra lâm sàng và phi lâm sàng gia súc cái sau truyền tinh.

13. Mô tả được đặc điểm của gia súc cái có chữa.

2. Kỹ năng

1. Sử dụng thành thạo các phương tiện, dụng cụ khai thác và dẫn tinh.

2. Lựa chọn và sử dụng hóa chất sát trùng đúng yêu cầu kỹ thuật.
3. Thực hiện được các bước tiêu độc, khử trùng dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi.
4. Lựa chọn được động vật huấn luyện để khai thác tinh phù hợp, sử dụng được các dụng cụ huấn luyện được giống.
5. Đánh giá kết quả huấn luyện và khai thác tinh
6. Lựa chọn và sử dụng được các dụng cụ, vật tư pha chế tinh dịch.
7. Pha chế được môi trường và tinh dịch đúng tiêu chuẩn.
8. Xác định được tiêu chuẩn chất lượng tinh dịch pha loãng và thực hiện được kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng tinh dịch sau pha chế. Đánh giá được chất lượng tinh dịch sau pha chế.
9. Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch.
10. Thực hiện được các công việc phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch; Đánh giá được kết quả phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch ở điều kiện bảo đảm.
11. Xác định được thời điểm dẫn tinh thích hợp.
12. Chuẩn bị được tinh dịch đúng yêu cầu kỹ thuật và thực hiện dẫn tinh đúng kỹ thuật.
13. Thực hiện được khám lâm sàng và phi lâm sàng gia súc cái sau truyền tinh; Xác định được các nguyên nhân dẫn tinh không hiệu quả và đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp; Đánh giá được kết quả truyền tinh.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cần thận, tỉ mỉ khi chuẩn bị và vệ sinh các dụng cụ huấn luyện, khai thác và dẫn tinh.
- Cần thận, ôn hòa, nhẹ nhàng, chính xác và an toàn khi tiếp cận vật nuôi.
- Cần thận, an toàn khi lấy tinh ra khỏi bình nitơ lỏng.
- Cần thận, tỉ mỉ, có trách nhiệm với việc ghi chép, nhập dữ liệu quản lý.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VĐ.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Thụ tinh nhân tạo là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuận thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

1. Chuẩn bị dụng cụ và vật nuôi.

2. Khai thác tinh, kiểm tra, pha chế, đóng gói và bảo quản tinh.

3. Dẫn tinh và đánh giá kết quả.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tuấn Anh. Thụ tinh nhân tạo trên gia súc, gia cầm. Hà Nội: NXB Lao Động - xã hội; 2005.
2. Đinh Văn Cải; Nguyễn Ngọc Tấn. Truyền tinh nhân tạo cho bò. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp; 2007.
3. Chung Anh Dũng. Công nghệ sinh sản trên bò sữa. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Nông Nghiệp; 2011.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Vệ sinh thú y (Veterinary hygiene).

Mã mô đun: 511820863

Thời gian thực hiện mô đun: 58 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 41 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun Vệ sinh thú y là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun Vệ sinh thú y bao gồm các kiến thức, kỹ năng về vệ sinh thú y cho vật nuôi để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi, phòng và trị bệnh cho vật nuôi. Công việc yêu cầu thực hiện đúng kỹ thuật, đúng thời điểm, mang lại hiệu quả cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được tác dụng của việc vệ sinh, khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển vật nuôi.
2. Trình bày được tác dụng các loại thuốc sát trùng và nồng độ thích hợp để tiêu độc, khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi và phương tiện vận chuyển.
3. Trình bày được các phương pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng

trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển vật nuôi.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển vật nuôi.
2. Lựa chọn được các loại thuốc sát trùng và nồng độ thích hợp để tiêu độc, khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi và phương tiện vận chuyển.
3. Sử dụng được các loại máy móc, thiết bị phun khử trùng.
4. Thực hiện được việc tiêu độc, khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển vật nuôi.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.
2. Chăm thận, tỉ mỉ, khách quan, trung thực.
3. Tuân thủ các quy định về vệ sinh thú y, an toàn lao động và sức khỏe.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Vệ sinh môi trường không khí.	12	4		8	
	1. Tính chất vật lý của không khí		0.5		2	
	2. Nhiệt độ không khí		0.5			
	3. Ẩm độ không khí		0.5			

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Gió		0.5		1	
	5 Bức xạ mặt trời		0.5		1	
	6. Bụi trong không khí:		1		1	
	7. Các chất hóa học trong không khí:				1	
	8. Vi sinh vật trong chuồng nuôi				1	
	9. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường		0.5		1	
2	Bài 2: Vệ sinh chất thải rắn trong chăn nuôi.	14	4		10	
	1. Chất thải rắn		2		4	
	2. Các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn		2		6	
3	Bài 3: Vệ sinh nguồn nước trong chăn nuôi	13	4		10	
	1. Đặc điểm các nguồn nước dùng trong chăn nuôi.		0.5			
	2. Tính chất lý học của nước		0.5		1	
	3. Tính chất hóa học của nước		0.5		2	
	4. Tính chất sinh vật học của nước		0.5		1	
	5. Tiêu chuẩn đánh giá vệ sinh nguồn nước		0.5		1	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	6. Xử lý nước thải		0.5		3	
	7. Giám sát chất lượng nước. Các biện pháp bảo vệ.		1		2	
4	Bài 4: Vệ sinh chuồng trại.	10	2		8	
	1. Phương pháp đánh giá độ thông thoáng của chuồng nuôi		0.5		3	
	2. Phương pháp đánh giá độ sáng của chuồng nuôi		0.5		3	
	3. Nguyên tắc quản lý vệ sinh chuồng nuôi		1		2	
5	Bài 5. Vệ sinh thức ăn.	7	1		5	1
	1 Nguồn thức ăn trong chăn nuôi		1		1	1
	2. Nguyên nhân gây bệnh do nguồn gốc thức ăn				2	
	3. Tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại thức ăn				1	
	4. Phương pháp cho ăn hợp vệ sinh.				2	
6	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		58	15		41	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: VỆ SINH MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả về tính chất vật lý, nhiệt độ, ẩm độ, gió, bức xạ mặt trời, bụi, các chất hóa học, vi sinh vật có trong không khí ở khu chăn nuôi. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện được quy trình xử lý các chất thải khí.
3. Cần thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Tính chất vật lý của không khí (1)

2. Nhiệt độ không khí (1)

3. Ẩm độ không khí (1)

4. Gió

5 Bức xạ mặt trời

6. Bụi trong không khí:

7. Các chất hóa học trong không khí:

8. Vi sinh vật trong chuồng nuôi

9. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường (1)

BÀI 2: VỆ SINH CHẤT THẢI RẮN TRONG CHĂN NUÔI

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các loại chất thải rắn, ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi – con người và một số phương pháp xử lý.
2. Xử lý được các loại chất thải rắn theo đúng phương pháp kỹ thuật.
3. Nghiêm túc trong học tập, thực hành và tuân thủ quy định về an toàn lao động.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Chất thải rắn (1, 2)**2. Các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn (1, 2)****BÀI 3: VỆ SINH NGUỒN NƯỚC TRONG CHĂN NUÔI****(Thời gian: 13 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được các loại chất thải có trong nguồn nước trại chăn nuôi và một số phương pháp xử lý.
2. Thực hiện được các phương pháp xử lý chất thải trong môi trường nước.
3. Nghiêm túc, cẩn thận và thao tác chính xác trong quá trình thực hiện

II. NỘI DUNG BÀI**1. Đặc điểm các nguồn nước dùng trong chăn nuôi. (2, 3)****2. Tính chất lý học của nước****3. Tính chất hóa học của nước****4. Tính chất sinh vật học của nước (2)****5. Tiêu chuẩn đánh giá vệ sinh nguồn nước****6. Xử lý nước thải (2, 3)****7. Giám sát chất lượng nước. Các biện pháp bảo vệ.****BÀI 4: VỆ SINH CHUỒNG TRẠI****(Thời gian: 10 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả những các biện pháp vệ sinh chuồng trại.
2. Thực hiện được quy trình vệ sinh của một trang trại chăn nuôi
3. Nghiêm túc và cẩn thận chính xác khi thực hành.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Phương pháp đánh giá độ thông thoáng của chuồng nuôi (1)**
- 2. Phương pháp đánh giá độ sáng của chuồng nuôi**
- 3. Nguyên tắc quản lý vệ sinh chuồng nuôi (1)**

BÀI 5: VỆ SINH THỨC ĂN.

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nguồn gây bệnh trong thức ăn chăn nuôi và cách xử lý theo tiêu chuẩn.
2. Nhận biết được thức ăn tốt, thức ăn hư hỏng và thực hiện biện pháp xử lý phù hợp.
3. Nghiêm túc, đánh giá khách quan và chính xác trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1 Nguồn thức ăn trong chăn nuôi (1)**
- 2. Nguyên nhân gây bệnh do nguồn gốc thức ăn**
- 3. Tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại thức ăn**
- 4. Phương pháp cho ăn hợp vệ sinh. (1)**

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

Trại Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi gia súc, gia cầm hoặc hộ chăn nuôi tư nhân.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan như thuốc sát trùng, bình phun thuốc, thuốc sát trùng....
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

1. Mô tả về tính chất vật lý, nhiệt độ, ẩm độ, gió, bức xạ mặt trời, bụi, các chất hóa học, vi sinh vật có trong không khí ở khu chăn nuôi. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường.
2. Mô tả được các loại chất thải rắn, ảnh hưởng của chúng đến sức khỏe vật nuôi và con người.
3. Trình bày được một số phương pháp xử lý chất thải rắn.
4. Mô tả các loại chất thải có trong nguồn nước của trại chăn nuôi.
5. Mô tả được một số phương pháp xử lý các chất thải trong môi trường nước.
6. Mô tả những các biện pháp vệ sinh chuồng trại.
7. Trình bày được các nguồn gây bệnh trong thức ăn chăn nuôi.
8. Mô tả cách xử lý chúng cho phù hợp với tiêu chuẩn.

2. Kỹ năng

1. Thực hiện được quy trình xử lý các chất thải khí.
2. Xử lý được các loại chất thải rắn theo một số phương pháp.

3. Thực hiện được một số phương pháp xử lý chất thải trong nước.
4. Thực hiện được quy trình vệ sinh của một trang trại chăn nuôi
5. Nhận biết được các loại thức ăn tốt và thức ăn bị hư hỏng, thực hiện được các biện pháp xử lý chúng.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tuân thủ quy định và bảo đảm an toàn.
- Khả năng làm việc độc lập.
- Khả năng phối hợp và làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút.

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Vệ sinh thú y là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Vệ sinh chất thải khí, rắn và nước trong chăn nuôi.

- Vệ sinh chuồng trại.

- Vệ sinh thức ăn.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Đình Vượng và cộng sự, Giáo trình vệ sinh gia súc. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội; 2007.

2. PGS.TS Bùi Hữu Đoàn, Bài giảng quản lý chất thải trong chăn nuôi. Nhà xuất bản Hà Nội; 2011.

3. Lê Văn Phước , Giáo trình vệ sinh gia súc. Thư viện trường đại học Nông Lâm Huế; 2009.

4. PGS Đỗ Ngọc Hòa, Giáo trình vệ sinh vật nuôi. Nhà xuất bản Hà Nội; 2005.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập tại cơ sở (Intern at the facility).

Mã mô đun: 511840253

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ (lý thuyết: 0 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 180 giờ; kiểm tra: 0 giờ; thi: 0 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun thực tập tại cơ sở là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Trước khi tham gia thực tập học sinh phải hoàn thành tất cả mô đun chuyên môn cơ sở và các mô đun chuyên môn.

II. Tính chất

Là mô đun thực hiện tại doanh nghiệp chăn nuôi và thú y thực tế, Mô đun thực tập tại cơ sở sẽ giúp cho học sinh làm quen với công việc thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh Chăn nuôi – Thú y, áp dụng lý thuyết chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y vào thực tế tại cơ sở thực tập. Đồng thời giúp học sinh hình dung được tất cả các bước công việc của một học sinh Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp sau khi ra trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh Chăn nuôi - Thú y, đơn vị nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước về Chăn nuôi - Thú y. Giúp người học hoàn thiện các kỹ năng thực hành liên quan tới nghề đào tạo.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được yêu cầu về kỹ luật và an toàn lao động trong doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi.

2. Tổng hợp các kiến thức lý thuyết, trải nghiệm kỹ năng thực hành qua thực tiễn công việc.

3. Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng giải quyết công việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm.

Kết thúc mô đun giúp học sinh thành thực các kỹ năng như: Tổ chức sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm, xây dựng các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Tiếp cận làm quen với các công việc liên quan đến chuyên môn đang học;

Thành thạo những kiến thức cơ bản thuộc chuyên ngành lâm sinh, rèn luyện tính độc lập và chịu trách nhiệm trước công việc thực tế để sau khi ra trường có thể đảm nhiệm vị trí công việc một cách độc lập.

2. Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, kỹ năng tự trau dồi bổ sung kiến thức nhằm giải quyết công việc kỹ thuật cụ thể.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật.

2. Khả năng làm việc độc lập cũng như phối hợp làm việc nhóm trong quá trình sản xuất.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Xác định các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi – thú y 1. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho thực tập sản xuất 2. Các biện pháp an toàn lao động 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Lập kế hoạch công việc	10			10	
2	Bài 2: Tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất tại doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi 1. Quy trình chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm. 1.1. Con giống 1.2. Chuồng trại 1.3. Thức ăn 1.4. Quy trình chăn nuôi	160			160	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.5. Vệ sinh chuồng trại 2. Biện pháp phòng và điều trị các bệnh ở gia súc, gia cầm 2.1. Đặc điểm của bệnh 2.2. Nguyên nhân gây bệnh 2.3. Triệu chứng của bệnh 2.4. Biện pháp phòng bệnh 2.5. Biện pháp điều trị 2.6. Lịch tiêm phòng vaccin 3. Quy trình kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật. 3.1. Quy trình tiếp nhận 3.2. Kiểm tra trước giết mổ 3.3. Vệ sinh và chuẩn bị trước giết mổ 3.4. Giết mổ và xử lý gia súc 3.5. Vệ sinh và khử trùng sau giết mổ 3.6. Lưu trữ và vận chuyển thịt					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Quy trình tiêm phòng. 4.1. Chuẩn bị trước khi tiêm 4.2. Quy trình tiêm vaccin 4.3. Theo dõi sau tiêm 4.4. Theo dõi chăm sóc vật sau tiêm 4.5. Thống kê số liệu 4. Quy trình vệ sinh môi trường chăn nuôi. 4.1. Chuẩn bị vệ sinh 4.2. Vệ sinh chuồng trại và dụng cụ 4.3. Khử trùng chuồng trại 4.4. Vệ sinh máng ăn, máng uống 4.5. Chất thải và hệ thống thoát nước					
3	Bài 3: tổng hợp thu thập xử lý số liệu, dữ liệu hoàn thành báo cáo thực tập 1. Thu thập và xử lý số liệu	10			10	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Hoàn thiện kết quả thực tập					
Cộng:		180	0	0	180	0

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: XÁC ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ CHĂN NUÔI – THÚ Y

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho thực tập tại doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi.
2. Vận dụng những kiến thức chuyên ngành chăn nuôi – thú y vào thực tế tại các cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh chăn nuôi – thú y, đáp ứng được yêu cầu của một cán bộ tập sự tại đơn vị.
3. Rèn luyện tính tỉ mỉ, tác phong công nghiệp trong lao động sản xuất.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho thực tập sản xuất
2. Các biện pháp an toàn lao động
3. Kỹ năng làm việc nhóm
4. Lập kế hoạch công việc

BÀI 2: THAM GIA TRỰC TIẾP VÀO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TẠI DOANH NGHIỆP, TRANG TRẠI CHĂN NUÔI, CƠ SỞ CHĂN NUÔI

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được quy trình, công nghệ sản xuất nơi thực tập.
2. Tham gia vào quy trình, công nghệ sản xuất tại nơi thực tập.
3. Rèn luyện và nâng cao được tay nghề, tác phong công nghiệp.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Quy trình chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm.

1.1. Con giống

1.2. Chuồng trại

1.3. Thức ăn

1.4. Quy trình chăn nuôi

1.5. Vệ sinh chuồng trại

2. Biện pháp phòng và điều trị các bệnh ở gia súc, gia cầm

2.1. Đặc điểm của bệnh

2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.3. Triệu chứng của bệnh

2.4. Biện pháp phòng bệnh

2.5. Biện pháp điều trị

2.6. Lịch tiêm phòng vắc xin

3. Quy trình kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật.

3.1. Quy trình tiếp nhận

3.2. Kiểm tra trước giết mổ

3.3. Vệ sinh và chuẩn bị trước giết mổ

3.4. Giết mổ và xử lý gia súc

3.5. Vệ sinh và khử trùng sau giết mổ

3.6. Lưu trữ và vận chuyển thịt

4. Quy trình tiêm phòng.

4.1. Chuẩn bị trước khi tiêm

4.2. Quy trình tiêm vaccin

4.3. Theo dõi sau tiêm

4.4. Theo dõi chăm sóc vật sau tiêm

4.5. Thống kê số liệu

4. Quy trình vệ sinh môi trường chăn nuôi.

4.1. Chuẩn bị vệ sinh

4.2. Vệ sinh chuồng trại và dụng cụ

4.3. Khử trùng chuồng trại

4.4. Vệ sinh máng ăn, máng uống

4.5. Chất thải và hệ thống thoát nước

BÀI 3: TỔNG HỢP THU THẬP XỬ LÝ SỐ LIỆU, DỮ LIỆU HOÀN THÀNH BÁO CÁO THỰC TẬP

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Báo cáo được nội dung, công việc và kết quả thực tập tại doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi.
2. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện công việc tại doanh nghiệp/trang trại.
3. Rèn luyện tính trung thực, chính xác và tác phong công nghiệp.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Thu thập và xử lý số liệu

2. Hoàn thiện kết quả thực tập

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng: tại các cơ sở thực tập

II. Trang thiết bị, máy móc: Do doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi cung

cấp

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Do doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi cung cấp.
- Nguồn lực khác: Theo điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Thực hiện theo quy chế hiện hành; quy định về thực hành, thực tập tại cơ sở của nhà trường.
- Nhà giáo và cán bộ được giao hướng dẫn sinh viên tại đơn vị phối hợp cùng đánh giá theo thang điểm 10.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Thực tập sản xuất là mô đun chuyên môn nâng cao trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tuỳ vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể linh hoạt xây dựng kế hoạch với thời gian, nội dung và hình thức phù hợp để tổ chức thực hiện.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Trước khi cho người học đi thực tập, nhà giáo cần căn cứ vào kết quả học tập của từng người học để phân nhóm người học đến các doanh nghiệp phù hợp với trình độ.
- Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của cơ quan đến thực tập.
- Phối hợp cùng cán bộ đơn vị hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.
- Phối hợp cùng cán bộ của đơn vị thực tập đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kỹ năng của học sinh thực tập.

2. Đối với người học

- Chấp hành nội quy thực tập.
- Tinh thần thái độ học tập, lao động.
- Thực hiện và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ được giao tùy theo tình hình thực tế sản xuất của đơn vị.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Cần chú ý các biện pháp an toàn trong chăn nuôi – thú y.
- Nhà giáo thường xuyên theo dõi học sinh trong quá trình thực tập.
- Hàng tháng được cán bộ đơn vị và giảng viên đánh giá, góp ý để hoàn thiện, cuối đợt sẽ được đánh giá một cách tổng hợp tất cả các công việc được giao cũng như ý thức tổ chức kỷ luật của học sinh.

IV. Tài liệu tham khảo

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

Học sinh cần nắm rõ quy mô nội quy của cơ sở sản xuất, đơn vị thực tập, quy trình sản xuất theo qui định hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ (Raising and caring for goats, rabbits)

Mã mô đun: 511820873

Thời gian thực hiện mô đun: 52 (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 35 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ là mô đun tự chọn, nằm trong chương trình đào tạo, ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc nuôi dưỡng dê, thỏ đực giống, dê, thỏ sinh sản, dê, thỏ con, dê, thỏ thịt để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. Công việc yêu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng dê, thỏ đúng kỹ thuật, mang lại hiệu quả chăn nuôi cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, các yêu cầu kỹ thuật vệ sinh thú y đối với chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi của dê, thỏ.
2. Trình bày được các yêu cầu về chọn giống dê, thỏ đúng mục đích chăn nuôi.
3. Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc dê, thỏ ở các giai đoạn khác nhau: con non, làm giống, sinh sản, nuôi thịt...

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chuẩn bị chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn đối với từng loại dê, thỏ; đủ và đúng chủng loại, dụng cụ chăn nuôi phù hợp theo quy mô chăn nuôi.

2. Bố trí, sắp xếp các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi hợp lý, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; và sử dụng thành thạo, hợp lý các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi.

3. Chọn được giống dê, thỏ phù hợp với mục đích chăn nuôi.

4. Tính đúng, đủ lượng thức ăn, nước uống cho các loại dê, thỏ ở các giai đoạn khác nhau.

5. Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc dê, thỏ ở các giai đoạn và theo mục đích chăn nuôi; theo dõi, quan sát dê, thỏ hàng ngày.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tuân thủ đúng quy trình, kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ

2. Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước, có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;

3. Bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn trong quá trình chăn nuôi dê, thỏ;

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị chuồng nuôi và trang thiết bị chăn nuôi dê, thỏ	12	4		8	
	1. Chuồng trại nuôi dê		2		4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1. Chọn vị trí đặt chuồng					
	1.2. Xác định hướng chuồng					
	1.3. Xác định kiểu chuồng					
	1.4. Xác định diện tích chuồng nuôi, sân chơi, khu vực xung quanh chuồng nuôi					
	1.5. Xác định dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi					
	1.6. Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chuồng nuôi					
	2. Chuồng trại nuôi thỏ		2		4	
	2.1. Chọn vị trí đặt chuồng					
	2.2. Xác định hướng chuồng					
	2.3. Xác định kiểu chuồng					
	2.4. Xác định diện tích lồng, chuồng nuôi, khu vực xung quanh chuồng nuôi					
	2.5. Xác định dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.6. Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi					
2	Bài 2: Nuôi dưỡng và chăm sóc dê	19	5		14	
	1. Đặc điểm sinh học của dê		1		4	
	1.1. Đặc điểm về sinh trưởng					
	1.2. Đặc điểm về sinh lý tiêu hóa					
	1.3. Đặc điểm về sinh lý sinh sản					
	1.4. Một số đặc điểm khác					
	2. Giống và công tác giống dê		1		4	
	2.1. Các giống dê					
	2.2. Chọn lọc giống, theo dõi và quản lý giống dê					
	3. Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng dê		3		6	
	3.1. Kỹ Thuật chăm sóc dê					
	3.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng dê					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
3	Bài 3: Nuôi dưỡng và chăm sóc thỏ	20	6		13	1
	1. Đặc điểm sinh học của thỏ		1		4	1
	1.1. Đặc điểm về sinh trưởng					
	1.2. Đặc điểm về sinh lý tiêu hóa					
	1.3. Đặc điểm về sinh lý sinh sản					
	1.4. Một số đặc điểm khác					
	2. Giống và công tác giống thỏ		2		4	
	2.1. Các giống thỏ					
	2.2. Chọn lọc giống, theo dõi và quản lý giống Thỏ					
	3. Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng thỏ		3		5	
	3.1. Kỹ Thuật chăm sóc thỏ					
	3.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng thỏ					
4	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		52	15		35	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHUẨN BỊ CHUỒNG NUÔI VÀ TRANG THIẾT BỊ CHĂN NUÔI DÊ, THỎ

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được yêu cầu kỹ thuật chuồng trại, dụng cụ và vệ sinh thú y trong chăn nuôi dê, thỏ.
2. Chuẩn bị, bố trí và sử dụng hợp lý chuồng trại, trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi dê, thỏ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong thực hiện công việc

II. NỘI DUNG BÀI

1. Chuồng trại nuôi dê (1, 2)

1.1. Chọn vị trí đặt chuồng

1.2. Xác định hướng chuồng

1.3. Xác định kiểu chuồng

1.4. Xác định diện tích chuồng nuôi, sân chơi, khu vực xung quanh chuồng nuôi

1.5. Xác định dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi

1.6. Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chuồng nuôi

2. Chuồng trại nuôi thỏ (1, 2)

2.1. Chọn vị trí đặt chuồng

2.2. Xác định hướng chuồng

2.3. Xác định kiểu chuồng

2.4. Xác định diện tích lồng, chuồng nuôi, khu vực xung quanh chuồng nuôi

2.5. Xác định dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi**2.6. Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi****BÀI 2: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC DÊ****(Thời gian: 19 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được đặc điểm sinh học, giống, công tác giống, thức ăn và kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng dê.

2. Khảo sát, thực hiện chăm sóc và nuôi dưỡng dê theo giai đoạn và mục đích nuôi.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI**1. Đặc điểm sinh học của dê (1)****1.1. Đặc điểm về sinh trưởng****1.2. Đặc điểm về sinh lý tiêu hóa****1.3. Đặc điểm về sinh lý sinh sản****1.4. Một số đặc điểm khác****2. Giống và công tác giống dê (1, 2)****2.1. Các giống dê****2.2. Chọn lọc giống, theo dõi và quản lý giống dê****3. Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng dê (1, 2)****3.1. Kỹ Thuật chăm sóc dê****3.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng dê****BÀI 3: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC THỎ****(Thời gian: 19 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được đặc điểm sinh học, giống, công tác giống, thức ăn và kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng thỏ.

2. Khảo sát, thực hiện chăm sóc và nuôi dưỡng thỏ theo giai đoạn và mục đích nuôi.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc và tự giác trong công việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Đặc điểm sinh học của thỏ (2,4,5)

1.1. Đặc điểm về sinh trưởng

1.2. Đặc điểm về sinh lý tiêu hóa

1.3. Đặc điểm về sinh lý sinh sản

1.4. Một số đặc điểm khác

2. Giống và công tác giống thỏ (2,5)

2.1. Các giống thỏ

2.2. Chọn lọc giống, theo dõi và quản lý giống Thỏ

3. Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng thỏ (2,5)

3.1. Kỹ Thuật chăm sóc thỏ

3.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng thỏ

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

1. Phòng học lý thuyết: Bảo đảm ánh sáng, độ thông thoáng và đầy đủ bàn ghế.

2. Phòng thực hành: Phòng thực hành khoa, đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các dạng thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, kế hoạch bài giảng, đề cương chương trình, tài liệu phát tay, phiếu học tập dành cho HSSV, giấy A0, giấy A4, bút chì, bút màu, keo dán và một số vật tư thực hành;

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ chăn nuôi và bảo hộ lao động, thuốc thú y, thức ăn cho dê và thỏ, vật nuôi (dê, thỏ)

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày kiến thức kỹ thuật cơ bản về nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ.
- Trình bày được thiết kế chuồng nuôi, xác định vị trí, hướng chuồng, vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi của dê và thỏ.

2. Kỹ năng

Thực hiện nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ đúng quy trình.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ đúng quy trình, kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ.
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước, có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn trong quá trình chăn nuôi dê, thỏ.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

- + Số bài kiểm tra: 2

- + Thời gian kiểm tra: 60 phút

- + Hình thức kiểm tra mô đun: Trắc nghiệm, tự luận

- + Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc vấn đáp (VD) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VD.

- Thời gian thi: 2 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch của nhà trường.

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

- Mô đun nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Nhà giáo có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do nhà giáo hướng dẫn giao.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Đặc điểm sinh học của dê, thỏ.

- Thiết kế chuồng nuôi dê, thỏ.

- Chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc dê, thỏ.

IV. Tài liệu tham khảo (1-5)

1. Đinh Văn Bình, Nguyễn Quang Súc. Kỹ thuật chăn nuôi dê. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2000.
2. Đinh Văn Bình, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Thị Tú. Giáo trình chăn nuôi dê và thỏ. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2008.
3. Trần Trang Nhung và cộng sự. Giáo trình chăn nuôi dê. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2005.
4. Nguyễn Tấn Anh, Nguyễn Duy Hoan. Sinh lý sinh sản gia súc. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 1998.
5. Đinh Văn Bình, Ngô Tiến Dũng. Kỹ thuật chăn nuôi thỏ tại nông hộ gia đình. Hà Nội: NXB văn hóa dân tộc; 2004.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Nuôi dưỡng và chăm sóc ong (Raising and caring for bees).

Mã mô đun: 511820883

Thời gian thực hiện mô đun: 52 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 35 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun Nuôi dưỡng và chăm sóc ong là mô đun tự chọn, trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp, được thực hiện theo phân bổ chương trình đào tạo và được học sau các môn học chung, các môn học/mô đun cơ sở.

II. Tính chất

Mô đun Nuôi dưỡng và chăm sóc ong bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc ong để thực hiện vị trí việc làm có liên quan đến nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. Công việc yêu cầu chăm sóc và nuôi dưỡng ong đúng kỹ thuật, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Mô tả được đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh sản của ong mật
2. Trình bày được các cấu tạo và ứng dụng các dụng cụ nuôi ong
2. Trình bày được phương pháp nuôi dưỡng chăm sóc ong
3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và phòng trị một số bệnh thường gặp trên ong mật.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Nhận biết được một số loài ong mật, và các dụng cụ nuôi dưỡng.
2. Thực hiện được các bước trong quy trình nuôi ong.
3. Nhận dạng và phòng trị đối với một số bệnh thường gặp trên ong mật.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.
2. Tuân thủ các quy định về chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng.
3. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
4. Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị thùng nuôi và trang thiết bị nuôi ong mật	13	5		8	
	1. Thùng nuôi ong		1		1	
	2. Một số dụng cụ nuôi ong		4		7	
	2.1. Khung cầu					
	2.2. Dao cắt					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.3. Lưới che mắt					
	2.4. Chổi quét ong					
	2.5. Bình xịt khói					
	2.6. Một số dụng cụ khác					
2	Bài 2: Nuôi dưỡng và chăm sóc ong mật	17	5		12	
	1. Sinh học ong mật		1		4	
	1.1. Nguồn gốc ong mật					
	1.2. Phân loại ong mật					
	1.3. Hình thái cấu tạo ong mật					
	1.4. Cấu trúc tổ ong					
	1.5. Tổ chức xã hội của đàn ong mật					
	1.6. Sự sinh trưởng và phát triển của ong mật					
	2. Lựa chọn địa điểm nuôi ong		1		2	
	3. Kỹ thuật quản lý đàn ong		1		2	
	4. Kỹ thuật nuôi dưỡng ong		1		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	5. Tạo chúa nhân tạo		1		2	
3	Bài 3: Xử lý các hiện tượng bất thường và một số bệnh thường gặp ở ong mật	21	5		15	1
	1. Kỹ thuật xử lý các hiện tượng bất thường		2		6	1
	2. Kỹ thuật phòng trị một số bệnh thường gặp trên ong mật		2		6	
	3. Một số dịch hại khác		1		3	
4	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		52	15		35	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: CHUẨN BỊ THÙNG NUÔI VÀ TRANG THIẾT BỊ NUÔI ONG MẬT

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được cấu tạo và chức năng của các dụng cụ nuôi ong.
2. Nhận dạng được các dụng cụ nuôi ong.
3. Ý thức hơn tầm quan trọng của các dụng cụ trong chăn nuôi ong, Thao tác cẩn thận bảo đảm an toàn lao động.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Thùng nuôi ong

2. Một số dụng cụ nuôi ong

2.1. Khung cầu

2.2. Dao cắt

2.3. Lưới che mặt

2.4. Chổi quét ong

2.5. Bình xịt khói

2.6. Một số dụng cụ khác

BÀI 2: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC ONG MẬT

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cấu trúc của một tổ ong, chức năng và vai trò của các loại hình ong, thời gian sinh trưởng và phát triển của các loại hình ong.
2. Mô tả được các loại hình ong và các giai đoạn phát triển của chúng.
3. Ý thức được tầm quan trọng của ong mật đến đời sống.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Sinh học ong mật

1.1. Nguồn gốc ong mật

1.2. Phân loại ong mật

1.3. Hình thái cấu tạo ong mật

1.4. Cấu trúc tổ ong

1.5. Tổ chức xã hội của đàn ong mật (2, 3)

1.6. Sự sinh trưởng và phát triển của ong mật

2. Lựa chọn địa điểm nuôi ong

3. Kỹ thuật quản lý đàn ong (1)

4. Kỹ thuật nuôi dưỡng ong (1)

5. Tạo chúa nhân tạo

BÀI 3: XỬ LÝ CÁC HIỆN TƯỢNG BẤT THƯỜNG VÀ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở ĐÀN ONG MẬT

(Thời gian: 21 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các hiện tượng bất thường cũng như một số bệnh xảy ra trên đàn ong.

2. Mô tả được các hiện tượng bất thường đó cũng như lựa chọn được phương pháp khắc phục hiệu quả nhất.

3. Ý thức được tầm quan trọng của các hiện tượng cũng như bệnh trên đàn ong đối với hiệu quả kinh tế .

II. NỘI DUNG BÀI

1. Kỹ thuật xử lý các hiện tượng bất thường (2, 3).

2. Kỹ thuật phòng trị một số bệnh thường gặp trên ong mật(2, 4)

3. Một số dịch hại khác (3)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học đủ diện tích, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, trang thiết bị, ánh sáng, hình ảnh.

Trại Nuôi dưỡng và chăm sóc ong.

II. Trang thiết bị, máy móc

Các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và hình ảnh phục vụ cho học tập.

Máy tính, máy chiếu và các thiết bị máy móc liên quan đến mô đun như: Các dụng cụ nuôi ong, thức ăn, các dụng cụ chế biến thức ăn cho ong, máy ly tâm mật...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình, tài liệu phát tay.
- Dụng cụ thú y.
- Trại nuôi ong.
- Các dụng cụ, vật tư và vật liệu liên quan đến mô đun.
- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Đặc điểm sinh học của các thành phần ong trong đàn.
- Kỹ thuật kiểm tra đàn ong.
- Kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc đàn ong.
- Một số bệnh xảy ra trên đàn ong.
- Một số hiện tượng bất thường trên đàn ong.

2. Kỹ năng

- Nhận dạng được các loài ong mật.
- Sử dụng các dụng cụ nuôi ong hợp lý.
- Thực hiện đúng các bước trong quy trình chăm sóc nuôi dưỡng ong.
- Xử lý được các vấn đề bất thường của đàn ong mật.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, chính xác trong công việc.

- Tuân thủ các quy định về chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng.
- Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Có khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành (TH) hoặc vấn đáp(VĐ) hoặc kết hợp cả 2 hình thức TH + VĐ.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Nuôi dưỡng và chăm sóc ong là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Tùy vào điều kiện cụ thể nhà giáo có thể sử dụng các thiết bị đào tạo phù hợp để giảng dạy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng kế hoạch bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy.

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Bảo đảm thời gian thực học trên lớp tối thiểu theo quy định.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của nhà giáo, nội quy phòng học, trại thực hành, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo chương trình mô đun.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 trở lên.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Đặc điểm sinh học của các thành phần đàn ong.
- Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng ong.
- Một số bệnh thường gặp trên ong.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Hoan, Ngô Nhật Thắng; Giáo trình Kỹ thuật nuôi ong mật. Hà Nội: NXB Nông Nghiệp; 2008.

2. Thanh Huyền; Phòng và trị bệnh cho ong mật. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức; 2016.

3. Phạm Thanh Hải (Chủ biên), Bùi Thị Diễm, Phùng Hữu Chính, Trần Ngọc Trường, Nguyễn Linh, Phùng Trung Hiếu; Nuôi ong trong thùng hiện đại. Hà Nội: Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; 2012.

4. Phạm Thanh Hải (Chủ biên), Bùi Thị Diễm, Phùng Hữu Chính, Trần Ngọc Trường, Nguyễn Linh, Phùng Trung Hiếu; Phòng trừ dịch hại ong. Hà Nội: Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn; 2012.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi
(Harvesting, preserving and processing livestock products).

Mã mô đun: 511820893

Thời gian thực hiện mô đun: 52 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 35 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ trung cấp. Được bố trí giảng dạy sau với các mô đun như chăn nuôi trâu bò, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi dê - thỏ, vệ sinh thú y.

II. Tính chất

Mô đun Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi trình bày những nội dung cơ bản về khai thác, bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi như sản phẩm của thịt, sản phẩm trứng và sữa.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm
2. Trình bày được nguyên lý hoạt động và cách vận hành các thiết bị khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.
3. Trình bày được phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.

4. Trình bày được các trạng thái sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Chuẩn bị các dụng cụ, thiết bị khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm.

2. Vận hành được các thiết bị, dụng cụ khai thác, bảo quản sản phẩm đúng kỹ thuật.

3. Thực hiện được công việc khai thác và bảo quản sản phẩm đúng yêu cầu kỹ thuật.

4. Phân loại được tình trạng sản phẩm không đạt chất lượng

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện được khả năng làm việc độc lập

2. Phát huy được khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, an toàn.

4. Tuân thủ các quy định về an toàn sức khỏe vật nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Thu hoạch, bảo quản và chế biến thịt	18	6		12	
	1. Thu hoạch thịt		2		2	
	1.1. Thiết bị, dụng cụ thu hoạch và sơ chế thịt					
	1.2. Quy trình giết mổ và sơ chế gia súc, gia cầm					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.3. Sự biến đổi của thịt trong quá trình bao quản thịt					
	2. Bảo quản thịt		2		2	
	2.1. Bảo quản thịt bằng phương pháp làm lạnh					
	2.2. Bảo quản thịt bằng phương pháp sấy khô hoặc phơi nắng					
	2.3. Bảo quản thịt bằng phương pháp ướp muối					
	2.4. Bảo quản thịt bằng phương pháp hun khói.					
	3. Chế biến thịt		2		8	
	3.1. Vệ sinh thịt chế biến					
	3.2. Một số thiết bị chế biến thịt và chất phụ gia thông dụng					
	3.3. Chế biến các sản phẩm thịt truyền thống					
	3.4. Theo dõi nhiệt độ tồn trữ để vận chuyển thịt đã chế biến					
	3.5. Đóng gói sản phẩm thịt đã chế biến					

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Bài 2: Thu hoạch, bảo quản và chế biến trứng	17	3		13	1
	1. Cấu tạo của trứng		1			
	2. Thu hoạch, phân loại trứng và sự hư hỏng của trứng				3	
	2.1. Thu hoạch trứng					
	2.2. Phân loại trứng					
	2.3. Sự hư hỏng của trứng					
	3. Các phương pháp bảo quản trứng				6	
	3.1. Bảo quản trứng bằng phương pháp lạnh		1			
	3.2. Bảo quản trứng trong nước vôi					
	3.3. Bảo quản trứng bằng xử lý nhiệt					
	4. Các sản phẩm chế biến từ trứng		1		4	
	4.1. Trứng muối					
	4.2. Kem plan					
	4.3. Bánh trứng					
3	Bài 3: Khai thác, sơ chế và bảo quản sữa	16	6		10	
	1. Thu hoạch sữa		1		2	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1. Xác định thời điểm thu hoạch sữa					
	1.2. Một số thiết bị sử dụng trong thu hoạch sữa					
	1.3. Quy trình thu hoạch sữa					
	2. Quy trình sơ chế sữa		1		1	
	3. Bảo quản sữa		2		1	
	3.1. Những biến đổi khi bảo quản sữa					
	3.2. Các dạng hư hỏng của sữa					
	3.3. Phương pháp bảo quản sữa					
	4. Các phương pháp chế biến sữa		2		4	
	4.1. Sữa bột					
	4.2. Sữa chua					
	4.3. Phomat					
4	Thi kết thúc mô đun	1				1
Cộng:		52	15		35	1(0,1)/1(0,1)

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỊT

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được thành phần cấu tạo, thành phần hoá học, sự biến đổi của thịt trong quá trình bảo quản cũng như các phương pháp và chế biến thịt.
2. Thực hiện được khai thác, bảo quản và chế biến các sản phẩm từ thịt đúng kỹ thuật.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Thu hoạch thịt (1)

1.1. Thiết bị, dụng cụ thu hoạch và sơ chế thịt

1.2. Quy trình giết mổ và sơ chế gia súc, gia cầm

1.3. Sự biến đổi của thịt trong quá trình bảo quản thịt

1.3.1. Sự tê cứng của thịt

1.3.2. Sự chín tới của thịt

1.3.3. Sự tự phân sâu của thịt

1.3.4. Sự thối rữa của thịt

2. Bảo quản thịt

2.1. Bảo quản thịt bằng phương pháp làm lạnh

2.2. Bảo quản thịt bằng phương pháp sấy khô hoặc phơi nắng

2.3. Bảo quản thịt bằng phương pháp ướp muối

2.4. Bảo quản thịt bằng phương pháp hun khói.

3. Chế biến thịt (1)

3.1. Vệ sinh thịt chế biến

3.2. Một số thiết bị chế biến thịt và chất phụ gia thông dụng

3.2.1. Máy xay thịt

3.2.2. Chất phụ gia thông dụng

3.3. Chế biến các sản phẩm thịt truyền thống

3.3.1. Làm giò chả thịt

3.3.2. Làm giăm bông thịt

3.4. Theo dõi nhiệt độ tồn trữ để vận chuyển thịt đã chế biến

3.5. Đóng gói sản phẩm thịt đã chế biến

BÀI 2: THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN TRỨNG

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cấu tạo trứng, phân loại trứng, bảo quản và chế biến các sản phẩm từ trứng.
2. Vận hành được các thiết bị khai thác, bảo quản và chế biến trứng.
3. Rèn luyện được khả năng làm việc độc lập, tuân thủ về an toàn lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Cấu tạo của trứng (1)

2. Thu hoạch, phân loại trứng và sự hư hỏng của trứng (1)

2.1. Thu hoạch trứng

2.2. Phân loại trứng

2.3. Sự hư hỏng của trứng

3. Các phương pháp bảo quản trứng (1)

3.1. Bảo quản trứng bằng phương pháp lạnh

3.2. Bảo quản trứng trong nước vôi

3.3. Bảo quản trứng bằng xử lý nhiệt

4. Các sản phẩm chế biến từ trứng (1)

4.1. Trứng muối

4.2. Kem plan**4.3. Bánh trứng****BÀI 3: THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SỮA****(Thời gian: 16 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được thành phần, tính chất và sự biến đổi của sữa trong quá trình bảo quản.
2. Chuẩn bị đúng dụng cụ, thiết bị khai thác—bảo quản—chế biến; thu nhận, lọc, bảo quản và chế biến sữa/sản phẩm sữa đúng quy trình.
3. Làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, sạch sẽ và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

II. NỘI DUNG BÀI**1. Thu hoạch sữa (3)****1.1. Xác định thời điểm thu hoạch sữa****1.2. Một số thiết bị sử dụng trong thu hoạch sữa****1.3. Quy trình thu hoạch sữa****2. Quy trình sơ chế sữa (3)****3. Bảo quản sữa (3)****3.1. Những biến đổi khi bảo quản sữa****3.2. Các dạng hư hỏng của sữa****3.3. Phương pháp bảo quản sữa****3.3.1. Vệ sinh bảo quản sữa mới khai thác****3.3.2. Thu nhận và lọc sữa****3.3.3. Đánh giá chất lượng sữa****3.3.4. Phương pháp bảo quản****4. Các phương pháp chế biến sữa (3)**

4.1. Sữa bột**4.2. Sữa chua****4.3. Phomat****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học, phòng thực hành của khoa Kinh tế và Nông Lâm

II. Trang thiết bị, máy móc

- Máy chiếu/Tivi, Máy tính xách tay

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình, bài giảng, kế hoạch bài giảng...
- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, hồ dán, đất nặn, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác...

IV. Các điều kiện khác**E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Trình bày được nguyên lý hoạt động và cách vận hành các thiết bị khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.
- Trình bày được phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm như thịt, trứng, sữa.
- Trình bày được các trạng thái sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng.

2. Kỹ năng

- Chuẩn bị và vận hành được các dụng cụ, thiết bị khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm.

- Thực hiện được công việc khai thác và bảo quản sản phẩm đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Xác định được tình trạng sản phẩm hư hỏng, không đạt chất lượng.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Phát huy được khả năng phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, an toàn.

- Tuân thủ các quy định về an toàn sức khỏe vật nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Số bài kiểm tra: 1 bài

Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức bằng hình thức vấn đáp để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

Số bài kiểm tra: 1

Hình thức kiểm tra: Thực hành

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo quy định của nhà trường

- Đề thi kết thúc mô đun được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình mô đun.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi được dùng để giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành, nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ Trung cấp của Trường Cao đẳng Kon Tum.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài trong chương trình: Xây dựng đề cương bài giảng, kế hoạch giảng dạy, phương tiện và hình thức dạy học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình mô đun để bảo đảm chất lượng giảng dạy;

- Thực hiện giảng dạy theo hình thức tích hợp, chú trọng phương pháp làm mẫu thuần thực, chính xác; hướng dẫn cụ thể các bước công việc để người học thực hiện được các kỹ năng cần thiết của mô đun để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.

- Nhà giáo có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến một số nội dung, kiến thức liên quan trong chương trình mô đun với thời lượng hợp lý tùy theo điều kiện giảng dạy và học tập thực tế.

- Đánh giá đúng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xây dựng và bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng.

2. Đối với người học

- Tham dự đủ 80% thời gian học được quy định trong chương trình mô đun.

- Chủ động đọc tài liệu chuẩn bị và hoàn thành nội dung tự học do nhà giáo giảng dạy yêu cầu sau mỗi buổi học.

- Tuân thủ yêu cầu của giáo viên, nội quy phòng học, trại thực hành, bảo đảm an toàn cho người và thiết bị.

- Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ đạt điểm trung bình từ 5.0 điểm trở lên.

- Phát huy tính sáng tạo trong tự học trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp.

- Hoàn thành các nội dung tự học (phụ lục nội dung tự học kèm theo) do giáo viên hướng dẫn giao.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Bảo quản và chế biến các sản phẩm từ thịt, trứng và sữa.

- Nhận biết sự hư hỏng của thịt, trứng và sữa.

- Vận dụng các phương pháp bảo quản và chế biến thịt, trứng, sữa vào cuộc sống hàng ngày.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trần Như Khuyên, Nguyễn Thanh Hải. *Giáo trình công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi*. Nhà xuất bản Hà Nội; 2007.

2. Trần Văn Chương. *Công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi và cá*. Nhà xuất bản văn hóa dân tộc; 2001.

3. Lâm Xuân Thanh. *Giáo trình công nghệ các sản phẩm sữa*. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật; 2004.

4. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. *Tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi*. 2014.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)